



# Color LaserJet CP5225 Series Printer

## Hướng dẫn Sử dụng



[www.hp.com/support/cljcp5220series](http://www.hp.com/support/cljcp5220series)





# Máy in Dòng sản phẩm HP Color LaserJet Professional CP5225

Hướng dẫn sử dụng

## **Bản quyền và Giấy phép**

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 1, 11/2015

## **Công nhận Nhãn hiệu**

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và lôgô Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

---

# Mục lục

<b>1</b>	<b>Khái niệm cơ bản về sản phẩm .....</b>	<b>1</b>
	So sánh sản phẩm .....	2
	Các tính năng môi trường .....	3
	Các tính năng của Sản phẩm .....	4
	Hình ảnh sản phẩm .....	5
	Mặt trước và mặt bên .....	5
	Mặt sau .....	6
	Số model và sê-ri .....	6
<b>2</b>	<b>Bảng điều khiển .....</b>	<b>7</b>
	Sơ đồ bảng điều khiển .....	8
	Các menu trên bảng điều khiển .....	9
	Sử dụng các menu .....	9
	Menu báo cáo .....	9
	Menu Cài đặt Hệ thống .....	11
	Menu dịch vụ .....	14
	Menu Cấu hình Mạng .....	15
<b>3</b>	<b>Phần mềm cho Windows .....</b>	<b>17</b>
	Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows .....	18
	Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows .....	18
	Trình Điều khiển In Chung HP - UPD .....	18
	Ưu tiên cho cài đặt in .....	19
	Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows .....	19
	Cài đặt phần mềm Windows .....	21
	Các loại cài đặt phần mềm cho Windows .....	21
	Xóa phần mềm cho Windows .....	21
	Các tiện ích được hỗ trợ .....	22
	HP Web Jetadmin .....	22
	Máy chủ Web nhúng .....	22

HP ToolboxFX .....	23
Các thành phần và tiện ích Windows khác .....	23

#### **4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh ..... 25**

Phần mềm cho Macintosh .....	26
Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh .....	26
Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh .....	26
Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh .....	26
Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh .....	26
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh .....	27
Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh .....	27
Xem máy chủ Web được nhúng bằng cách sử dụng Macintosh .....	27
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh .....	29
Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh .....	29
Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh .....	29
In trang bìa .....	29
Sử dụng các hình mờ .....	30
In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh .....	30
In trên cả hai mặt trang (in hai mặt) .....	30
Cài đặt tùy chọn màu .....	31
Sử dụng menu Dịch vụ .....	31

#### **5 Kết nối ..... 33**

Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ .....	34
Từ chối chia sẻ máy in .....	34
Kết nối USB .....	35
Các giao thức mạng được hỗ trợ .....	35
Cấu hình sản phẩm mạng trên mạng .....	37
Cài đặt sản phẩm vào mạng .....	37
Xem cài đặt .....	37
Báo cáo tóm tắt thông tin mạng .....	37
Trang cấu hình .....	37
TCP/IP .....	38
Địa chỉ IP .....	38
Cấu hình thông số IP .....	38
Giao thức Cấu hình Máy chủ Động (DHCP) .....	38
BOOTP .....	38
Mạng phụ .....	38
Mặt nạ mạng phụ .....	39

Cổng nối .....	39
Cổng nối mặc định .....	39
Địa chỉ IP .....	39
Cấu hình thủ công .....	39
Cấu hình tự động .....	40
Hiển thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển .....	41
Cài chức năng tự động vượt .....	41
Cài dịch vụ mạng .....	41
Cài đặt tốc độ liên kết .....	41
Khôi phục mặc định (cài đặt mạng) .....	42
<b>6 Giấy và giấy In .....</b>	<b>43</b>
Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in .....	44
Các kích thước trang và giấy in được hỗ trợ .....	45
Các loại giấy được hỗ trợ và công suất khay .....	47
Kích thước giấy được hỗ trợ để in hai mặt .....	48
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt .....	49
Nạp khay .....	50
<b>7 Các tác vụ in .....</b>	<b>53</b>
Hủy công việc in .....	54
Hủy công việc in hiện thời trên bảng điều khiển sản phẩm .....	54
Hủy công việc in hiện thời từ chương trình phần mềm .....	54
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows .....	55
Mở trình điều khiển máy in .....	55
Sử dụng các lối tắt in .....	55
Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in .....	55
Đặt các hiệu ứng cho tài liệu .....	56
Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu .....	56
Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm .....	57
Đặt các tùy chọn in nâng cao .....	57
<b>8 Màu sắc cho Windows .....</b>	<b>59</b>
Quản lý màu .....	60
Tự động .....	60
In ở Sắc Độ Xám .....	60
Điều chỉnh màu thủ công .....	60
Tùy chọn màu thủ công .....	60
Chủ đề màu .....	61

Khớp màu .....	62
Kết hợp màu bằng cách sử dụng bảng màu Microsoft Office Basic Colors .....	62
Kết hợp các màu bằng cách sử dụng công cụ HP Basic Color Match .....	62
Kết hợp màu bằng cách sử dụng View Custom Colors .....	63
Các cài đặt sử dụng màu .....	64
Mức HP ColorSphere .....	64
HP ImageREt 3600 .....	64
Chọn giấy .....	64
Color options .....	64
Standard red-green-blue (sRGB) .....	64

## 9 Quản lý và bảo trì ..... 67

Trang thông tin .....	68
HP ToolboxFX .....	69
Mở HP ToolboxFX .....	69
Tình trạng .....	70
Nhật ký sự kiện .....	70
Cảnh báo .....	71
Cài đặt Cảnh báo Tình trạng .....	71
Cài đặt E-mail Cảnh báo .....	71
Thông tin sản phẩm .....	71
Đặt mật khẩu .....	71
Trợ giúp .....	72
Cài đặt Hệ thống .....	73
Thông tin Thiết bị .....	73
Cài đặt Trang .....	74
Chất lượng In .....	75
Mật độ In .....	75
Loại Giấy .....	75
Các Chế độ In Mở rộng .....	75
Cài đặt Hệ thống .....	75
Lưu/Phục hồi Cài đặt .....	76
Bảo mật Sản phẩm .....	76
Thông số cài đặt In .....	76
Đang in .....	76
PCL5 .....	76
PostScript .....	76
Cài đặt Mạng .....	76
Mua Nguồn Cung Cấp .....	76



Các liên kết khác .....	77
Máy chủ Web nhúng .....	78
Xem Máy chủ Web Nhúng của HP .....	78
Các mục máy chủ Web nhúng .....	79
Quản lý nguồn cung cấp .....	81
Tuổi thọ hàng được cung cấp .....	81
Lưu giữ hộp mực .....	81
Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP .....	81
Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP .....	81
In khi hộp mực đã gần hết .....	82
Thay hộp mực in .....	83
Bộ nhớ và font DIMMs .....	86
Bộ nhớ sản phẩm .....	86
Cài đặt bộ nhớ và font DIMM .....	86
Kích hoạt bộ nhớ .....	90
Kích hoạt bộ nhớ cho Windows .....	90
Kiểm tra cài đặt DIMM .....	90
Lau dọn sản phẩm .....	90
Cập nhật phần sụn .....	91

## **10 Giải quyết sự cố .....** **93**

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản .....	94
Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm .....	94
Dịch thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng .....	95
Khôi phục lại cài đặt gốc .....	102
Gỡ giấy kẹt .....	103
Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp .....	103
Các vị trí kẹt giấy .....	104
Thay đổi cài đặt Phục hồi Giấy kẹt .....	104
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải .....	104
Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra .....	108
Gỡ giấy kẹt trong khay 1 .....	109
Gỡ giấy kẹt trong khay 2 .....	110
Gỡ giấy kẹt trong khay giấy 500 tờ tùy chọn và khay giấy nặng (Khay 3) .....	112
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3) .....	112
Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh .....	114
Nhận dạng và khắc phục các lỗi in .....	114
Dữ liệu kiểm tra chất lượng in .....	114
Các vấn đề về chất lượng in chung .....	115

Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu .....	118
Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in .....	121
Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng in .....	122
Hiệu chỉnh sản phẩm .....	122
Giải quyết các vấn đề về hiệu suất .....	123
Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm .....	124
Các sự cố thông thường của Windows .....	125
Giải quyết vấn đề với Macintosh .....	126
Khắc phục vấn đề với Mac OS X .....	126

## **Phụ lục A Hàng cung cấp và phụ tùng ..... 129**

Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in .....	130
Số bộ phận .....	130

## **Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ ..... 131**

Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP .....	132
Vương quốc Anh, Ireland và Malta .....	134
Áo, Bỉ, Đức và Luxemburg .....	134
Bỉ, Pháp và Luxemburg .....	135
Ý .....	136
Tây Ban Nha .....	137
Đan Mạch .....	137
Na Uy .....	137
Thụy Điển .....	138
Bồ Đào Nha .....	138
Hy Lạp và Síp .....	138
Hungary .....	139
Cộng hòa Séc .....	139
Slovakia .....	139
Ba Lan .....	140
Bulgaria .....	140
Romania .....	140
Bỉ và Hà Lan .....	141
Phần Lan .....	141
Slovenia .....	141
Croatia .....	142
Latvia .....	142
Lithuania .....	142
Estonia .....	143

Nga .....	143
Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet .....	144
Chính sách của HP về mực in không phải của HP .....	145
Trang web chống giả mạo của HP .....	146
Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in .....	147
Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối .....	148
OpenSSL .....	152
Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa .....	153
Hỗ trợ khách hàng .....	154
<b>Phụ lục C Thông số kỹ thuật .....</b>	<b>155</b>
Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể .....	156
Tiết kiệm điện, đặc điểm về điện, và phát ra tiếng ồn .....	156
Đặc điểm môi trường .....	156
<b>Phụ lục D Thông tin về Tuân thủ Quy định .....</b>	<b>157</b>
Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường .....	158
Bảo vệ môi trường .....	158
Sự tạo khí Ozone .....	158
Điện năng tiêu thụ .....	158
Tiêu thụ bột mực .....	158
Sử dụng giấy .....	158
Bộ phận làm bằng chất dẻo .....	159
Nguồn cung cấp HP LaserJet .....	159
Giấy in .....	159
Hạn chế về Nguyên liệu .....	159
Vứt bỏ thiết bị hỏng bởi người sử dụng (Liên minh Châu Âu và Ấn Độ) .....	159
Tái chế phần cứng điện tử .....	159
Thông tin về việc tái chế phần cứng tại Brazil .....	160
Hóa chất .....	160
Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008 .....	160
Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ấn Độ) .....	160
Tuyên bố Hạn Chế Sử dụng Chất độc hại (Thổ Nhĩ Kỳ) .....	160
Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ukraine) .....	160
Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc) .....	161
Thông tin cho người dùng Nhân sinh thái SEPA (Trung Quốc) .....	161
Quy định về việc áp dụng nhãn năng lượng của Trung Quốc đối với máy in, máy fax và photocopy .....	161
Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) .....	162

EPEAT .....	162
Thông tin thêm .....	162
Tuyên bố tuân thủ .....	163
Declaration of conformity .....	163
Tuyên bố về an toàn .....	165
Quy định FCC .....	165
Canada - Tuyên bố Tuân thủ ICES-003 Công nghiệp Canada .....	165
Tuyên bố VCCI (Nhật) .....	165
Tuyên bố EMC (Hàn Quốc) .....	165
Tuyên bố EMC (Trung Quốc) .....	165
Tuyên bố EMI (Đài Loan) .....	166
Hướng dẫn sử dụng dây điện .....	166
Tuyên bố về dây dẫn (Nhật) .....	166
An toàn laser .....	166
Tuyên bố về laser cho Phần Lan .....	166
Tuyên bố GS (Đức) .....	167
Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á (Belarus, Kazakhstan, Nga) .....	167
<b>Bảng chú dẫn .....</b>	<b>169</b>

---

# 1 Khái niệm cơ bản về sản phẩm

- [So sánh sản phẩm](#)
- [Các tính năng môi trường](#)
- [Các tính năng của Sản phẩm](#)
- [Hình ảnh sản phẩm](#)

# So sánh sản phẩm

## Các kiểu máy cơ sở

- In tối đa 20 trang mỗi phút (ppm) trên giấy khổ letter và giấy A4.
- khay đa năng 100 tờ (Khay 1) và khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)
- Khay tiếp giấy 500 tờ tùy chọn (Khay 3)
- Cổng universal serial bus (USB) 2.0 tốc độ cao

## Các kiểu máy kết nối mạng

- In tối đa 20 ppm trên giấy khổ letter và giấy A4.
- Khay đa năng 100 tờ (Khay 1) và khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)
- Khay tiếp giấy 500 tờ tùy chọn (Khay 3)
- Cổng universal serial bus (USB) 2.0 tốc độ cao
- Cổng mạng 10/100 Base-T cài đặt sẵn với IPv4/IPv6

## Các kiểu máy in hai mặt

- In tối đa 20 ppm trên giấy khổ letter và giấy A4.
- Khay đa năng 100 tờ (Khay 1) và khay tiếp giấy 250 tờ (Khay 2)
- Khay tiếp giấy 500 tờ tùy chọn (Khay 3)
- Cổng universal serial bus (USB) 2.0 tốc độ cao
- Cổng mạng 10/100 Base-T cài đặt sẵn với IPv4/IPv6
- Bộ phận in hai mặt tự động

## Các tính năng môi trường

In hai mặt	Tiết kiệm giấy bằng cách sử dụng tính năng in hai mặt làm cài đặt in mặc định của bạn.
Tái chế	Giảm lượng rác thải bằng cách sử dụng giấy được tái chế.  Tái chế hộp mực in bằng cách sử dụng quá trình trả sản phẩm của Đối tác Toàn cầu của HP.  Để biết thêm thông tin về việc tái chế, truy cập <a href="http://www.hp.com/recycle">www.hp.com/recycle</a> .
Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm năng lượng bằng cách sử dụng chế độ nghỉ cho sản phẩm.
In HP Smart Web	Sử dụng in HP Smart Web để chọn, lưu trữ, và sắp xếp văn bản cũng như đồ họa từ nhiều trang Web và sau đó sửa đổi và in đúng như những gì bạn nhìn thấy. Tính năng này cho phép bạn kiểm soát nhu cầu in thông tin có ý nghĩa trong khi giảm thiểu rác thải.
Lưu trữ lệnh in	Sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in để quản lý các lệnh in. Bằng cách sử dụng lưu trữ lệnh in, bạn sẽ kích hoạt in trong khi bạn sử dụng sản phẩm dùng chung, loại việc bị mất lệnh in và sau đó được in lại.

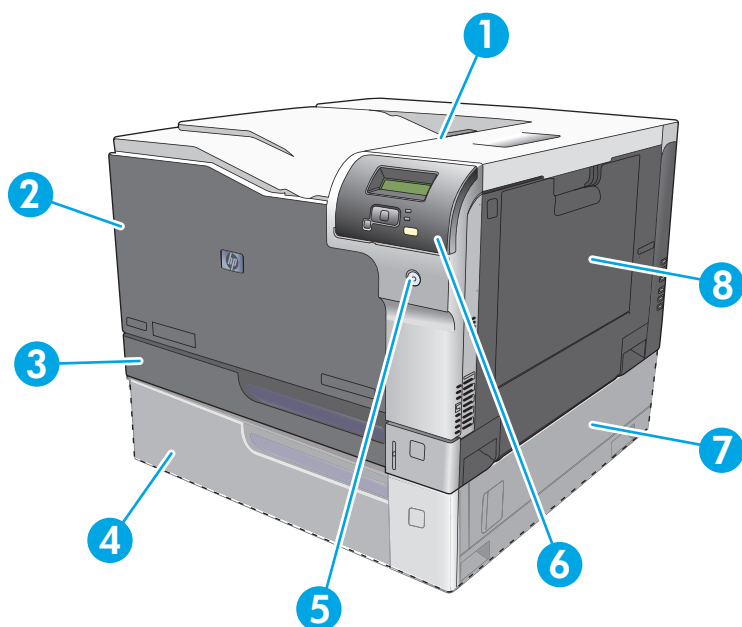
## Các tính năng của Sản phẩm

<b>In</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• In tối đa 20 trang mỗi phút (ppm) trên giấy khổ letter và giấy A4.</li><li>• In 600 x 600 điểm mỗi inch (dpi) với Ảnh RET 3600 đối với chữ và hình vẽ.</li><li>• Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in.</li><li>• Cung cấp khả năng in hai mặt tự động (chỉ có ở các kiểu máy in hai mặt).</li></ul>
<b>Bộ nhớ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bao gồm bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) 192 megabyte (MB).</li></ul>
<b>Các hệ điều hành được hỗ trợ</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Windows Vista (Starter Edition, 32-bit, và 64-bit)</li><li>• Windows Vista Server 2008 (32-bit)</li><li>• Windows XP (32-bit, Gói Dịch vụ 2)</li><li>• Windows XP (64-bit, Gói Dịch vụ 1)</li><li>• Windows Server 2003 (Gói Dịch vụ 1)</li><li>• Windows 2000 (Gói Dịch vụ 4)</li><li>• Mac OS X v10.3, v10.4, v10.5, và v10.6</li></ul>
<b>Quản lý giấy in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khay 1 (khay đa năng) chứa tối đa 100 tờ giấy in hoặc 10 phong bì.</li><li>• Khay 2 giữ đến 250 trang giấy in.</li><li>• Khay Tùy chọn 3 chứa tối đa 500 tờ giấy in.</li><li>• Ngăn giấy ra chứa tối đa 250 tờ giấy in.</li></ul>
<b>Các tính năng của trình điều khiển máy in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• ImageREt 3600 đã được cải thiện cho sản phẩm này. Các cải tiến cung cấp công nghệ bẫy, cung cấp nhiều khả năng kiểm soát hơn đối với việc đặt chấm, và kiểm soát chính xác hơn đối với sự phân phối bột mực trong một chấm. Các công nghệ mới này giúp in chất lượng cao với màu sắc mịn.</li></ul>
<b>Các kết nối giao diện</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bao gồm một cổng USB 2.0 Tốc độ Cao.</li><li>• Cổng mạng 10/100 Base-T cài đặt sẵn với IPv4/IPv6 (chỉ có ở các kiểu máy nối mạng).</li></ul>
<b>Các tính năng môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Để xác định trạng thái được chứng nhận Energy Star® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật.</li></ul>
<b>In tiết kiệm</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cung cấp tính năng in N-up (in nhiều trang trên một tờ giấy).</li><li>• Trình điều khiển máy in cung cấp tùy chọn để in hai mặt theo cách thủ công.</li></ul>
<b>Nguồn cung cấp</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các hộp mực in sử dụng mực HP ColorSphere. Để biết thông tin về số trang mà hộp mực in được, xem <a href="http://www.hp.com/go/pageyield">www.hp.com/go/pageyield</a>. Sản lượng thật sự tùy theo sự sử dụng cụ thể.</li></ul>
<b>Tiện dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Hướng dẫn sử dụng trực tuyến tương thích với các trình đọc văn bản trên màn hình.</li><li>• Có thể lắp và tháo các hộp mực in bằng một tay.</li><li>• Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay.</li></ul>



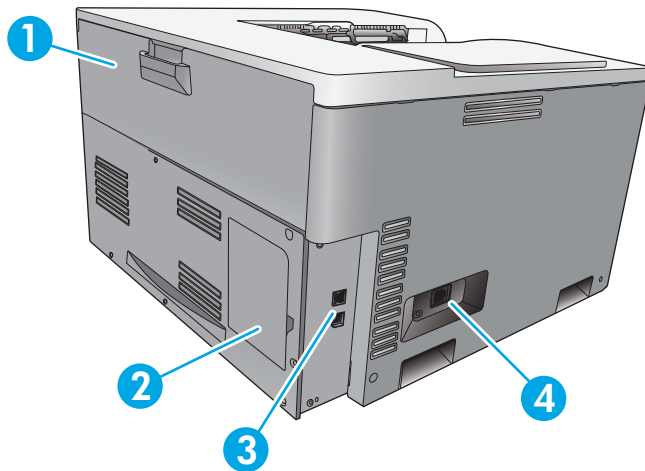
# Hình ảnh sản phẩm

## Mặt trước và mặt bên



- 
- |   |   |
|---|---|
| 1 | Ngăn giấy ra (chứa được 250 trang giấy chuẩn)                         |
| 2 | Cửa trước (cho phép truy cập vào các hộp mực)                         |
| 3 | Khay 2 (chứa được 250 trang giấy chuẩn và có khả năng tháo giấy kẹt). |
| 4 | Khay Tùy chọn 3 (chứa được 500 trang giấy chuẩn)                      |
| 5 | Nút nguồn   |
| 6 | Bảng điều khiển   |
| 7 | Khay Tùy chọn 3 tháo giấy kẹt bên phải                                |
| 8 | Khay 1 (khay đa năng—chứa được 100 trang giấy chuẩn)                  |
-

## Mặt sau

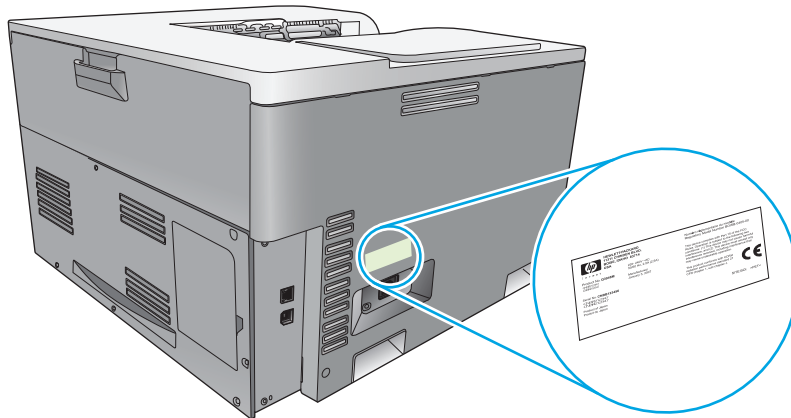


- 
- |   |   |
|---|---|
| 1 | Cửa sau (dành cho ngăn chứa chất thải bột mực)                        |
| 2 | Cửa DIMM (để thêm bộ nhớ—có một khe DIMM bổ sung)                     |
| 3 | Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao và cổng mạng (chỉ có ở các kiểu máy nối mạng) |
| 4 | Nối điện nguồn  |
- 

## Số model và sê-ri

Số kiểu máy và số sê-ri được ghi trên nhãn nhận dạng trên mặt trái của sản phẩm.

Nhãn này bao gồm thông tin về nước/vùng xuất xứ, cấp sửa đổi, ngày sản xuất, mã sản xuất, và số sản xuất của sản phẩm. Nhãn này còn có thông tin về nguồn điện.



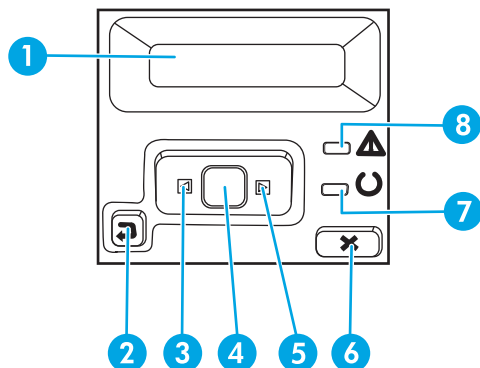
---

## 2 Bảng điều khiển

- [Sơ đồ bảng điều khiển](#)
- [Các menu trên bảng điều khiển](#)

# Sơ đồ bảng điều khiển

Sản phẩm có các mục sau trên bảng điều khiển.



- Màn hình bảng điều khiển:** Màn hình cung cấp thông tin về sản phẩm. Sử dụng các trình đơn trên màn hình để thực hiện cài đặt cho sản phẩm.
- Nút mũi tên quay về ↶: Sử dụng nút này cho các hoạt động sau:
  - Thoát khỏi trình đơn bảng điều khiển.
  - Cuộn về trình đơn trước trong danh sách trình đơn phụ.
  - Cuộn về một mục trong trình đơn trước trong danh sách trình đơn phụ (không lưu các thay đổi vào mục trình đơn).
- Nút mũi tên trái ◀: Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để giảm giá trị hiển thị trên màn hình.
- nút OK: Bấm nút OK cho các hoạt động sau:
  - Mở trình đơn bảng điều khiển.
  - Mở một trình đơn phụ được hiển thị trên màn hình bảng điều khiển.
  - Chọn một mục trình đơn.
  - Xoá một số lỗi.
  - Bắt đầu công việc in khi thấy dấu nhắc trên bảng điều khiển (ví dụ, khi tin nhắn **[OK] cho in** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển).
- Nút mũi tên phải ▶: Sử dụng nút này để điều hướng qua các menu hoặc để tăng giá trị hiển thị trên màn hình.
- Nút huỷ ✕: Bấm nút này để hủy một lệnh in mỗi khi đèn lưu ý nhấp nháy hoặc để thoát khỏi các menu trên bảng điều khiển.
- Đèn sẵn sàng** (màu xanh lá): Đèn **Sẵn sàng** chỉ sáng lên khi sản phẩm sẵn sàng để in. Nó bấm nháy khi sản phẩm đang nhận dữ liệu in.
- Đèn thông báo** (màu hổ phách): Đèn **thông báo** bấm nháy khi sản phẩm cần sự lưu ý của người dùng.

# Các menu trên bảng điều khiển

## Sử dụng các menu

1. Bấm nút **OK** để mở các menu.
2. Bấm nút mũi tên trái ◀ hoặc nút mũi tên phải ▶ để điều hướng qua các danh sách.
3. Bấm nút **OK** để chọn tùy chọn phù hợp. Dấu hoa thị (\*) xuất hiện kế bên lựa chọn hiện tại.
4. Bấm nút mũi tên lùi ↶ để di chuyển lùi lại các menu phụ.
5. Bấm nút huỷ ✕ để thoát khỏi menu mà không lưu lại bất kỳ thay đổi nào.

Các mục sau sẽ mô tả các tùy chọn cho từng menu chính:

- [Menu báo cáo thuộc trang 9](#)
- [Menu Cài đặt Hệ thống thuộc trang 11](#)
- [Menu Cấu hình Mạng thuộc trang 15](#)
- [Menu dịch vụ thuộc trang 14](#)

## Menu báo cáo

Sử dụng menu **Các báo cáo** để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.

Mục menu	Mô tả
<b>Trang Thử nghiệm</b>	In một trang màu có giới thiệu chất lượng in.
<b>Cấu trúc Menu</b>	In bản đồ bố trí trình đơn bảng điều khiển.
<b>Báo cáo Cấu hình</b>	In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm. Bao gồm thông tin mạng khi sản phẩm được kết nối mạng.
<b>Tình trạng Nguồn cung cấp</b>	In tình trạng của từng hộp mực, bao gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Ước lượng các trang còn lại</li><li>• Ước lượng phần trăm lượng mực còn trong hộp của mỗi màu</li><li>• Số bộ phận</li><li>• Số lượng tương đối các trang được in</li></ul>
<b>Tóm tắt Thông tin Mạng</b>	In danh sách tất cả các cài đặt mạng của sản phẩm (chỉ có ở các kiểu máy nối mạng).
<b>Trang Sử dụng</b>	In một trang có liệt kê các trang PCL, PCL 6, các trang mô phỏng mức 3 của HP postscript, các trang bị kẹt hoặc bị chọn nhầm trong sản phẩm, các trang in đơn sắc (trắng đen) hoặc màu; và báo cáo số trang.
<b>Danh sách Phong PCL6</b>	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL đã được cài đặt.
<b>Danh sách Phong PS</b>	In danh sách tất cả các phong PostScript (PS) đã được cài đặt.
<b>Danh sách Phong PCL 6</b>	In danh sách tất cả các phong PCL6 đã được cài đặt.
<b>Nhật ký Sử dụng Màu</b>	In một báo cáo có hiển thị tên người dùng, tên ứng dụng, và thông tin sử dụng màu trên từng tác vụ in riêng biệt.

<b>Mục menu</b>	<b>Mô tả</b>
<b>Trang Dịch vụ</b>	In báo cáo dịch vụ.
<b>Trang Chẩn đoán</b>	In các trang hiệu chỉnh và trang chẩn đoán màu.

## Menu Cài đặt Hệ thống

Sử dụng menu này để thiết lập các cài đặt sản phẩm cơ bản. Menu **Cài đặt Hệ thống** có nhiều menu phụ. Các menu phụ được mô tả trong bảng sau.

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
<b>Ngôn ngữ</b>			Chọn ngôn ngữ cho các thông báo trên màn hình bằng điều khiển và trong các báo cáo sản phẩm.
<b>Paper Setup</b> (Cài đặt Trang)	<b>Kích thước Giấy Mặc định</b>	<b>Letter</b>	Chọn kích thước để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ lệnh in nào không được xác định kích thước.
		<b>A4</b>	
		<b>Legal</b>	
		<b>A3</b>	
		<b>11x17</b>	
		<b>Loại Giấy Mặc định</b>	Danh sách các loại giấy hiện có sẽ xuất hiện.
	<b>Khay 1</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy:</b>	Chọn khổ và loại mặc định cho Khay 1 từ danh sách các loại giấy và khổ giấy hiện có.
	<b>Khay 2</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy:</b>	Chọn khổ và loại mặc định cho Khay 2 từ danh sách các loại giấy và khổ giấy hiện có.
	<b>Khay 3</b>	<b>Kích thước giấy</b> <b>Loại giấy:</b>	Nếu Khay tùy chọn 3 được lắp, chọn khổ giấy và loại mặc định cho Khay 3 từ danh sách các loại giấy và khổ giấy hiện có.
	<b>Hành động Giấy in Ra</b>	<b>Chờ Mãi mãi</b>	Chọn cách sản phẩm sẽ hoạt động trở lại khi một lệnh in yêu cầu kích thước hoặc loại giấy hiện không có hoặc khi khay được chọn hết giấy.  Chọn tùy chọn <b>Chờ Mãi mãi</b> để sản phẩm chờ cho đến khi bạn nạp đúng loại giấy và bấm nút <b>OK</b> . Đây là cài đặt mặc định.
		<b>Ghi đè</b>	
		<b>Hủy</b>	
			Chọn tùy chọn <b>Ghi đè</b> để in trên một loại giấy hoặc kích thước giấy khác sau khi hoàn thao tác được chỉ định.
			Chọn tùy chọn <b>Hủy</b> để tự động hủy tác vụ in sau khi hoàn thao tác được chỉ định.
			Nếu bạn chọn tùy chọn <b>Ghi đè</b> hoặc <b>Hủy</b> , bảng điều khiển sẽ nhắc bạn xác định số giây tạm hoãn. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm thời gian.

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Chất lượng In	Cho phép In Màu	Có	Chọn tùy chọn <b>Có</b> để cho phép in ở chế độ đơn sắc (trắng đen) hoặc màu tùy thuộc vào lệnh in. Đây là cài đặt mặc định.
		Không	Chọn tùy chọn <b>Không</b> để tắt in màu. Tất cả lệnh in sẽ được in ở chế độ đơn sắc (trắng đen). Một số trang bên trong sẽ vẫn in màu.
	Hiệu chỉnh Màu	Hiệu chỉnh Ngay bây giờ Hiệu chỉnh khi Bật máy	<b>Hiệu chỉnh Ngay bây giờ:</b> Cài đặt sản phẩm thực hiện hiệu chỉnh ngay lập tức. Nếu đang tiến hành một lệnh in, sản phẩm sẽ hiệu chỉnh sau khi hoàn tất lệnh in đó. Nếu một thông báo lỗi hiển thị, bạn phải xóa lỗi đó trước.  <b>Hiệu chỉnh khi Bật máy:</b> Chọn trong bao lâu sản phẩm sẽ hiệu chỉnh sau khi được bật. Cài đặt mặc định là tùy chọn <b>15 phút</b> .
Điều chỉnh Sắp xếp	In Trang Kiểm tra Điều chỉnh Khay <X>	<b>In Trang Kiểm tra:</b> In thử một trang để kiểm tra việc sắp xếp lệnh in của sản phẩm.  <b>Điều chỉnh Khay &lt;X&gt;:</b> Điều chỉnh việc sắp xếp của khay được chỉ định.	
Thời gian Tiết kiệm Điện	Độ trễ chế độ Nghỉ	Tắt	Cài đặt sản phẩm sẽ ở chế độ chờ trong bao lâu trước khi chuyển sang chế độ PowerSave (Tiết kiệm điện). Sản phẩm sẽ tự động thoát khỏi chế độ PowerSave (Tiết kiệm điện) khi bạn gửi một lệnh in hoặc bấm vào một nút trên bảng điều khiển.  Cài đặt mặc định là tùy chọn <b>15 phút</b> .
		1 phút	
15 phút			
30 phút			
1 giờ			
		2 giờ	
	Độ trễ chế độ Tự động Tắt	Không bao giờ 1 giờ 2 giờ 4 giờ 8 giờ 24 giờ	Chọn một trong các tùy chọn khoảng thời gian để đặt lượng thời gian không hoạt động mà sản phẩm sẽ chờ trước khi tắt như một cách để tiết kiệm năng lượng.  Chọn tùy chọn <b>Không bao giờ</b> để sản phẩm không tắt sau một khoảng thời gian nhất định. Đây là cài đặt mặc định.



Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Ở mức Rất Thấp	Hộp mực Đen	Ngừng	<p><b>Ngừng:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực đen đã hết, máy sẽ ngừng in. Nguồn cung cấp có thể vẫn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được. Để tiếp tục in, hãy thay nguồn cung cấp hoặc cấu hình lại các cài đặt của sản phẩm.</p> <p><b>Lỗi nhắc:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực đen đã hết, chọn cài đặt này để được nhắc trên bảng điều khiển để tiếp tục in. Nguồn cung cấp không cần thay thế trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt. Đây là cài đặt mặc định.</p> <p><b>Tiếp tục:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng một hộp mực đen đã hết, chọn cài đặt này để tiếp tục in cho đến khi chất lượng in giảm.</p>
		Lỗi nhắc	
		Tiếp tục	
Ở mức Rất Thấp	Hộp mực Màu	Ngừng	<p><b>Ngừng:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực đã hết, máy sẽ ngừng in. Nguồn cung cấp có thể vẫn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được. Để tiếp tục in, hãy thay nguồn cung cấp hoặc cấu hình lại các cài đặt của sản phẩm.</p> <p><b>Lỗi nhắc:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực màu đã hết, chọn cài đặt này để được nhắc trên bảng điều khiển để tiếp tục in. Nguồn cung cấp không cần thay thế trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP đã hết, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt. Đây là cài đặt mặc định.</p> <p><b>Tiếp tục:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực màu đã hết, chọn cài đặt này để tiếp tục in cho đến khi chất lượng in giảm.</p> <p><b>In Đen trắng:</b> Nếu sản phẩm xác định rằng hộp mực màu đã hết, chọn cài đặt này để tiếp tục in chỉ bằng mực đen.</p>
		Lỗi nhắc	
		Tiếp tục	
		In Đen trắng	
Mức thấp do Người dùng Định nghĩa	Đen	(1-100)	<p>Ngưỡng phần trăm do người dùng xác định sẽ xác định khi nào sản phẩm sẽ bắt đầu báo cáo tình trạng mực sắp cạn. Thông báo xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển.</p>
	Xanh lá mạ		
	Đỏ tươi		
	Vàng		
Phông Courier	Bình thường		Chọn một phiên bản của phông Courier.
	Tối		Tùy chọn <b>Tối</b> là một phông Courier nội bộ khả dụng trên máy in Dòng sản phẩm HP LaserJet III và các máy in cũ hơn.

## Menu dịch vụ

Sử dụng menu này để khôi phục các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.

Mục menu	Mục trình đơn phụ	Mô tả
Trang Lau dọn		<p>Sử dụng tùy chọn này để xóa sản phẩm khi bạn thấy có vết bột mực hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy.</p> <p>Khi bạn chọn mục này, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp giấy thường vào khay 1 và sau đó bấm nút <b>OK</b> để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Loại bỏ các trang được in.</p>
Chế độ Lau dọn		<p>Hãy sử dụng tùy chọn này để lau sạch mặt đáy của kính máy quét.</p>
Tốc độ USB	<b>Cao</b> <b>Đầy</b>	<p>Đặt tốc độ USB <b>Cao</b> hoặc <b>Đầy</b>. Để sản phẩm thật sự hoạt động ở mức tốc độ cao, sản phẩm phải được phép hoạt động tốc độ cao và được kết nối với bộ điều khiển máy chủ EHCl, cũng đang hoạt động ở tốc độ cao. Mục menu này cũng không ảnh hưởng đến tốc độ hoạt động hiện tại của sản phẩm.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Cao</b>.</p>
Giấy ít Cong hơn	<b>Tắt</b> <b>Bật</b>	<p>Nếu các trang in bị cong đồng nhất, sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm cong.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Tắt</b>.</p>
In Lưu trữ	<b>Tắt</b> <b>Bật</b>	<p>Nếu bạn đang in các trang sẽ được lưu giữ lâu dài, hãy sử dụng tùy chọn này để cài sản phẩm sang chế độ giảm nhòe và lấm bụi mực.</p> <p>Cài đặt mặc định là <b>Tắt</b>.</p>
Khôi phục Mặc định	<b>Có</b> <b>Không</b>	<p>Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy.</p>

## Menu Cấu hình Mạng

Sử dụng trình đơn này để thực hiện cài đặt cấu hình mạng.

 **GHI CHÚ:** Menu này chỉ xuất hiện trên các kiểu máy nối mạng.

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Cấu hình TCP/IP	Tự động	Chọn tùy chọn <b>Tự động</b> để tự động cấu hình tất cả các cài đặt TCP/IP.
	Thủ công	Chọn tùy chọn <b>Thủ công</b> để cấu hình địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định theo cách thủ công.  Cài đặt mặc định là <b>Tự động</b> .
Tự động Vượt	<b>Bật</b> <b>Tắt</b>	Mục này được sử dụng khi sản phẩm đang được kết nối trực tiếp với một máy tính cá nhân bằng cáp Ethernet (bạn phải cài đặt mục này sang <b>Bật</b> hoặc <b>Tắt</b> tùy thuộc vào máy tính đang được sử dụng).  Cài đặt mặc định là tùy chọn <b>Bật</b> .
Dịch vụ Mạng	IPv4	Mục này được sử dụng bởi các nhà quản trị mạng để hạn chế các dịch vụ mạng hiện có trên sản phẩm này.  <b>Bật</b> <b>Tắt</b>  Cài đặt mặc định cho tất cả các mục là <b>Bật</b> .
	IPv6	
Hiển thị Địa chỉ IP	<b>Không</b> <b>Có</b>	<b>Không:</b> Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ không xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển.  <b>Có:</b> Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, luân tự giữa các thông tin về nguồn cung cấp và địa chỉ IP của sản phẩm. Địa chỉ IP sẽ không được hiển thị nếu tồn tại một điều kiện lỗi.  Cài đặt mặc định là <b>Không</b> .
Tốc độ Liên kết	Tự động (mặc định)	Cài tốc độ liên kết theo cách thủ công nếu cần.
	10T Full	Sau khi cài đặt tốc độ liên kết, sản phẩm sẽ tự khởi động lại.
	10T Một nửa	
	100TX Full	
	100TX Half	
Khôi phục Mặc định	Bấm nút <b>OK</b> để khôi phục các cài đặt cấu hình mạng trở về giá trị mặc định.	



---

## 3 Phần mềm cho Windows

- [Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows](#)
- [Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows](#)
- [Trình Điều khiển In Chung HP - UPD](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Cài đặt phần mềm Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ](#)

## Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành Windows sau:


- Windows Vista (Starter Edition, 32-bit, và 64-bit)
- Windows Vista Server 2008 (32-bit)
- Windows XP (32-bit, Gói Dịch vụ 2)
- Windows XP (64-bit, Gói Dịch vụ 1)
- Windows Server 2003 (Gói Dịch vụ 1)
- Windows 2000 (Gói Dịch vụ 4)

## Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows

- PCL 6 (trên CD phần mềm)
- Trình điều khiển máy in phổ biến PCL 5 (HP UPD) (có trên Web)
- Trình điều khiển máy in phổ biến mô phỏng cấp độ 3 của HP postscript (có trên Web)

Trình điều khiển máy in bao gồm mục Trợ Giúp trực tuyến có các hướng dẫn cho những thao tác in phổ biến và cả mô tả các nút, các hộp chọn, và các danh sách thả xuống có trong trình điều khiển máy in.

---

 **GHI CHÚ:** Các trình điều khiển máy in phổ biến mô phỏng cấp độ 3 PCL 5 và HP hỗ trợ sản phẩm này là các phiên bản của Trình Điều khiển In Phổ biến của HP (UPD) dành cho Windows. Chúng lắp đặt và vận hành theo cách thức giống như các phiên bản trước của các trình điều khiển đó, và họ không yêu cầu bất kỳ cấu hình đặc biệt nào. Để biết thêm thông tin về các UPD, xem [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).

---

## Trình Điều khiển In Chung HP - UPD

Trình điều khiển In Phổ biến của HP (UPD) dành cho Windows là các trình điều khiển giúp bạn truy cập ảo ngay vào bất kỳ sản phẩm HP LaserJet nào từ bất kỳ vị trí nào, mà không cần tải xuống trình điều khiển riêng. Chúng được xây dựng trên công nghệ trình điều khiển in đã được chứng minh của HP và được kiểm tra toàn bộ và sử dụng với nhiều chương trình phần mềm. Chúng là các giải pháp mạnh mẽ thực hiện thống nhất liên tục. Đối với sản phẩm này, có hai UPD:

- UPD của PCL 5
- UPD mô phỏng cấp độ 3 của HP postscript

Một UPD của HP giao tiếp trực tiếp với mỗi sản phẩm HP, thu thập thông tin cấu hình, và sau đó tùy chỉnh giao diện người dùng để hiển thị các tính năng độc đáo, hiện có của sản phẩm. UPD này tự động cho phép các tính năng khả dụng đối với sản phẩm, như in hai mặt và dập ghim, do vậy bạn không cần bật chúng một cách thủ công.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).

## Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:



**GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt bằng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt thay bằng bảng điều khiển máy in sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi thực hiện ở các nơi khác.

## Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm	Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in	Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm
<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trên menu <b>File</b> (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm <b>Print (In)</b>.</li><li>2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm <b>Properties</b> (Đặc Tính) hoặc <b>Preferences</b> (Sở Thích).</li></ol> <p>Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.</p>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. <b>Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008</b> (sử dụng giao diện menu <b>Bắt đầu mặc định</b>): Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), sau đó bấm <b>Printer and Faxes</b> (Máy in và Fax).</li></ol> <p>- hoặc -</p> <p><b>Windows 2000, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008</b> (sử dụng giao diện menu <b>Bắt đầu Cổ điển</b>): Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), bấm <b>Settings</b> (Cài đặt), sau đó bấm <b>Printers</b> (Máy in).</p> <p>- hoặc -</p> <p><b>Windows Vista:</b> Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), bấm <b>Control Panel</b> (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần <b>Hardware and Sound</b> (Phần cứng</p>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. <b>Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008</b> (sử dụng giao diện menu <b>Bắt đầu mặc định</b>): Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), sau đó bấm <b>Printer and Faxes</b> (Máy in và Fax).</li></ol> <p>- hoặc -</p> <p><b>Windows 2000, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008</b> (sử dụng giao diện menu <b>Bắt đầu Cổ điển</b>): Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), bấm <b>Settings</b> (Cài đặt), sau đó bấm <b>Printers</b> (Máy in).</p> <p>- hoặc -</p> <p><b>Windows Vista:</b> Bấm <b>Start</b> (Bắt đầu), bấm <b>Control Panel</b> (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần <b>Hardware and Sound</b> (Phần cứng</p>

---

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm	Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in	Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm
	<p>và Âm thanh), bấm <b>Printer</b> (Máy in).</p> <p>2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn <b>Printing Preferences</b> (Sở Thích In).</p>	<p>và Âm thanh), bấm <b>Printer</b> (Máy in).</p> <p>2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn <b>Properties</b> (Đặc Tính).</p> <p>3. Bấm vào tab <b>Device Settings</b> (Cài Đặt Thiết Bị).</p>

---



# Cài đặt phần mềm Windows

## Các loại cài đặt phần mềm cho Windows

Trình cài đặt phần mềm hướng dẫn bạn thời gian kết nối sản phẩm với một máy tính hoặc nối mạng. Sau khi sản phẩm được kết nối, trình cài đặt sẽ cho bạn tùy chọn kết thúc cài đặt mà không cần cài đặt tất cả các phần mềm được khuyến nghị.

Hệ điều hành sau đây hỗ trợ cài đặt “đầy đủ” phần mềm được khuyến nghị.

- Windows Vista 32-bit
- Windows Vista 64-bit
- Windows XP, Gói Dịch vụ 2

Hệ điều hành sau đây hỗ trợ cài đặt “tối thiểu”, những phần không có trong phần mềm được khuyến nghị.

- Windows Vista Starter Edition
- Windows Vista 32-bit
- Windows Vista 64-bit
- Windows Vista Server 2008, 32 bit
- Windows XP, Gói Dịch vụ 2
- Windows XP 64-bit, Gói Dịch vụ 1
- Windows Server 2003, Gói Dịch vụ 1
- Windows 2000, Gói Dịch vụ 4

## Xóa phần mềm cho Windows

1. Nhấp **Start**, và sau đó nhấn **All Programs**.
2. Nhấp **HP**, và sau đó nhấp **Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP5225 máy in**.
3. Nhấp **Uninstall** (Gỡ cài đặt), và sau đó làm theo các hướng dẫn trên màn hình để xoá phần mềm.

# Các tiện ích được hỗ trợ

## HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ quản lý dựa trên trình duyệt dành cho các máy in sử dụng kết nối HP Jetdirect trong mạng intranet, và chỉ cần cài đặt phần mềm này trên máy tính của quản trị mạng.

Để tải xuống phiên bản HP Web Jetadmin và danh sách các hệ thống máy chủ được hỗ trợ mới nhất, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin).

Khi đã được cài vào máy chủ, máy khách Windows có thể truy cập vào HP Web Jetadmin bằng cách sử dụng trình duyệt Web được hỗ trợ Java (ví dụ như Microsoft Internet Explorer hoặc Netscape Navigator) bằng cách điều hướng vào máy chủ HP Web Jetadmin.

## Máy chủ Web nhúng

Sản phẩm này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về sản phẩm kết nối mạng và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trên một trình duyệt Web, như Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari, hoặc Firefox.

Máy chủ Web nhúng được cài trên sản phẩm. Nó không được tải trên máy chủ mạng.

Máy chủ Web được nhúng cung cấp giao diện cho sản phẩm để bất cứ ai có máy tính được kết nối mạng và trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Không cần cài đặt hay cấu hình phần mềm đặc biệt, nhưng bạn phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính. Để có quyền truy cập vào máy chủ Web được nhúng, nhập địa chỉ IP của sản phẩm trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).)

Để có giải thích đầy đủ về những tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 78](#).

## HP ToolboxFX

HP ToolboxFX phần mềm là một chương trình bạn có thể sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng sản phẩm
- Kiểm tra tình trạng cung cấp và mua hàng trực tuyến
- Cài đặt cảnh báo
- Xem báo cáo sử dụng sản phẩm
- Xem tài liệu về sản phẩm
- Nhận truy cập để xử lý sự cố và bảo trì công cụ

HP ToolboxFX được hỗ trợ cài đặt USB trực tiếp và mạng. Bạn không cần phải truy cập Internet để mở và sử dụng HP ToolboxFX. HP ToolboxFX hiện chỉ có theo một cài đặt Được đề nghị.



**GHI CHÚ:** HP ToolboxFX không được hỗ trợ cho các hệ điều hành Windows 2000, Windows Server 2003, hoặc Macintosh. Để sử dụng HP ToolboxFX, bạn phải cài đặt giao thức TCP/IP trên máy tính của mình.

---

#### Các hệ điều hành được hỗ trợ

- Microsoft Windows XP, Service Pack 2 (Home and Professional editions)
  - Microsoft Windows Vista™
- 

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng HP ToolboxFX phần mềm, xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69](#).

## Các thành phần và tiện ích Windows khác

- Bộ cài đặt phần mềm — tự động cài đặt hệ thống in
- Đăng ký Web trực tuyến
- Video về Tối ưu hoá Chất lượng In
- HP Basic Color Match (có trên Web)
- HP Easy Printer Care (có trên Web)
- Web Printsmart (có trên Web)
- HP SureSupply
- HP Print View Software (có trên Web)



---

## 4 Sử dụng sản phẩm với Macintosh


- [Phần mềm cho Macintosh](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)

# Phần mềm cho Macintosh

## Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Sản phẩm hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X v10.3, v10.4, v10.5, và v10.6

 **GHI CHÚ:** Đối với Mac OS X v10.4 và phiên bản mới hơn, PPC và Intel Core Processor Macs được hỗ trợ.

---

## Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Trình cài đặt HP cung cấp các tệp PostScript® Printer Description (PPD) và Printer Dialog Extensions (PDEs) để sử dụng cho các máy tính Macintosh.

## Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh

Bạn phải có quyền của người quản trị để tháo cài đặt phần mềm.

### Mac OS X V10.3 và V10.4

1. Duyệt qua thư mục sau:

`Library/Printers/PPDs/Contents/Resources`

2. Mở thư mục `<lang>.lproj`, trong đó `<lang>` là mã ngôn ngữ gồm hai chữ cái.
3. Xóa tệp `.GZ` cho sản phẩm này.
4. Lặp lại bước 2 và 3 cho mỗi thư mục ngôn ngữ.

### Mac OS X V10.5


1. Duyệt qua thư mục sau:

`Library/Printers/PPDs/Contents/Resources`

2. Xóa tệp `.GZ` cho sản phẩm này.

## Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

---

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Bấm **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tệp) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Các cài đặt được thay đổi ở đây có thể ghi đè các cài đặt được thay đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tệp) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).

- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

## Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Macintosh

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm	Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in	Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên menu <b>File</b> (Tập tin), bấm <b>Print (In)</b>.</li> <li>2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên menu <b>File</b> (Tập tin), bấm <b>Print (In)</b>.</li> <li>2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.</li> <li>3. Trên menu <b>Presets</b> (Cài đặt Sẵn), bấm <b>Save as</b> (Lưu như) và nhập tên của cài đặt sẵn.</li> </ol> <p>Các cài đặt này được lưu trong menu <b>Presets</b> (Cài đặt sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn cài đặt sẵn đã lưu mỗi lần mở một chương trình và in.</p>	<p><b>Mac OS X v10.3 hoặc Mac OS X v10.4</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ menu của Apple, bấm <b>System Preferences</b> (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm <b>Print &amp; Fax (In &amp; Fax)</b>.</li> <li>2. Bấm <b>Printer Setup</b> (Cài đặt Máy in).</li> <li>3. Bấm menu <b>Installable Options</b> (Tùy chọn Có thể Cài đặt).</li> </ol> <p><b>Mac OS X v10.5 hoặc Mac OS X v10.6</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Từ menu của Apple, bấm <b>System Preferences</b> (Sở thích Hệ thống), sau đó bấm <b>Print &amp; Fax (In &amp; Fax)</b>.</li> <li>2. Bấm <b>Options &amp; Supplies</b> (Tùy chọn &amp; Nguồn Cung cấp).</li> <li>3. Bấm menu <b>Driver</b> (Trình Điều khiển).</li> <li>4. Chọn trình điều khiển có trong danh sách, và lập cấu hình các tùy chọn được cài đặt.</li> </ol>

## Các tiện ích được hỗ trợ cho Macintosh

### Xem máy chủ Web được nhúng bằng cách sử dụng Macintosh

Bạn truy cập vào máy chủ Web nhúng (EWS) bằng cách nhấp vào nút **Utility** (Tiện ích) khi xem dãy lệnh in. Thao tác này sẽ mở một trình duyệt Web, ví dụ như Safari, cho phép người sử dụng truy cập vào EWS. Bạn cũng có thể truy cập trực tiếp EWS bằng cách nhập địa chỉ IP mạng hoặc tên DNS của sản phẩm vào trình duyệt Web.

Phần mềm HP USB EWS Gateway, được cài đặt tự động, cũng cho phép trình duyệt Web truy cập vào sản phẩm nếu sản phẩm được kết nối bằng cáp USB. Bấm vào nút **Utility** (Tiện ích) khi sử dụng kết nối USB để truy cập EWS qua trình duyệt Web.

Sử dụng EWS để thực hiện các tác vụ sau:

- Xem tình trạng sản phẩm và thay đổi các cài đặt của sản phẩm.
- Xem và thay đổi các cài đặt mạng cho sản phẩm.

- In các trang thông tin cho sản phẩm.
- Xem nhật ký sự kiện của sản phẩm.



# Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

## Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh

Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.


### Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in.
4. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save As...** (Lưu làm), và nhập tên cho cài đặt sẵn này.
5. Bấm **OK**.

### Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), chọn cài đặt sẵn in bạn muốn sử dụng.

---

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng các cài đặt mặc định của trình điều khiển máy in, chọn **Standard** (Chuẩn).

## Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh

Bạn có thể co giãn tài liệu cho vừa trên kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Paper Handling** (Xử Lý Giấy).
3. Trong vùng cho **Destination Paper Size** (Kích Thước Giấy Đích), chọn **Scale to fit paper size** (Co giãn cho vừa kích thước giấy), và sau đó chọn kích thước giấy từ danh sách thả xuống.
4. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng giấy nhỏ hơn tài liệu, chọn **Scale down only** (Chỉ giảm xuống).

## In trang bìa

Bạn có thể in một trang bìa riêng cho tài liệu có một thông báo (chẳng hạn như “Bí Mật”).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Cover Page** (Trang bìa), sau đó chọn in trang bìa **Before Document** (Trước Tài liệu) hoặc **After Document** (Sau Tài liệu)
4. Trong menu **Cover Page Type** (Kiểu Trang bìa), chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

---

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trắng, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa).

---

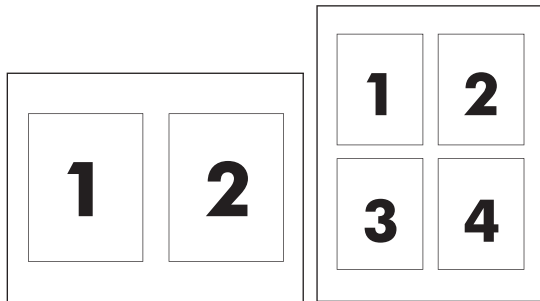
## Sử dụng các hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như “Bí Mật,” được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Watermarks** (Hình mờ).
3. Chọn **Mode** (Chế độ), chọn kiểu hình mờ bạn muốn sử dụng. Chọn **Watermark** (Hình mờ) để in một thông báo nửa trong suốt. Chọn **Overlay** (Phủ) để in một thông báo không trong suốt.
4. Chọn **Page** (Trang), chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trang đầu.
5. Chọn **Text** (Văn bản), chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn **Custom** (Tùy chỉnh) và nhập một thông báo mới vào hộp.
6. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.

## In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh


Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy. Tính năng này cung cấp một cách hiệu quả để in các trang nháp.



1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Chọn **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Chọn **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và bố cục của các trang tài liệu trên trang giấy.
6. Chọn **Borders** (Đường viền), chọn kiểu đường viền sẽ được in quanh mỗi trang tài liệu trên trang giấy.

## In trên cả hai mặt trang (in hai mặt)

---

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh bị kẹt, không nạp giấy nặng hơn 105 g/m<sup>2</sup> (28-lb bond) để in hai mặt tự động.

---

## Sử dụng in hai mặt tự động

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư mặt quay lên trên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư mặt trước úp xuống với cạnh trên cùng ở phía sau khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Mở menu **Layout** (Bố cục).
4. Cạnh **Two-Sided** (Hai Mặt), chọn **Long-Edge Binding** (Đóng Cạnh Dài) hoặc **Short-Edge Binding** (Đóng Cạnh Ngắn).
5. Nhấp **Print** (In).

## In hai mặt thủ công

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư mặt quay lên trên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư mặt trước úp xuống với cạnh trên cùng ở phía sau khay.
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Trên menu **Finishing** (Hoàn thành), chọn **Manually Print on 2nd Side** (In Thủ công trên Mặt Thứ 2).
4. Nhấp **Print** (In). Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong cửa sổ pop-up hiển thị trên màn hình máy tính trước khi lắp xếp giấy ra vào khay 1 để in phần thứ hai.
5. Đến máy in, và lấy hết giấy trắng trong khay 1 ra.
6. Đặt chồng giấy đã in vào khay 1 với mặt quay lên, cạnh dưới nạp vào máy in trước. Bạn *phải* in mặt thứ hai từ khay 1.
7. Nếu được nhắc, nhấn nút panen điều khiển thích hợp để tiếp tục.

## Cài đặt tùy chọn màu

Sử dụng menu sổ xuống **Color Options** (Tùy chọn Màu) để kiểm soát cách các màu này sẽ được xuất và in ra từ các chương trình phần mềm.

1. Nhấp vào **Show Advanced Options**.
2. Điều chỉnh các cài đặt riêng cho chữ, hình đồ họa và hình chụp.

## Sử dụng menu Dịch vụ

Nếu sản phẩm được nối mạng, hãy sử dụng menu **Services** (Dịch vụ) để xem thông tin về sản phẩm và tình trạng nguồn cung cấp.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Services** (Dịch Vụ).

---

## 5 Kết nối

- [Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ](#)
- [Kết nối USB](#)
- [Các giao thức mạng được hỗ trợ](#)
- [Cấu hình sản phẩm mạng trên mạng](#)

## Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ

Các hệ điều hành sau hỗ trợ in mạng:

- Windows Vista (Starter Edition, 32-bit, và 64-bit)
- Windows Vista Server 2008 (32-bit)
- Windows XP (32-bit, Gói Dịch vụ 2)
- Windows XP (64-bit, Gói Dịch vụ 1)
- Windows Server 2003 (Gói Dịch vụ 1)
- Windows 2000 (Gói Dịch vụ 4)
- Mac OS X v10.3, v10.4, v10.5, và v10.6



**GHI CHÚ:** Không phải tất cả các hệ điều hành mạng đều hỗ trợ cài đặt phần mềm đầy đủ. Xem [Hỗ trợ các hệ điều hành dành cho máy cài Windows thuộc trang 18](#) và [Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh thuộc trang 26](#).

---

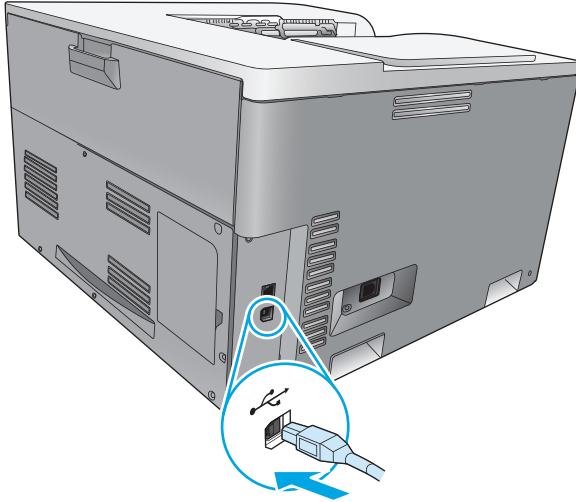
## Từ chối chia sẻ máy in

HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

# Kết nối USB

**GHI CHÚ:** Không cắm cáp USB vào trước khi cài đặt phần mềm. Chương trình cài đặt sẽ thông báo với bạn khi có thể kết nối cáp USB.

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối USB 2.0. Bạn phải sử dụng cáp USB loại A-B để in.



## Các giao thức mạng được hỗ trợ

Sản phẩm hỗ trợ giao thức mạng TCP/IP. Nó được sử dụng rộng rãi nhất và là giao thức mạng được chấp nhận. Nhiều dịch vụ mạng sử dụng giao thức này. Sản phẩm này cũng hỗ trợ IPv4 và IPv6. Các bảng sau liệt kê các dịch vụ/giao thức mạng được hỗ trợ trong sản phẩm

**Bảng 5-1 In**

Tên dịch vụ	Mô tả
port 9100 (Chế độ Trực tiếp)	Dịch vụ in
Daemon máy in dòng (LPD)	Dịch vụ in
ws-in	Giải pháp in cắm và chạy của Microsoft

**Bảng 5-2 Phát hiện sản phẩm qua mạng**

Tên dịch vụ	Mô tả
SLP (Giao thức Địa điểm Dịch vụ)	Giao thức Khám phá Thiết bị, được sử dụng để tìm và cấu hình thiết bị mạng. Được sử dụng chủ yếu bởi các chương trình phần mềm có nền Microsoft.
Bonjour (cũng được biết là "Rendezvous" hoặc "mDNS")	Giao thức Khám phá Thiết bị, được sử dụng để tìm và cấu hình thiết bị mạng. Được sử dụng chủ yếu bởi các chương trình phần mềm có nền Apple Macintosh.
ws-khám phá	Được sử dụng bởi các chương trình phần mềm có nền Microsoft

**Bảng 5-3 Nhấn tin và quản lý**

Tên dịch vụ	Mô tả
HTTP (giao thức truyền siêu văn bản)	Cho phép các trình duyệt Web liên lạc với máy chủ Web được nhúng.
SNMP (giao thức quản lý mạng đơn giản)	Được các chương trình mạng sử dụng để quản lý sản phẩm. Các đối tượng SNMP V1 và standard MIB-II (Cơ sở Thông tin Quản lý) được hỗ trợ.

**Bảng 5-4 Địa chỉ IP**

Tên dịch vụ	Mô tả
DHCP (giao thức cấu hình máy chủ động): IPv4 và IPv6	Để chỉ định địa chỉ IP Tự động. Máy chủ DHCP cung cấp một địa chỉ IP cho sản phẩm. Thường không cần sự can thiệp của người dùng cho việc sản phẩm nhận địa chỉ IP từ máy chủ DHCP.
BOOTP (giao thức bootstrap)	Để chỉ định Địa chỉ IP Tự động. Máy chủ BOOTP cung cấp sản phẩm với địa chỉ IP đi kèm. Yêu cầu quản trị viên nhập địa chỉ phần cứng MAC của sản phẩm vào tệp HOSTS của máy chủ BOOTP để sản phẩm nhận địa chỉ IP từ máy chủ đó.
IP Tự động	Để chỉ định địa chỉ IP Tự động. Nếu không có máy chủ DHCP hay BOOTP, dịch vụ này cho phép sản phẩm tạo một địa chỉ IP duy nhất.  Với việc xác định địa chỉ IP thủ công, bạn có thể cung cấp địa chỉ IP, mặt nạ cấp dưới, và địa chỉ cổng một cách thủ công.



# Cấu hình sản phẩm mạng trên mạng

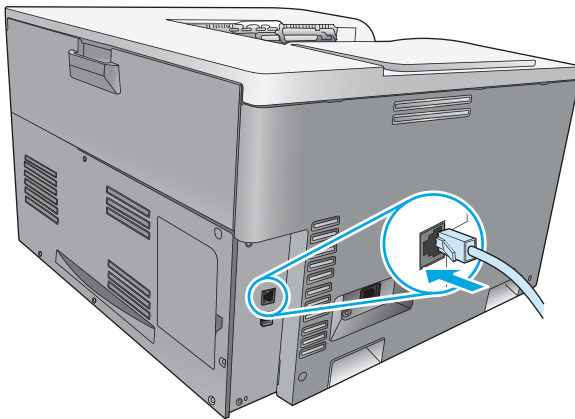
Để cấu hình các thông số mạng trên sản phẩm, sử dụng bảng điều khiển sản phẩm, hoặc máy chủ Web được nhúng. Với hệ điều hành Windows, sử dụng phần mềm HP ToolboxFX. Đối với Mac OS X, sử dụng nút **Utility**(Tiện ích).

## Cài đặt sản phẩm vào mạng

HP khuyên bạn nên sử dụng bộ cài đặt phần mềm HP trên đĩa CD-ROM của sản phẩm để cài đặt trình điều khiển máy in cho mạng.

**GHI CHÚ:** Đối với các hệ điều hành Windows, bạn *phải* kết nối sản phẩm với mạng trước khi bắt đầu cài đặt phần mềm.

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối mạng 10/100 Base-T. Cắm cáp mạng vào sản phẩm và kết nối mạng của bạn.



## Xem cài đặt

### Báo cáo tóm tắt thông tin mạng

Báo cáo tóm tắt thông tin mạng liệt kê các cài đặt hiện tại cũng như các đặc tính của thẻ mạng sản phẩm. Để in báo cáo tóm tắt thông tin mạng từ sản phẩm, hãy hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Các báo cáo**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Tóm tắt Thông tin Mạng**, và sau đó bấm nút **OK**.

### Trang cấu hình

Trang cấu hình liệt kê các cài đặt và đặc tính hiện tại của sản phẩm. Để in trang cấu hình từ sản phẩm, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau.

### Sử dụng các nút trên bảng điều khiển

- ▲ Trên bảng điều khiển, bấm và giữ đồng thời nút trở về **↶** và nút huỷ **✖**.

## Sử dụng các menu trên bảng điều khiển

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Các báo cáo**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Báo cáo Cấu hình**, và sau đó bấm nút **OK**.

## TCP/IP

Tương tự như ngôn ngữ thông thường mà mọi người sử dụng để giao tiếp với nhau, TCP/IP (Giao thức Kiểm soát truyền thông/Giao thức Internet) là một bộ các giao thức được thiết kế để xác định cách các máy tính và các thiết bị khác giao tiếp với nhau qua mạng.

## Địa chỉ IP

Mọi thiết bị trên mạng IP đều yêu cầu một địa chỉ IP duy nhất. Địa chỉ này có thể do người dùng đặt một cách thủ công hoặc có thể được lấy tự động, tùy thuộc vào các dịch vụ mạng hiện có.

Một địa chỉ IPv4 chứa bốn byte thông tin, được chia thành các phần, mỗi phần chứa một byte. Địa chỉ IP có định dạng sau:

xxx . xxx . xxx . xxx



**GHI CHÚ:** Khi gán địa chỉ IP, hãy tham vấn nhà quản trị địa chỉ IP. Việc cài đặt sai địa chỉ IP có thể làm tắt hoạt động của thiết bị khác trên mạng hoặc gây trở ngại cho việc liên lạc.

## Cấu hình thông số IP

Các thông số cấu hình IP có thể được cấu hình thủ công, hay có thể được tự động tải về bằng cách sử dụng DHCP hay BOOTP mỗi khi sản phẩm được bật lên.

Khi bật, sản phẩm sẽ tự gán một địa chỉ IP mặc định nếu không thể tải một địa chỉ IP hợp lệ từ mạng. Trên một mạng riêng nhỏ, địa chỉ IP duy nhất có thể được gán trong khoảng từ 169.254.1.0 đến 169.254.254.255. Địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang cấu hình sản phẩm và cổng mạng. Xem [Các menu trên bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

## Giao thức Cấu hình Máy chủ Động (DHCP)

DHCP cho phép một nhóm các thiết bị sử dụng một bộ các địa chỉ IP do một máy chủ DHCP lưu trữ. Sản phẩm sẽ gửi một yêu cầu đến máy chủ, và nếu có sẵn địa chỉ IP, máy chủ sẽ gán địa chỉ đó cho sản phẩm.

## BOOTP

BOOTP là một giao thức tự khởi động được sử dụng để tải xuống các thông số cấu hình và thông tin máy chủ từ máy chủ mạng.

Sản phẩm sẽ phát đi một gói dữ liệu yêu cầu khởi động có chứa địa chỉ phần cứng của sản phẩm. Máy chủ sẽ trả lời với một gói dữ liệu trả lời khởi động có chứa thông tin mà sản phẩm cần để cấu hình.

## Mạng phụ

Khi một địa chỉ mạng IP dành cho một loại mạng riêng biệt được gán cho một tổ chức, không một điều khoản nào được thực hiện cho phép hiển thị nhiều mạng tại vị trí đó. Các nhà quản trị mạng địa phương sẽ sử dụng mạng phụ để phân chia mạng thành nhiều mạng phụ khác nhau. Việc tách mạng

ra thành nhiều mạng phụ có thể làm cho sản phẩm hoạt động tốt hơn và việc sử dụng các khoảng trống địa chỉ mạng giới hạn được cải thiện.

## Mặt nạ mạng phụ

Mặt nạ mạng phụ là một công cụ được sử dụng để chia một mạng IP thành nhiều mạng phụ khác nhau. Với một lớp mạng đã định, một phần của địa chỉ IP thay vì được sử dụng để nhận dạng một nút sẽ được sử dụng để nhận dạng mạng phụ. Một mặt nạ mạng phụ được áp dụng cho mỗi địa chỉ IP để xác định phần được sử dụng cho mạng phụ đó, và phần được sử dụng để nhận dạng nút.

## Cổng nối

Cổng nối (cầu dẫn) được sử dụng để kết nối các mạng với nhau. Cổng nối là thiết bị có chức năng tương tự như bộ chuyển ngữ giữa các hệ thống không sử dụng giao thức giao tiếp, định dạng dữ liệu, cấu trúc, ngôn ngữ hoặc kiến trúc. Cổng nối sẽ nối các gói dữ liệu lại và thay đổi cú pháp cho phù hợp với cú pháp của hệ thống đến. Khi mạng được chia ra thành nhiều mạng phụ, cổng nối sẽ được yêu cầu để kết nối một mạng phụ với mạng khác.


## Cổng nối mặc định

Cổng mặc định là địa chỉ IP của cổng hay cầu dẫn di chuyển các gói giữa các mạng.

Nếu có nhiều cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên là địa chỉ của cổng nối hoặc cầu dẫn đầu tiên hoặc gần nhất. Nếu không có cổng nối hoặc cầu dẫn tồn tại, lúc đó cổng nối mặc định sẽ mặc nhiên thừa nhận địa chỉ IP của nút mạng (ví dụ như máy trạm hoặc sản phẩm).

## Địa chỉ IP

Bạn có thể cấu hình địa chỉ IP tự động hoặc thủ công qua DHCP, BootP, hoặc Auto IP.

 **GHI CHÚ:** Khi gán địa chỉ IP, hãy tham vấn nhà quản trị địa chỉ IP. Việc cài đặt sai địa chỉ IP có thể làm tắt hoạt động của thiết bị khác trên mạng hoặc gây trở ngại cho việc liên lạc.


## Cấu hình thủ công

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Cấu hình TCP/IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Thủ công**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Bấm nút mũi tên phải ► để tăng giá trị cho phần đầu tiên của địa chỉ IP. Bấm nút mũi tên trái ◀ để giảm giá trị. Khi đã chọn được giá trị đúng, bấm nút **OK**. Lặp lại quy trình này đối với ba phần khác của địa chỉ IP.
6. Nếu địa chỉ đúng, sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Có**, và sau đó bấm nút **OK**. Chọn mặt nạ cấp dưới và lặp lại bước 5 cho các cài đặt cổng mặc định.

- hoặc -

Nếu địa chỉ IP không đúng, sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Không**, và sau đó bấm nút **OK**. Lặp lại bước 5 để thiết lập địa chỉ IP đúng, sau đó chọn mặt nạ cấp dưới và lặp lại bước 5 cho các cài đặt cổng mặc định.


## Cấu hình tự động

 **GHI CHÚ:** Tùy chọn **Tự động** là cài đặt mặc định **Network Configuration** (Cấu hình Mạng) **Cấu hình TCP/IP**.

---


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Cấu hình TCP/IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Tự động**, và sau đó bấm nút **OK**.

Có thể mất vài phút trước khi địa chỉ IP tự động sẵn sàng để sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để vô hiệu hoá hay kích hoạt các chế độ IP tự động (như BOOTP, DHCP, hay AutoIP), sử dụng máy chủ Web được nhúng hay HP ToolboxFX.

---

## Hiển thị hoặc ẩn địa chỉ IP trên bảng điều khiển

 **GHI CHÚ:** Khi cài đặt **Hiển thị Địa chỉ IP** là **Bật**, địa chỉ IP sẽ hiển thị trên màn hình bảng điều khiển.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Hiển thị Địa chỉ IP**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Có** hoặc **Không**, và sau đó bấm nút **OK**.

## Cài chức năng tự động vượt

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Tự động Vượt**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

## Cài dịch vụ mạng

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Dịch vụ Mạng**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **IPv4** hoặc **IPv6**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Việc chọn tùy chọn **Tắt** sẽ tắt kết nối mạng IPv4/IPv6 của sản phẩm.

## Cài đặt tốc độ liên kết

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Tốc độ Liên kết**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn một trong các tùy chọn tốc độ liên kết, và sau đó bấm nút **OK**.

## Khôi phục mặc định (cài đặt mạng)

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network Configuration** (Cấu hình Mạng), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Khôi phục Mặc định**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm nút **OK** để khôi phục cài đặt mạng mặc định. Bấm nút huỷ **✖** để thoát ra khỏi menu mà không khôi phục cài đặt mạng mặc định.

---

## 6 Giấy và giấy In

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các kích thước trang và giấy in được hỗ trợ](#)
- [Các loại giấy được hỗ trợ và công suất khay](#)
- [Kích thước giấy được hỗ trợ để in hai mặt](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp khay](#)

## Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa

Để có kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy có nhãn hiệu HP và vật liệu in được thiết kế cho máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng giấy và vật liệu in dành cho máy in Inkjet. Công ty HP không khuyến nghị việc sử dụng vật liệu in có nhãn hiệu khác, vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Vẫn có khả năng bạn không thể có kết quả như ý khi dùng giấy đáp ứng tất cả các nguyên tắc trong hướng dẫn sử dụng này. Điều này có thể là hậu quả của việc xử lý sai cách, mức nhiệt độ và/hoặc độ ẩm không chấp nhận được, hoặc các biến số khác mà HP không có kiểm soát.

---


**⚠ THẬN TRỌNG:** Hoạt động sử dụng giấy hoặc vật liệu in không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP có thể gây ra vấn đề cần phải sửa chữa cho sản phẩm. Việc sửa chữa này không nằm trong phạm vi thỏa thuận dịch vụ hoặc bảo hành của HP.

---



## Các kích thước trang và giấy in được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ một số kích thước giấy, và nó điều chỉnh theo các giấy khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, chọn kích thước giấy thích hợp và gỡ trình điều khiển in của bạn vào trước khi in.

**Bảng 6-1** Các kích thước giấy và giấy in được hỗ trợ

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay Tùy chọn 3
Letter	216 x 279 mm (8,5 x 11 in)	✓	✓	✓
Legal	216 x 356 mm (8,5 x 14 in)	✓	✓	✓
A4	210 x 297 mm (8,27 x 11,69 in)	✓	✓	✓
Executive	184 x 267 mm (7,25 x 10,5 in)	✓	✓	✓
A3	297 x 420 mm (11,69 x 16,54 in)	✓	✓	✓
A5	148 x 210 mm (5,83 x 8,27 in)	✓	✓	
A6	105 x 148 mm (4,13 x 5,83 in)	✓		
B4 (JIS)	257 x 364 mm (10,12 x 14,33 in)	✓	✓	✓
B5 (JIS)	182 x 257 mm (7,17 x 10,12 in)	✓	✓	✓
8k	270 x 390 mm (10,6 x 15,4 in)			
	260 x 368 mm (10,2 x 14,5 in)	✓	✓	✓
	273 x 394 mm (10,75 x 15,5 in)			
16k	184 x 260 mm (7,24 x 10,23 in)			
	195 x 270 mm (7,68 x 10,62 in)	✓	✓	
	197 x 273 mm (7,75 x 10,75 in)			
8,5 x 13 (Folio)	216 x 330 mm (8,5 x 13 in)	✓	✓	✓
Index card	76 x 127 mm (3 x 5 in) <sup>1</sup>			
	107 x 152 mm (4 x 6 in)	✓		
	127 x 203 mm (5 x 8 in)			
10 x 15 cm	100 x 150 mm (3,9 x 5,9 in)	✓		
11 x 17 (Tabloid)	279 x 432 mm (11 x 17 in)	✓	✓	✓
12 x 18 (Arch B)	305 x 457 mm (12 x 18 in)	✓		
RA3	305 x 430 mm (12 x 16,9 in)	✓		
SRA3	320 x 450 mm (12,6 x 17,7 in)	✓		

**Bảng 6-1 Các kích thước giấy và giấy in được hỗ trợ (còn tiếp)**

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay Tùy chọn 3
Tùy chỉnh	Tối thiểu: 76 x 127 mm (3 x 5 in)	✓		
	Tối đa: 320 x 470 mm (12,6 x 18,5 in)			
	Tối thiểu: 148 x 182 mm (5,8 x 7,1 in)		✓	
	Tối đa: 297 x 432 mm (11,7 x 17 in)			
	Tối thiểu: 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 in)			✓
	Tối đa: 297 x 432 mm (11,7 x 17 in)			

<sup>1</sup> Kích thước này không được liệt kê trong trình điều khiển máy in hoặc chương trình cơ sở của sản phẩm, nhưng được hỗ trợ như một kích thước tùy chỉnh.

**Bảng 6-2 Phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ**

Kích thước	Kích thước	Khay 1	Khay 2
Phong bì #10	105 x 241 mm (4,13 x 9,49 in)	✓	
Phong bì DL	110 x 220 mm (4,33 x 8,66 in)	✓	
Phong bì C5	162 x 229 mm (6,93 x 9,84 in)	✓	
Phong bì B5	176 x 250 mm (6,7 x 9,8 in)	✓	
Phong bì Quân chủ	98 x 191 mm (3,9 x 7,5 in)	✓	
Bưu thiếp	100 x 148 mm (3,94 x 5,83 in)	✓	
Bưu thiếp kép	148 x 200 mm (5,83 x 7,87 in)	✓	✓

## Các loại giấy được hỗ trợ và công suất khay

Loại giấy	Kích thước <sup>1</sup>	Trọng lượng	Công suất <sup>2</sup>	Định hướng trang
Giấy, bao gồm các loại sau:	Khay 1 tối thiểu: 76 x 127 mm (3 x 5 in)	60 tới 105 g/m <sup>2</sup> (16 tới 28 lb)	Khay 1: tối đa 100 tờ	Khay 1: Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường</li> <li>• Có tiêu đề thư</li> <li>• Màu</li> <li>• In trước</li> <li>• Bấm lỗ trước</li> <li>• Tái sinh</li> </ul>	Khay 1 tối đa: 320 x 470 mm (12,6 x 18,5 in)		Khay 2: tối đa 250 trang có sợi giấy nặng 75 g/m <sup>2</sup> (20 lb bond)	Khay 2 và 3: Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
	Khay 2 tối thiểu: 148 x 182 mm (5,8 x 7,1 in)		Khay 3: tối đa 500 trang có sợi giấy nặng 75 g/m <sup>2</sup> (20 lb bond)	
	Khay 3 tối thiểu: 210 x 148 mm (8,3 x 5,8 in)			
	Khay 2 hoặc Khay 3 tối đa: 297 x 432 mm (11,7 x 17 in)			
Giấy nặng	Tương tự như giấy	Khay 1: Tối đa 220 g/m <sup>2</sup> (58 lb)	Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Khay 1: Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
		Khay 2 và 3: Tối đa 120 g/m <sup>2</sup> (32 lb)	Khay 2: chiều cao chõng giấy tối đa 25 mm (0,98 in)	Khay 2 và 3: Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
			Khay 3: chiều cao chõng giấy tối đa 51 mm (2 in)	
Trang bìa	Tương tự như cho giấy	Khay 1: Tối đa 220 g/m <sup>2</sup> (58 lb)	Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Khay 1: Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
		Khay 2 và 3: Tối đa 120 g/m <sup>2</sup> (32 lb)	Khay 2: chiều cao chõng giấy tối đa 25 mm (0,98 in)	Khay 2 và 3: Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
			Khay 3: chiều cao chõng giấy tối đa 51 mm (2 in)	
Giấy láng	Tương tự như cho giấy	Khay 1: Tối đa 220 g/m <sup>2</sup> (58 lb)	Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Khay 1: Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
Giấy in ảnh		Khay 2 và 3: Tối đa 160 g/m <sup>2</sup> (43 lb)	Khay 2: chiều cao ngăn xếp tối đa 25 mm (0,98 in)	Khay 2 và 3: Cho mặt sẽ được in quay lên, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
			Khay 3: chiều cao chõng giấy tối đa 51 mm (2 in)	
Giấy bóng kiếng	A4 hay Giấy viết thư	Độ dày: không thể, 12 đến 0,13 mm (4,7 đến 5,1 mil)	Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay
Nhân <sup>3</sup>	A4 hay Giấy viết thư	Độ dày: đến 0,23 mm (9 mil)	Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay

Loại giấy	Kích thước <sup>1</sup>	Trọng lượng	Công suất <sup>2</sup>	Định hướng trang
Phong bì	<ul style="list-style-type: none"> <li>• COM 10</li> <li>• Quân chủ</li> <li>• DL</li> <li>• C5</li> <li>• B5</li> </ul>	Đến 90 g/m <sup>2</sup> (24 pao)	Khay 1: tối đa 10 phong bì	Cho mặt sẽ được in úp xuống, với mặt được dán tem hướng về phía sau khay
Bưu thiếp hay thẻ danh mục	100 x 148 mm (3,9 x 5,8 in)		Khay 1: tối đa 10 mm (0,4 in)	Cho mặt sẽ được in úp xuống, với cạnh trên cùng hướng về phía sau khay

- <sup>1</sup> Sản phẩm hỗ trợ nhiều kích thước tùy chỉnh và chuẩn cho giấy in. Kiểm tra trình điều khiển máy in để biết các kích thước được hỗ trợ.
- <sup>2</sup> Công suất có thể thay đổi tùy theo trọng lượng và độ dày của giấy, và điều kiện môi trường.
- <sup>3</sup> Độ phẳng: 100 đến 250 (Sheffield)

## Kích thước giấy được hỗ trợ để in hai mặt

- Tối thiểu: 148 x 182 mm (5,8 x 7,1 in)
- Tối đa: 320 x 450 mm (12,6 x 18 in)



**GHI CHÚ:** Để in hai mặt tự động, không nạp giấy nặng hơn 105 g/m<sup>2</sup> (28-lb bond). Sử dụng in hai mặt thủ công để in trên giấy nặng hơn. Để biết thông tin về in hai mặt thủ công, xem [Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu thuộc trang 56](#) đối với Windows hoặc [In hai mặt thủ công thuộc trang 31](#) đối với Mac.

## Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các loại giấy đặc biệt. Hãy sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy đặc biệt hoặc giấy in, nhớ đặt loại và khổ giấy trong trình điều khiển máy in để có được kết quả tốt nhất.

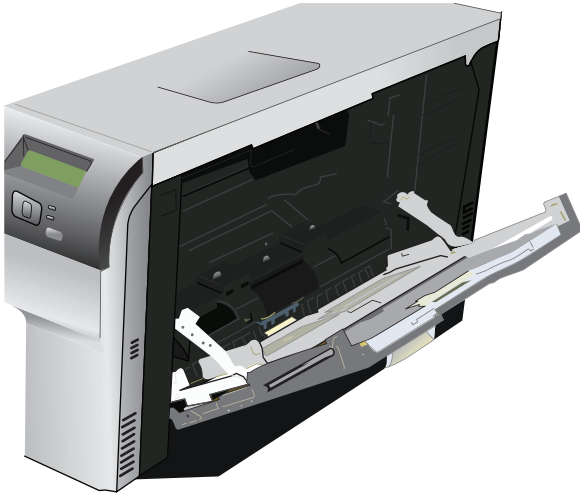
**⚠ THẬN TRỌNG:** Các sản phẩm HP LaserJet sử dụng cuộn sấy để sấy dính kích hoạt các hạt bột mực trên từng điểm rất chính xác. Giấy laser của HP được thiết kế để chịu được mức nhiệt độ cực cao này. Việc sử dụng giấy inkjet có thể làm hư sản phẩm.

Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	<ul style="list-style-type: none"><li>Ngăn chứa phong bì.</li><li>Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì.</li><li>Sử dụng các loại băng dính lộ ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Không sử dụng các phong bì nhăn nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác.</li><li>Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót.</li><li>Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.</li></ul>
Các nhãn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng.</li><li>Sử dụng các nhãn phẳng.</li><li>Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng.</li><li>Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.</li></ul>
Phim đèn chiếu	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các phim đèn chiếu được chấp nhận sử dụng trong các máy in la-de.</li><li>Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de.</li></ul>
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.</li></ul>
Giấy dày	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.</li></ul>
Giấy láng hay có phủ	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.</li></ul>

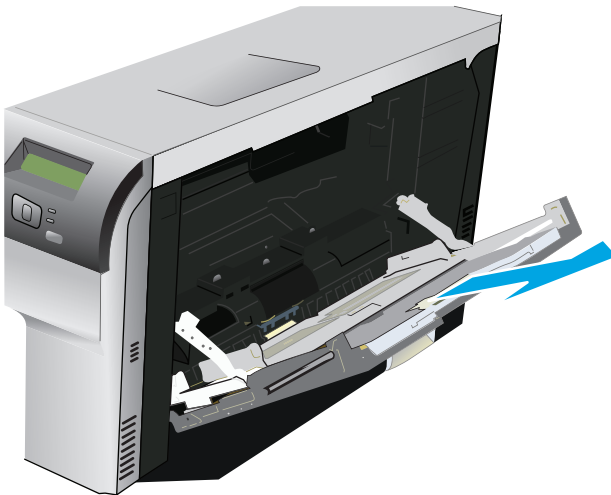
# Nạp khay

## Nạp Khay 1

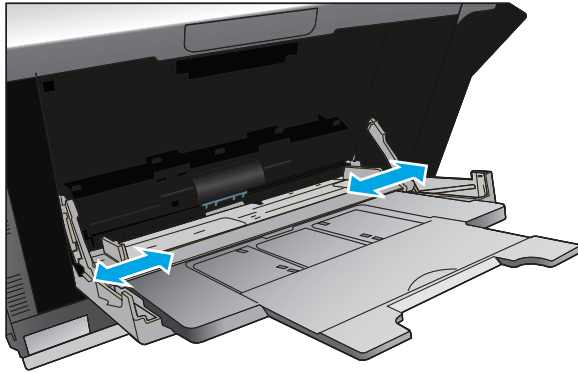
1. Mở Khay 1.



2. Nếu nạp khổ giấy dài, kéo phần nối dài của khay ra.



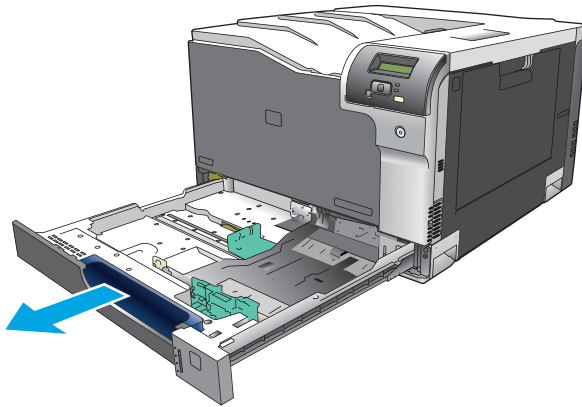
3. Kéo hoàn toàn thiết bị dẫn giấy ra (minh hoạ 1) và sau đó nạp giấy vào khay 1 (minh hoạ 2). Điều chỉnh thiết bị dẫn giấy theo kích thước của giấy.



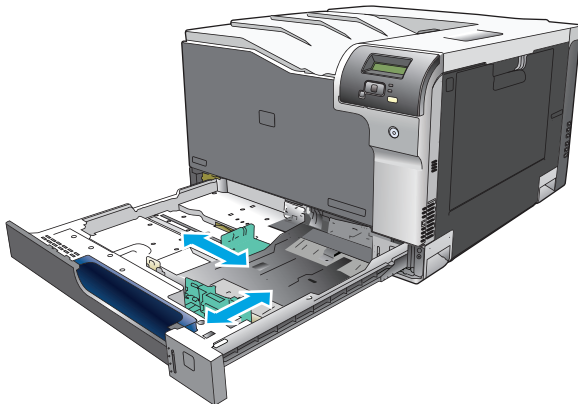
**GHI CHÚ:** Đặt giấy vào khay 1 với mặt cần in úp xuống và đầu giấy (giấy được xoay) hoặc cạnh bên phải hướng vào sản phẩm.

### Nạp khay 2 hoặc 3

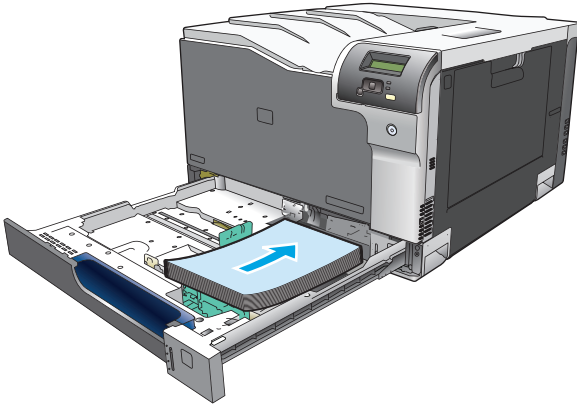
1. Kéo khay ra khỏi sản phẩm.



2. Trượt để mở rộng các thanh dẫn dọc và ngang.

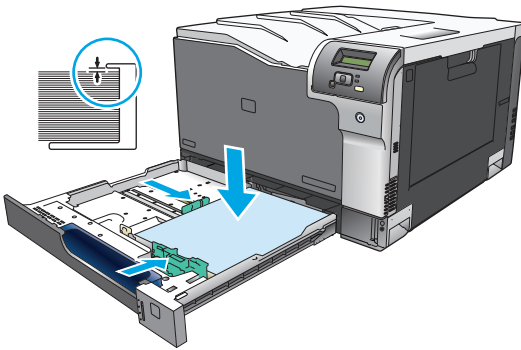


3. Cho giấy hướng lên trên vào khay và đảm bảo giấy thật phẳng ở tất cả các góc. Trượt các thanh dẫn dọc và ngang sao cho chúng sát với chồng giấy.

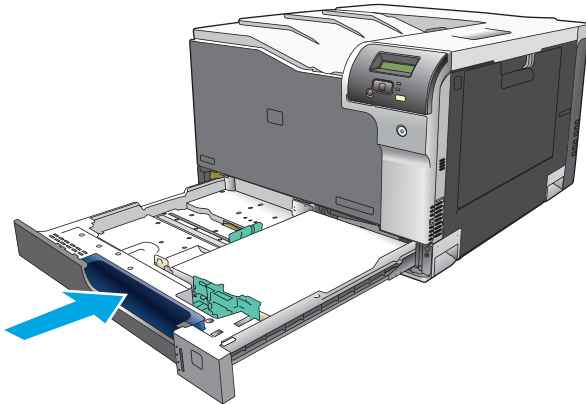


**GHI CHÚ:** Các kích thước sau không nên xoay: letter, A4, Executive, và B5 (JIS). Nạp những loại giấy đó sao cho cạnh dài đối diện với mặt bên phải của khay.

4. Ấn xuống giấy để đảm bảo chồng giấy nằm ở dưới các vấu giới hạn bên cạnh khay giấy.



5. Trượt khay vào trong sản phẩm.





---


## 7 Các tác vụ in

- [Hủy công việc in](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows](#)

## Hủy công việc in

Bạn có thể dừng yêu cầu in bằng cách sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm hoặc sử dụng chương trình phần mềm. Để có các hướng dẫn về cách dừng một yêu cầu in từ một máy tính trên mạng, xem phần Trợ giúp trực tuyến dành cho phần mềm mạng cụ thể.

---


 **GHI CHÚ:** Có thể mất vài phút để xóa việc in ẩn sau khi bạn đã hủy lệnh in.

---

### Hủy công việc in hiện thời trên bảng điều khiển sản phẩm

Bấm nút huỷ  trên bảng điều khiển.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu lệnh in đã được tiến hành quá lâu, có thể bạn sẽ không có tùy chọn hủy lệnh in.

---

### Hủy công việc in hiện thời từ chương trình phần mềm

Một hộp thoại có thể xuất hiện nhanh trên màn hình, cho bạn tùy chọn hủy lệnh in.

Nếu nhiều yêu cầu được gửi tới sản phẩm qua phần mềm của bạn, các yêu cầu này có thể đang chờ trong dãy lệnh in (ví dụ trong Windows Print Manager). xem trong tài liệu phần mềm để có hướng dẫn cụ thể về việc hủy một yêu cầu in từ máy tính.

Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong bộ in nền (Windows 2000, XP, hoặc Vista), hãy xóa lệnh in tại đó.

Đối với Windows 2000, Windows XP, hoặc Windows Vista, nhấp **Start** (Bắt đầu) và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax); hoặc nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax). Nhấp đúp vào biểu tượng máy in để mở bộ in nền. Chọn lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó bấm **Cancel** (Huỷ) hoặc **Delete** (Xóa) trong menu **Document** (Tài liệu). Nếu lệnh in chưa bị hủy, bạn cần phải tắt và khởi động lại máy tính.


# Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in của Windows

## Mở trình điều khiển máy in

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Mở trình điều khiển máy in	Trên menu <b>File</b> (Tập) trong chương trình phần mềm, bấm <b>Print</b> (In). Chọn trình điều khiển, sau đó bấm <b>Properties</b> (Đặc tính) hoặc <b>Preferences</b> (Sở thích).
Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ấn	Bấm biểu tượng <b>?</b> nằm ở góc trên bên phải của trình điều khiển máy in, sau đó bấm vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển máy in. Một thông báo dạng bật lên (pop-up) sẽ xuất hiện, cho biết thông tin về mục đó. Nếu không, bấm <b>Help</b> (Trợ giúp) để mở phần Trợ giúp trực tuyến.

## Sử dụng các lối tắt in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Printing Shortcuts** (Lối tắt In).

 **GHI CHÚ:** Trong các trình điều khiển máy in HP thế hệ trước, tính năng này được gọi là **Quick Sets** (Thiết lập Nhanh).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Sử dụng lối tắt in	Chọn một trong các lối tắt, sau đó bấm <b>OK</b> để in nhiệm vụ với các thông số đã được xác định trước.
Tạo lối tắt in tùy chỉnh	a) Chọn một lối tắt in hiện có để làm cơ sở. b) Chọn các tùy chọn in cho lối tắt mới. c) Bấm <b>Save As</b> (Lưu Như), gõ tên cho lối tắt, sau đó bấm <b>OK</b> .

## Đặt các tùy chọn chất lượng và giấy in

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn kích thước giấy	Chọn một kích thước từ danh sách <b>Paper size</b> (Kích thước giấy) thả xuống.
Chọn kích thước giấy tùy chỉnh	a) Bấm <b>Custom</b> (Tùy chỉnh). Hộp thoại <b>Custom Paper Size</b> (Kích thước Giấy Tùy chỉnh) sẽ xuất hiện. b) Gõ tên cho kích thước tùy chỉnh, xác định các chiều và bấm <b>OK</b> .
Chọn nguồn giấy	Chọn một khay từ danh sách <b>Paper source</b> (Nguồn giấy) thả xuống.

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn loại giấy	Chọn một loại từ danh sách <b>Paper type</b> (Loại giấy) thả xuống.
In trang bìa trên giấy khác nhau In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau	a) Trong khu vực <b>Special pages</b> (Các trang đặc biệt), bấm <b>Covers</b> (Trang bìa) hoặc <b>Print pages on different paper</b> (In các trang trên giấy khác nhau), sau đó bấm <b>Settings</b> (Cài đặt). b) Chọn tùy chọn để in trang bìa trước để trắng hoặc in sẵn, trang bìa sau hoặc cả hai. Hoặc, chọn tùy chọn để in trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác nhau. c) Chọn các tùy chọn từ các danh sách <b>Paper source</b> (Nguồn giấy) và <b>Paper type</b> (Loại giấy) thả xuống, sau đó bấm <b>Add</b> (Thêm). d) Bấm <b>OK</b> .

## Đặt các hiệu ứng cho tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Effects** (Hiệu ứng).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Co giãn trang cho vừa kích thước giấy được chọn	Bấm <b>Print document on</b> (In tài liệu trên), sau đó chọn kích thước từ danh sách thả xuống.
Co giãn trang theo tỷ lệ phần trăm của kích thước thực	Bấm <b>% of actual size</b> (% của kích thước thực), sau đó gõ tỷ lệ phần trăm hoặc điều chỉnh thanh trượt.
In hình mờ	a) Chọn hình mờ từ danh sách <b>Watermarks</b> (Hình mờ) thả xuống. b) Để in hình mờ chỉ trên trang đầu tiên, bấm <b>First page only</b> (Chỉ trang đầu tiên). Nếu không, hình mờ sẽ được in trên mỗi trang.
Thêm hoặc chỉnh sửa hình mờ	a) Trong khu vực <b>Watermarks</b> (Hình mờ), bấm <b>Edit</b> (Sửa). Hộp thoại <b>Watermark Details</b> (Chi tiết Hình mờ) sẽ mở ra. b) Xác định các thông số cho hình mờ, sau đó bấm <b>OK</b> .

**GHI CHÚ:** Để sử dụng tính năng này, phải cài đặt trình điều khiển máy in vào máy tính thay vì một máy chủ.

## Đặt các tùy chọn hoàn thành tài liệu

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Finishing** (Hoàn thành).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
In trên cả hai mặt (In hai mặt)	Bấm <b>Print On Both Sides</b> (In trên Cả Hai mặt). Nếu bạn đóng tài liệu dọc theo gờ trên, bấm <b>Flip pages up</b> (Lật trang lên).  Để thực hiện lệnh in hai mặt thủ công, nhấp <b>Print on both sides (manually)</b> (In trên hai mặt (thủ công)) Nếu bạn định đóng tài liệu dọc theo cạnh trên, chọn hộp chọn <b>Flip pages up</b> (Lật trang lên). Sản phẩm sẽ in các trang được đánh số chẵn trước, và sau đó cảnh báo trên màn hình sẽ hiển thị trên máy tính. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để nạp lại giấy vào khay 1, và sau đó bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục tác vụ in.

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
In sách nhỏ	a) Bấm <b>Print on both sides</b> (In trên cả hai mặt). b) Trong danh sách <b>Booklet layout</b> (Bố cục sách nhỏ) thả xuống, bấm <b>Left binding</b> (Đóng trái) hoặc <b>Right binding</b> (Đóng phải). Tùy chọn <b>Pages per sheet</b> (Trang trên một tờ) sẽ tự động chuyển sang <b>2 pages per sheet</b> (2 trang trên một tờ).
In nhiều trang một tờ	a) Chọn số lượng trang trên một tờ từ danh sách <b>Pages per sheet</b> (Trang trên một tờ) thả xuống. b) Chọn đúng tùy chọn cho <b>Print page borders</b> (In đường viền trang), <b>Page order</b> (Thứ tự trang) và <b>Orientation</b> (Định hướng).
Chọn hướng của trang	a) Trong khu vực <b>Orientation</b> (Định hướng), bấm <b>Portrait</b> (Dọc) hoặc <b>Landscape</b> (Ngang). b) Để in hình ảnh trang theo chiều lật ngược từ trên xuống, bấm <b>Rotate by 180 degrees</b> (Xoay 180 độ).

## Xem thông tin hỗ trợ và thông tin về tình trạng sản phẩm

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Services** (Dịch vụ).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Xem thông tin hỗ trợ dành cho sản phẩm và đặt mua các nguồn cung cấp trực tuyến	Trong danh sách <b>Internet Services</b> (Dịch vụ Internet) thả xuống, chọn một tùy chọn hỗ trợ và bấm <b>Go!</b> (Bắt đầu!).

## Đặt các tùy chọn in nâng cao

Để thực hiện những nhiệm vụ sau, hãy mở trình điều khiển máy in và bấm vào tab **Advanced** (Nâng cao).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
Chọn các tùy chọn in nâng cao	Trong bất kỳ mục nào, bấm một cài đặt hiện tại để kích hoạt danh sách thả xuống. Bạn có thể thay đổi thông số cài đặt từ danh sách này.
Thay đổi số lượng bản sao chép được in ra  <b>GHI CHÚ:</b> Nếu phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ tính năng in các bản sao với một số lượng cụ thể, bạn có thể thay đổi số lượng các bản sao trong trình điều khiển.  Khi bạn thay đổi thông số cài đặt này, sẽ tác động đến số lượng các bản sao chép của tất cả các nhiệm vụ in. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ in, hãy khôi phục lại thông số cài đặt này về giá trị gốc.	Mở mục <b>Paper/Output</b> (Giấy/Giấy ra) và nhập số lượng bản sao cần in. Nếu bạn chọn nhiều hơn 1 bản sao, bạn có thể chọn tùy chọn đối chiếu các trang.
In chữ màu thành đen trắng chứ không phải là đen xám	a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Printer Features</b> (Tính năng Máy in). b) Trong danh sách <b>Print All Text as Black</b> (In Tất cả Chữ thành Đen trắng) thả xuống, chọn <b>Enabled</b> (Bật).

Làm thế nào để	Thực hiện các bước
<p>Nạp giấy in sẵn đầu đề hoặc giấy in sẵn theo cùng một cách giống như nhiệm vụ in bình thường, bất kể in trên một mặt hay hai mặt giấy</p>	<p>a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Printer Features</b> (Tính năng Máy in). b) Trong danh sách <b>Alternative Letterhead Mode</b> (Chế độ In sẵn Đầu đề Khác) thả xuống, chọn <b>On</b> (Bật). c) Nạp giấy in vào sản phẩm theo cùng một cách giống như cách bạn nạp giấy vào khi in trên cả hai mặt.</p>
<p>Thay đổi thứ tự các trang sẽ được in</p>	<p>a) Mở mục <b>Document Options</b> (Tùy chọn Tài liệu), sau đó mở mục <b>Layout Options</b> (Tùy chọn Bố cục). b) Trong danh sách <b>Page Order</b> (Thứ tự Trang) thả xuống, chọn <b>Front to Back</b> (Trước đến Sau) để in các trang theo thứ tự giống như khi trong tài liệu, hoặc chọn <b>Back to Front</b> (Sau đến Trước) để in các trang theo thứ tự ngược lại.</p>

---

## 8 Màu sắc cho Windows


- [Quản lý màu](#)
- [Khớp màu](#)
- [Các cài đặt sử dụng màu](#)

# Quản lý màu

Quản lý màu bằng cách thay đổi cài đặt trên tab Màu trong trình điều khiển máy in.

## Tự động

Việc cài đặt tùy chọn mang sang chế độ **Tự động** thường cho chất lượng in tốt nhất đối với tài liệu màu. Tùy chọn điều chỉnh màu **Tự động** sẽ tối ưu hoá việc xử lý màu xám trung tính, bán sắc, và nâng cao cạnh cho từng yếu tố trong một tài liệu. Để biết thêm thông tin, xem Trợ giúp trực tuyến về trình điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** **Tự động** là cài đặt mặc định và được đề nghị cho việc in tất cả tài liệu màu.

## In ở Sắc Độ Xám

Chọn tùy chọn **Print in Grayscale** (In ở Sắc độ xám) từ trình điều khiển máy in để in tài liệu màu ở dạng đen trắng. Tùy chọn này hữu ích khi in tài liệu màu sẽ được photocopy hoặc fax.

Khi chọn **In ở Sắc độ xám**, máy in sẽ sử dụng chế độ đen trắng, giảm việc sử dụng các hộp mực màu.

## Điều chỉnh màu thủ công

Sử dụng tùy chọn điều chỉnh màu **Manual** (Thủ công) để điều chỉnh xử lý màu xám trung tính, bán sắc và nâng cao cạnh cho văn bản, đồ họa và ảnh. Để truy cập vào tùy chọn màu thủ công, từ tab **Color** (Màu), chọn **Manual** (Thủ công) và sau đó chọn **Settings** (Cài đặt).

## Tùy chọn màu thủ công

Sử dụng các tùy chọn màu thủ công để điều chỉnh các tùy chọn **Neutral Grays** (Độ Xám Trung tính) **Halftone** (Bán sắc) và **Edge Control** (Kiểm soát Cạnh) cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.

**Bảng 8-1** Tùy chọn màu thủ công

Mô tả cài đặt	Đặt tùy chọn
<b>Độ Xám Trung Tính</b>  Cài đặt <b>Neutral Grays</b> (Độ Xám Trung tính) xác định phương pháp để tạo màu xám được sử dụng trong văn bản, hình đồ họa và hình chụp.	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ có <b>Màu đen</b> tạo màu trung tính (xám và đen) bằng cách chỉ sử dụng mực đen. Điều này bảo đảm các màu trung tính không cần bố trí màu. Cài đặt này tốt nhất cho các tài liệu và hình chụp độ xám.</li><li>Tùy chọn <b>4-Color</b> (4 Màu) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách kết hợp bốn màu của bột mực. Phương pháp này tạo ra các phần tô dốc và chuyển tiếp màu mịn hơn so với các màu khác, và nó tạo ra màu đen đậm nhất.</li></ul>
<b>Kiểm Soát Cạnh</b>  Cài đặt <b>Edge Control</b> (Kiểm soát Cạnh) xác định cách render các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Bán sắc thích ứng tăng độ sắc của cạnh. Bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách chồng một chút lên các cạnh của các đối tượng gần kề.	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt <b>Maximum</b> (Tối đa) là cài đặt bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Normal</b> (Thường) sẽ cài đặt bẫy ở mức trung bình. Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Light</b> (Đèn) sẽ cài đặt bẫy ở mức độ tối thiểu, Bán sắc thích ứng bật.</li><li><b>Off</b> (Tắt) sẽ tắt cả bẫy và bán sắc thích ứng.</li></ul>



## Chủ đề màu

Sử dụng chủ đề màu để điều chỉnh các tùy chọn **RGB Color** (Màu RGB) cho trang hiện tại.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
Màu RGB	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Default (sRGB)</b> (Mặc định (sRGB)) chỉ thị cho sản phẩm dịch màu RGB ra sRGB. Chuẩn sRGB là chuẩn được chấp nhận của Microsoft và World Wide Web Consortium (<a href="http://www.w3.org">www.w3.org</a>).</li><li>• <b>Vivid (sRGB)</b> (Sắc sỡ (sRGB)) chỉ thị cho sản phẩm tăng độ đậm màu trong các tông trung. Những đối tượng ít màu được trả lại nhiều màu hơn. Bạn nên sử dụng cài đặt này để in đồ họa sử dụng trong văn phòng.</li><li>• <b>Photo (sRGB)</b> (Ảnh (sRGB)) dịch màu RGB như được in là ảnh chụp sử dụng mini-lab kỹ thuật số. Nó trả lại màu sâu hơn, đậm hơn so với chế độ <b>Default (sRGB)</b> (Mặc định (sRGB)). Sử dụng cài đặt này để in ảnh.</li><li>• <b>Photo (Adobe RGB 1998)</b> (Ảnh (Adobe RGB 1998)) dành cho ảnh kỹ thuật số sử dụng khoảng màu Adobe RGB thay vì sRGB. Khi in từ một chương trình phần mềm chuyên nghiệp sử dụng Adobe RGB, việc quan trọng là bạn phải tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm này và để sản phẩm quản lý khoảng màu.</li><li>• Tùy chọn <b>None</b> (Không) đặt sản phẩm in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Để trả lại ảnh chụp một cách chính xác khi tùy chọn này được chọn, bạn phải quản lý màu trong chương trình đang làm việc hoặc trong hệ điều hành.</li></ul>

## Khớp màu

Đối với hầu hết người dùng, phương pháp tốt nhất cho việc kết hợp màu là in các màu sRGB.

Quá trình khớp màu in từ máy in với màn hình máy tính là một quá trình phức tạp, vì máy in và màn hình máy tính sử dụng các giấy tạo màu khác nhau. Màn hình *hiển thị* màu bằng cách sử dụng các pixel sáng, các pixel này sử dụng quá trình màu RGB (đỏ, xanh lá cây, xanh da trời), trong khi đó máy in *in* màu bằng cách sử dụng quá trình màu CMYK (xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen).

Một vài yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng khớp màu được in với màu trên màn hình:

- Giấy in
- Các thành phần tạo màu của máy in (ví dụ mực hoặc bột mực)
- Quá trình in (ví dụ inkjet, báo chí, hoặc công nghệ laser)
- Ánh sáng trên đầu
- Sự khác biệt trong cảm nhận màu của mỗi cá nhân
- Chương trình phần mềm
- Trình điều khiển máy in
- Hệ điều hành của máy tính
- Màn hình
- Video card và trình điều khiển
- Môi trường sử dụng (ví dụ độ ẩm)

Hãy lưu ý tới các yếu tố này khi màu trên màn hình không hoàn toàn khớp với màu in ra.

## Kết hợp màu bằng cách sử dụng bảng màu Microsoft Office Basic Colors

Bạn có thể sử dụng HP ToolboxFX để in bảng màu của Microsoft Office Basic Colors. Sử dụng bảng màu này để chọn màu bạn muốn sử dụng trong các tài liệu được in. Nó hiển thị màu thực sẽ in ra khi bạn chọn các màu cơ bản này trong một chương trình của Microsoft Office.

1. Trong HP ToolboxFX, chọn thư mục **Help** (Trợ giúp).
2. Trong phần **Công cụ In Màu**, chọn **In Màu Căn bản**.
3. Điều chỉnh màu trong tài liệu của bạn để thích hợp với việc chọn màu trên bảng màu đã in.

## Kết hợp các màu bằng cách sử dụng công cụ HP Basic Color Match

Công cụ HP Basic Color Match cho phép bạn điều chỉnh điểm màu ở sản phẩm được in. Ví dụ, bạn có thể kết hợp màu của biểu tượng công ty bạn trên sản phẩm được in. Bạn có thể lưu và sử dụng các bảng màu mới cho các tài liệu đặc biệt hay tất cả tài liệu được in, hay bạn có thể tạo nhiều bảng màu để có thể chọn sau này.

Công cụ phần mềm này hiện có cho tất cả người dùng sản phẩm này. Trước khi có thể sử dụng công cụ, bạn phải tải nó về từ trang Web HP ToolboxFX hay CD phần mềm đi kèm với sản phẩm của bạn.

Sử dụng quy trình sau để tải về công cụ HP Basic Color Match qua CD phần mềm.

1. Đưa CD vào ổ đĩa CD-ROM. CD sẽ tự động chạy.
2. Chọn **Cài đặt thêm phần mềm**.
3. Chọn **HP Basic Color Match**. Công cụ sẽ tự tải về và tự cài đặt. Một biểu tượng trên desktop cũng sẽ được tạo.

Sử dụng quy trình sau để tải về công cụ HP Basic Color Match qua HP ToolboxFX.

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Chọn thư mục **Trợ giúp**.
3. Trong phần **Color Printing Tools**, chọn **Basic Color Match**. Công cụ sẽ tự tải về và tự cài đặt. Một biểu tượng trên desktop cũng sẽ được tạo.

Sau khi công cụ HP Basic Color Match đã được tải về và cài đặt, bạn có thể chạy nó từ biểu tượng trên desktop hay từ HP ToolboxFX (bấm vào thư mục **Trợ giúp**, rồi đến **Color Printing Tools**, rồi đến **Basic Color Match**). Công cụ sẽ đưa bạn đến phần chọn màu. Tất cả kết hợp màu được chọn sẽ được lưu làm một bảng màu và có thể truy cập chúng trong tương lai.

## Kết hợp màu bằng cách sử dụng View Custom Colors

Bạn có thể sử dụng HP ToolboxFX để in một bảng màu tùy chỉnh. Trong phần **Toolbox Color Printing Tools**, bấm vào **View Custom Colors**. Tab đến trang màu bạn muốn và in trang hiện thời. Trong tài liệu của bạn, gõ các giá trị đỏ, xanh lá mạ, và xanh dương trong trình đơn màu tùy chỉnh của phần mềm để thay đổi chúng cho phù hợp với màu trên bảng màu.

## Các cài đặt sử dụng màu

Sản phẩm cung cấp các tính năng màu tự động để tạo các kết quả màu hoàn hảo. Các bảng màu được thiết kế và kiểm tra cẩn thận cung cấp sự thể hiện màu mịn, chính xác cho tất cả màu có thể in.

Sản phẩm cũng cung cấp các công cụ tinh xảo cho những chuyên gia có kinh nghiệm.

### Mực HP ColorSphere

HP thiết kế hệ thống in (máy in, hộp mực, mực, và giấy) để cùng hoạt động để tối ưu hoá chất lượng in, độ tin cậy của sản phẩm, và năng suất của người dùng. Các hộp mực in nguyên thủy của HP chứa mực HP ColorSphere để kết hợp đặc biệt với máy in để sản sinh thật nhiều màu rực rỡ. Điều này giúp bạn tạo các tài liệu trông thật chuyên nghiệp chứa văn bản và đồ hoạ rõ ràng, sắc nét và các bức ảnh in thật sống động.

Mực HP ColorSphere cho chất lượng và cường độ in đồng nhất mà bạn có thể tin cậy trên nhiều loại giấy khác nhau. Có nghĩa là bạn có thể in các tài liệu giúp bạn tạo được ấn tượng đúng. Hơn nữa, các loại giấy đặc biệt hàng ngày và chất lượng chuyên nghiệp của HP (bao gồm rất nhiều loại giấy và trọng lượng của HP) được thiết kế theo công việc của bạn.

### HP ImageREt 3600

ImageREt 3600 tạo ra chất lượng màu laser tương đương 3600 điểm mỗi inch (dpi) thông qua một quá trình in nhiều cấp độ. Quá trình này điều chỉnh màu chính xác bằng cách kết hợp tối đa bốn màu trong mỗi chấm và bằng cách thay đổi lượng mực in trong một vùng nhất định. ImageREt 3600 đã được cải thiện cho sản phẩm này. Các cải tiến cung cấp các công nghệ bẫy, cung cấp nhiều khả năng kiểm soát hơn đối với việc đặt chấm, và kiểm soát chính xác hơn đối với chất lượng bột mực trong một chấm. Các công nghệ mới này, kết hợp với quá trình in nhiều cấp độ của HP, tạo ra một máy in 600 x 600 dpi cung cấp chất lượng màu laser 3600-dpi với hàng triệu màu tinh mịn.

### Chọn giấy

Để có chất lượng hình ảnh và màu tốt nhất, chọn loại giấy thích hợp từ trình đơn phần mềm máy in hay từ trình điều khiển máy in.


### Color options

Các tùy chọn màu tự động cung cấp bản in màu tối ưu. Các tùy chọn này sử dụng việc gắn thẻ vật thể, cung cấp các cài đặt bán sắc và màu tối ưu cho các vật thể khác nhau (văn bản, đồ hoạ, hình ảnh) trên một trang. Trình điều khiển máy in xác định vật thể nào xuất hiện trên trang và sử dụng cài đặt bán sắc và màu để cung cấp chất lượng in tốt nhất cho từng vật thể.

Trong môi trường Windows, các tùy chọn màu **Tự động** và **Thủ công** nằm trên tab **Màu** trong trình điều khiển máy in.

### Standard red-green-blue (sRGB)

Standard red-green-blue (sRGB) là chuẩn màu trên toàn thế giới mà HP và Microsoft đã phát triển thành ngôn ngữ màu phổ biến cho màn hình, các thiết bị dữ liệu vào (máy quét và máy ảnh kỹ thuật số), và thiết bị dữ liệu ra (máy in và máy vẽ). Nó là không gian màu mặc định được sử dụng cho sản phẩm HP, hệ điều hành Microsoft, World Wide Web, và hầu hết phần mềm văn phòng. Chuẩn sRGB tương trưng cho màn hình Windows điển hình và là chuẩn hội tụ cho tivi độ nét cao.

 **GHI CHÚ:** Các yếu tố như loại màn hình bạn sử dụng và ánh sáng trong phòng có thể ảnh hưởng đến sự thể hiện màu trên màn hình của bạn. Để biết thêm thông tin, xem [Khớp màu thuộc trang 62](#).

Các phiên bản Adobe PhotoShop®, mới nhất CorelDRAW®, Microsoft Office, và nhiều chương trình khác sử dụng sRGB để liên lạc màu. Vì nó là không gian màu mặc định trong hệ điều hành Microsoft, sRGB đã được thừa nhận rộng rãi. Khi các chương trình và thiết bị sử dụng sRGB để trao đổi thông tin màu, thì kinh nghiệm điển hình của người dùng cải thiện rất nhiều cho kết hợp màu.

Chuẩn sRGB cải thiện khả năng kết hợp màu giữa sản phẩm, màn hình máy tính, và các thiết bị dữ liệu nhập khác một cách tự động, và loại trừ nhu cầu phải trở thành một chuyên gia về màu.



---

## 9 Quản lý và bảo trì

- [Trang thông tin](#)
- [HP ToolboxFX](#)
- [Máy chủ Web nhúng](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)
- [Thay hộp mực in](#)
- [Bộ nhớ và font DIMMs](#)
- [Lau dọn sản phẩm](#)
- [Cập nhật phần sụn](#)

## Trang thông tin

Sử dụng bảng điều khiển để in trang thông tin cho biết chi tiết về sản phẩm và cài đặt hiện thời của nó.

1. Bấm nút **OK** để mở các menu.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Các báo cáo**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để điều hướng qua các báo cáo, và sau đó bấm nút **OK** để in báo cáo.
4. Bấm nút huỷ **✕** để thoát khỏi menu.

Các trang thông tin sau hiện có:

- Trang Thử nghiệm
- Cấu trúc Menu
- Báo cáo Cấu hình
- Tình trạng Nguồn cung cấp
- Tóm tắt thông tin Mạng
- Số lượng Trang đã Dừng
- Danh sách Phòng PCL
- Danh sách Phòng PS
- Danh sách Phòng PCL6
- Nhật ký Sử dụng Màu
- Trang Dịch vụ
- Trang Chẩn đoán



# HP ToolboxFX

## Mở HP ToolboxFX

Mở HP ToolboxFX theo một trong các cách sau:

- Trong khay hệ thống Windows, nhấp đúp vào biểu tượng HP ToolboxFX (🖨️).
- Trong menu **Start** (Bắt đầu) của Windows, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP và Vista), nhấp **HP**, nhấp **Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP5225**, và sau đó nhấp **HP ToolboxFX**.

HP ToolboxFX chứa các thư mục sau:

- **Status** (Tình trạng) (xem [Tình trạng thuộc trang 70](#))
- **Alerts** (Cảnh báo) (xem [Cảnh báo thuộc trang 71](#))
- **Product information** (Thông tin về sản phẩm) (xem [Thông tin sản phẩm thuộc trang 71](#))
- **Help** (Trợ giúp) (xem [Trợ giúp thuộc trang 72](#))
- **System Settings** (Cài đặt Hệ thống) (xem [Cài đặt Hệ thống thuộc trang 73](#))
- **Print Settings** (Cài đặt In) (xem [Thông số cài đặt In thuộc trang 76](#))
- **Network Settings** (Cài đặt Mạng) (chỉ có ở các kiểu máy nối mạng) (xem [Cài đặt Mạng thuộc trang 76](#))

## Tình trạng

Thư mục **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device status** (Tình trạng thiết bị). Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục sự cố, hãy nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.
- **Supplies status** (Tình trạng Mực in). Xem các chi tiết như ước tính phần trăm sử dụng còn lại trong hộp mực và số trang đã in ra bằng hộp mực hiện thời tương đối. Trang này cũng có các liên kết để đặt hành nguồn cung cấp và để tìm các thông tin tái chế.
- **Device configuration** (Cấu hình thiết bị). Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của sản phẩm, bao gồm lượng bộ nhớ đã cài đặt và máy đã được lắp khay tùy chọn hay chưa.
- **Tóm tắt mạng**. Xem mô tả chi tiết cấu hình mạng hiện thời, bao gồm địa chỉ IP và tình trạng mạng.
- **Reports** (Báo cáo). In trang cấu hình và các trang thông tin khác, ví dụ như trang tình trạng nguồn cung cấp. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).
- **Color usage job log**. Xem thông tin sử dụng màu cho các tài liệu mới in gần đây.
- **Bản ghi sự kiện**. Xem lịch sử các sự kiện sản phẩm. Sự kiện gần nhất được liệt kê trước.

## Nhật ký sự kiện

Nhật ký sự kiện là một bảng có chứa các mã tương ứng với các thông báo lỗi đã hiển thị trên màn hình panen điều khiển, mô tả ngắn gọn từng lỗi, và số các trang in khi xảy ra lỗi. Để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi, xem [Dịch thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng thuộc trang 95](#).

## Cảnh báo

Thư mục **Alerts** (Cảnh báo) có chứa các liên kết đến các trang chính sau:

- **Cài đặt Tình trạng Cảnh báo.** Cài đặt sản phẩm để gửi cho bạn pop-up cảnh báo cho các sự kiện nhất định, như hộp mực sắp hết.
- **Cài đặt E-mail Cảnh báo.** Cài đặt sản phẩm để gửi cho bạn e-mail cảnh báo cho các sự kiện nhất định, như hộp mực sắp hết.


### Cài đặt Cảnh báo Tình trạng

Sử dụng cài đặt này để cài đặt sản phẩm gửi các cảnh báo đến máy tính của bạn khi giấy bị kẹt, mực trong hộp mực HP gần hết, hộp mực đang dùng không phải của HP, các khay nạp giấy trống, và xảy ra các thông báo lỗi cụ thể.

Chọn để nhận pop-up, biểu tượng khay hệ thống, cảnh báo trên màn hình, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các chức năng này. Các cảnh báo pop-up và cảnh báo trên màn hình chỉ xuất hiện khi sản phẩm đang in dữ liệu từ máy tính mà bạn cài đặt cảnh báo. Các cảnh báo trên màn hình chỉ hiển thị trong giây lát và sẽ tự động biến mất.

Thay đổi cài đặt **Cartridge low threshold** (Ngưỡng hộp mực sắp hết), mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn, trên trang **System setup** (Cài đặt hệ thống).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---


### Cài đặt E-mail Cảnh báo

Sử dụng chức năng này để cấu hình tối đa hai địa chỉ e-mail dùng để nhận các cảnh báo khi có sự kiện nhất định xảy ra. Bạn có thể xác định các sự kiện khác nhau cho từng địa chỉ e-mail. Sử dụng thông tin cho máy chủ e-mail, nơi gửi các thông báo cảnh báo bằng e-mail dành cho sản phẩm.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn chỉ có thể cấu hình các cảnh báo e-mail sẽ được gửi từ máy chủ không yêu cầu xác nhận người dùng. Nếu máy chủ e-mail của bạn yêu cầu bạn đăng nhập tên người dùng và mật khẩu, bạn không thể bật chức năng cảnh báo e-mail.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Thông tin sản phẩm

Thư mục **Product information** (Thông tin sản phẩm) có chứa các liên kết đến trang sau:


- **Demonstration Pages** (Các trang Giới thiệu). In các trang thể hiện tiềm năng chất lượng in màu và các đặc điểm in tổng thể của sản phẩm.

## Đặt mật khẩu

Sử dụng HP ToolboxFX hay máy chủ Web được nhúng để cài mật khẩu hệ thống.

1. Trong máy chủ Web nhúng, nhấp vào tab **System** (Hệ thống).  
Trong HP ToolboxFX, bấm vào tab **Cài đặt Thiết bị**.
2. Nhấp **Product Security** (Bảo mật Sản phẩm).

3. Trong hộp **Mật khẩu**, gõ mật khẩu bạn muốn cài, rồi trong hộp **Xác nhận mật khẩu**, gõ lại cùng một mật khẩu để xác nhận lựa chọn của bạn.
4. Bấm vào **Áp dụng** để lưu mật khẩu.

 **GHI CHÚ:** Nếu mật khẩu đã được cài, bạn sẽ được nhắc về việc đó. Gõ mật khẩu vào, rồi bấm vào **Áp dụng**.

---

## Trợ giúp

Thư mục **Help** (Trợ giúp) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Troubleshooting** (Xử lý sự cố). Xem các chủ đề trợ giúp xử lý sự cố, in các trang xử lý sự cố, lau chùi sản phẩm, và mở Microsoft Office Basic Colors. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 62](#).
- **Paper and Print Media** (Giấy và giấy In). In thông tin về cách nhận các kết quả tối ưu từ sản phẩm của bạn bằng cách sử dụng nhiều loại giấy và giấy in khác nhau.
- **Các công cụ in màu**. Mở Microsoft Office Basic Colors hay toàn bộ bảng màu với các giá trị RGB được kết hợp. Để biết thêm thông tin về Microsoft Office Basic Colors, xem [Khớp màu thuộc trang 62](#). Sử dụng HP Basic Color Match để điều chỉnh các điểm màu cho bản in của bạn.
- **Animated Demonstrations** (Chương trình giới thiệu Hình động). Xem hình động trình diễn cách thực hiện các tác vụ chung trên sản phẩm của bạn, như cách đạt được chất lượng in tốt nhất, cách tháo giấy kẹt, và cách thay hộp mực.
- **User Guide** (Hướng dẫn Sử dụng). Xem thông tin về việc sử dụng sản phẩm, bảo hành, thông số kỹ thuật, và hỗ trợ. Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng hiện có ở cả hai dạng HTML và PDF.

## Cài đặt Hệ thống

Thư mục **System Settings** (Cài đặt Hệ thống) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Information** (Thông Tin Thiết Bị). Xem các thông tin như mô tả sản phẩm và người liên hệ.
- **Paper Setup** (Cài đặt Trang). Cấu hình các khay hoặc thay đổi các cài đặt xử lý giấy, ví dụ như kích thước giấy mặc định và loại giấy mặc định.
- **Print Quality** (Chất lượng In). Thay đổi các cài đặt chất lượng in.
- **Print Density** (Mật độ In). Thay đổi cài đặt mật độ in, chẳng hạn như độ tương phản, đánh dấu, các tông trung và bóng.
- **Paper Types** (Loại Giấy). Thay đổi cài đặt chế độ cho từng loại giấy, ví dụ như tiêu đề thư, đục lỗ sẵn, hoặc giấy bóng.
- **Extended Print Modes** (Các Chế độ In Mở rộng). Thay đổi các thông số cài đặt chế độ bộ nhiệt áp của sản phẩm để nâng cao chất lượng bản in.
- **System Setup** (Cài đặt Hệ thống). Thay đổi các cài đặt hệ thống, ví dụ như khôi phục kẹt giấy và tự động tiếp tục. Thay đổi cài đặt hộp mực, mức bột mực sẽ dẫn đến cảnh báo tình trạng mực sắp cạn.
- **Save/Restore Settings** (Lưu/Khôi phục Cài đặt). Lưu lại các cài đặt hiện tại của sản phẩm vào một tập tin trên máy tính. Dùng tập tin này để nạp cùng thông số cài đặt vào sản phẩm khác hoặc khôi phục các thông số này vào sản phẩm sau này.
- **Product Security** (Bảo mật Sản phẩm). Cài mật khẩu để bảo vệ cài đặt sản phẩm. Khi đã đặt mật khẩu, người sử dụng sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu trước khi được phép thay đổi các cài đặt sản phẩm. Việc đặt mật khẩu trên trang này cũng sẽ đặt mật khẩu của máy chủ Web nhúng.

## Thông tin Thiết bị

Trang này lưu trữ dữ liệu về sản phẩm để tham khảo sau này. Thông tin mà bạn nhập vào các trường trên trang này sẽ xuất hiện trên trang cấu hình. Bạn có thể gõ bất kỳ ký tự nào vào từng vùng này.



**GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## Cài đặt Trang

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các cài đặt mặc định. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Các menu trên bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Các tùy chọn sau hiện đang có để xử lý các lệnh in khi sản phẩm hết giấy in:

- Chọn **Wait for paper to be loaded** (Đợi đến khi máy nạp thêm giấy).
- Chọn **Wait forever** (Chờ mãi mãi) từ danh sách thả xuống **Paper out action** (Hành động giấy in ra) để chờ không thời hạn.
- Chọn **Cancel** (Hủy) trong danh sách **Paper out action** (Hoạt động khi hết giấy) để hủy lệnh in.
- Chọn **Override** (In tràn) từ danh sách thả xuống **Paper out action** (Hành động giấy in ra) để gửi tác vụ in đến khay giấy khác.

Trường **Paper out time** (Thời gian chờ hết giấy) xác định khoảng thời gian sản phẩm sẽ chờ trước khi có tác động đối với lựa chọn của bạn. Bạn có thể chọn từ 0 đến 3600 giây.



---

**GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


## Chất lượng In

Sử dụng các tùy chọn này để cải thiện chất lượng của các lệnh in. Các tùy chọn này tương tự với các tùy chọn hiện có trên các menu bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Các menu trên bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

## Hiệu chỉnh Màu

- **Định cỡ Bật nguồn.** Xác định sản phẩm có cần định cỡ khi bạn bật máy hay không.
- **Calibration Timing** (Thời điểm Hiệu chỉnh). Xác định tần suất hiệu chỉnh sản phẩm.
- **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh Ngay bây giờ). Cài đặt sản phẩm hiệu chỉnh ngay lập tức.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Mật độ In


Sử dụng các cài đặt này để điều chỉnh lượng màu cho từng màu của bột mực được sử dụng cho các tài liệu in ấn của bạn.

- **Contrasts** (Độ tương phản). Độ tương phản là khoảng khác biệt giữa màu sáng (tô sáng) và tối (bóng). Để tăng khoảng chung giữa màu sáng và tối, hãy tăng cài đặt **Contrasts** (Tương phản).
- **Highlights** (Tô sáng). Tô sáng là các màu gần màu trắng. Để làm đậm màu tô sáng, hãy tăng cài đặt **Highlights** (Tô sáng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tông màu trung hoặc màu của bóng.
- **Midtones** (Tông màu trung). Các tông màu trung là các màu giữa mật độ trắng và liền khối. Để làm đậm màu thuộc tông màu trung, hãy tăng cài đặt **Midtones** (Tông màu trung). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến các màu tô sáng hoặc bóng.
- **Shadows** (Bóng). Bóng là các màu gần mật độ liền khối. Để làm đậm màu bóng, tăng cài đặt **Shadows** (Bóng). Điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tô sáng hoặc màu thuộc tông trung.

## Loại Giấy

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại vật liệu in khác nhau. Để cài đặt lại tất cả các chế độ trở về cài đặt mặc định gốc, chọn **Restore modes** (Khôi phục các chế độ).

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---


## Các Chế độ In Mở rộng

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình các chế độ bộ nhiệt áp mở rộng của sản phẩm để nâng cao chất lượng in.

## Cài đặt Hệ thống

Sử dụng các cài đặt hệ thống này để cấu hình các cài đặt in khác. Các cài đặt này không có trên bảng điều khiển.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Lưu/Phục hồi Cài đặt

Lưu cài đặt hiện thời cho sản phẩm vào một tập tin trên máy tính của bạn. Sử dụng tập tin này để tải cùng một cài đặt vào một sản phẩm khác hay để phục hồi các cài đặt này vào sản phẩm để sử dụng về sau.

## Bảo mật Sản phẩm

Đặt mật khẩu để bảo vệ cài đặt sản phẩm. Sau khi đã đặt mật khẩu, người dùng sẽ được nhắc nhập mật khẩu trước khi họ có thể truy cập bất kỳ trang nào trong các trang HP ToolboxFX đọc hoặc viết dữ liệu từ sản phẩm. Việc đặt mật khẩu trên trang này cũng sẽ đặt mật khẩu của máy chủ Web nhúng.

## Thông số cài đặt In


Thư mục **Print Settings** (Cài đặt In) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Printing** (Đang in). Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của sản phẩm, như số lượng bản sao và chiều giấy in.
- **PCL5**. Thay đổi cài đặt PCL.
- **PostScript**. Thay đổi cài đặt PS.

## Đang in

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình cài đặt cho tất cả các chức năng in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển. Để biết thêm thông tin, xem [Các menu trên bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## PCL5

Sử dụng các tùy chọn này để cấu hình cài đặt khi bạn đang sử dụng tính năng in PCL cá nhân.

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## PostScript

Sử dụng tùy chọn này khi bạn đang sử dụng đặc tính in ấn PostScript. Khi tùy chọn **Print PostScript error** (In Lỗi PostScript) bật, sản phẩm sẽ tự động in trang lỗi PostScript khi xảy ra lỗi PostScript.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Cài đặt Mạng

Nhà quản trị mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt của sản phẩm liên quan đến mạng khi sản phẩm được kết nối với một mạng dựa trên địa chỉ IP.

## Mua Nguồn Cung Cấp

Nút này, ở phía trên cùng của mỗi trang, liên kết đến một trang Web, nơi bạn có thể đặt hàng các nguồn cung cấp thay thế. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng tính năng này.



## Các liên kết khác


Mục này bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối dạng quay số và không kết nối khi mở HP ToolboxFX trước, bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu bạn đóng và mở lại HP ToolboxFX.

- **Hỗ trợ và Xử lý sự cố.** Kết nối vào trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm, nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về một vấn đề cụ thể.
- **Product Registration** (Đăng ký Sản phẩm). Kết nối vào trang Web đăng ký sản phẩm của HP.

## Máy chủ Web nhúng

Khi sản phẩm được nối mạng, máy chủ Web nhúng sẽ tự động sẵn sàng. Máy chủ Web nhúng có thể được truy cập qua trình duyệt Web chuẩn

---

 **GHI CHÚ:** Khi sản phẩm được kết nối trực tiếp với máy tính Windows computer, sử dụng HP ToolboxFX để xem tình trạng của sản phẩm.

---

Sử dụng máy chủ Web được nhúng để xem tình trạng sản phẩm và mạng và quản lý tính năng in từ máy tính của bạn thay vì từ bảng điều khiển sản phẩm.


- Xem thông tin về tình trạng kiểm soát sản phẩm.
- Cài đặt loại giấy sẽ được nạp vào từng khay.
- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt hàng nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi các cài đặt của sản phẩm.
- Xem và thay đổi cấu hình mạng.
- Xem nội dung hỗ trợ cụ thể về tình trạng hiện thời của sản phẩm.

Để sử dụng máy chủ Web nhúng, bạn phải có Microsoft Internet Explorer 6 hoặc phiên bản mới hơn, Netscape Navigator 7 hoặc phiên bản mới hơn, Safari 1.2 hoặc phiên bản mới hơn, Konqueror 3.2 hoặc phiên bản mới hơn, Firefox 1.0 hoặc phiên bản mới hơn, Mozilla 1.6 hoặc phiên bản mới hơn, hoặc Opera 7 hoặc phiên bản mới hơn. Máy chủ Web nhúng sẽ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ Web nhúng không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX hoặc AppleTalk. Bạn không cần truy cập Internet để mở và sử dụng máy chủ Web nhúng.

## Xem Máy chủ Web Nhúng của HP

1. Trong một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào trường địa chỉ/URL. (Để tìm địa chỉ IP, hãy in một trang cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68.](#))

---

 **GHI CHÚ:** Sau khi mở địa chỉ URL, bạn có thể đánh dấu để có thể nhanh chóng quay trở lại địa chỉ này về sau.

---

 **GHI CHÚ:** Trong hệ điều hành Macintosh, nhấp nút **Utility** (Tiện ích).

---

2. Máy chủ Web nhúng có bốn tab chứa các cài đặt và thông tin về sản phẩm: tab **Status** (Tình trạng), tab **System** (Hệ thống), tab **Print (In)**, và tab **Networking** (Hoạt động mạng). Nhấp vào tab mà bạn muốn xem.

Xem mục sau để biết thêm thông tin của từng tab.

## Các mục máy chủ Web nhúng

Bảng bên dưới mô tả các màn hình cơ bản của máy chủ Web nhúng.

Tab hoặc mục	Mô tả
<b>Tab Status (Tình trạng)</b>  Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin tình trạng và cấu hình.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Device Status</b> (Tình trạng Thiết bị): Hiển thị tình trạng của sản phẩm và hiển thị ước tính lượng còn lại đối với nguồn cung cấp HP.</li><li>• <b>Supplies Status</b> (Tình trạng Nguồn cung cấp): Hiển thị ước tính lượng còn lại đối với nguồn cung cấp HP. Trang này cũng cung cấp số mục của nguồn cung cấp.</li><li>• <b>Device Configuration</b> (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình của sản phẩm.</li><li>• <b>Tóm tắt Thông tin Mạng</b>: Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang tóm tắt thông tin mạng của sản phẩm.</li><li>• <b>Reports</b> (Báo cáo): Cho phép bạn in trang cấu hình, trang tình trạng nguồn cung cấp, trang tóm tắt thông tin mạng, trang đã sử dụng, trang chẩn đoán, nhật ký sử dụng màu, danh sách phòng PCL, danh sách kiểu chữ PCL 6, và danh sách kiểu chữ PS mà sản phẩm tạo ra.</li><li>• <b>Color Usage Job Log</b> (Nhật ký Sử dụng Lệnh in Màu): Hiển thị các lệnh in màu của người sử dụng trên từng tác vụ in riêng biệt.</li><li>• <b>Event Log</b> (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm.</li><li>• <b>Nút Hỗ trợ</b>: Cung cấp một liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. Nút <b>Hỗ trợ</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Đặt mật khẩu thuộc trang 71</a></li><li>• <b>Nút mua phụ tùng</b>: Cung cấp một liên kết đến trang mà bạn có thể đặt mua phụ tùng cho sản phẩm. Nút <b>Mua Phụ tùng</b> có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Đặt mật khẩu thuộc trang 71</a></li></ul>

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab <b>System</b> (Hệ thống)</p> <p>Cung cấp khả năng cấu hình cài đặt hệ thống từ máy tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Device Information</b> (Thông Tin Thiết Bị): Cho phép bạn đặt tên sản phẩm và gán một mã số tài sản cho sản phẩm này. Nhập tên cho liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về sản phẩm.</li> <li>• <b>Paper Setup</b> (Cài đặt Trang): Cho phép bạn thay đổi các mặc định quản lý giấy in của sản phẩm.</li> <li>• <b>Print Quality</b> (Chất lượng In): Cho phép bạn thay đổi chất lượng in mặc định của sản phẩm, kể cả các cài đặt hiệu chỉnh.</li> <li>• <b>Print Density</b> (Mật độ In): Cho phép bạn thay đổi các giá trị độ tương phản, tô sáng, tông màu trung, và bóng cho từng nguồn cung cấp.</li> <li>• <b>Paper Types</b> (Loại Giấy): Cho phép bạn cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại giấy mà sản phẩm chấp nhận.</li> <li>• <b>Extended Print Modes</b> (Các Chế độ In Mở rộng): Cho phép bạn cấu hình các chế độ bộ nhiệt áp mở rộng của sản phẩm để nâng cao chất lượng in.</li> <li>• <b>System Setup</b> (Cài đặt Hệ thống): Cho phép bạn đặt Sleep Delay (Độ trễ chế độ Nghỉ), phần trăm Consumable User-Defined Low (Mức thấp do Người dùng Định nghĩa có thể Tiêu thụ được), và ngôn ngữ của sản phẩm.</li> <li>• <b>Service</b> (Dịch vụ): Cho phép bạn bắt đầu quá trình lau dọn sản phẩm.</li> <li>• <b>Product Security</b> (Bảo mật Sản phẩm): Cho phép bạn cài đặt mật khẩu hệ thống.</li> <li>• <b>Nút Support</b> (Hỗ trợ): Cung cấp liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. <b>Nút Support</b> (Hỗ trợ) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> <li>• <b>Nút Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp): Cung cấp liên kết đến một trang, nơi bạn có thể đặt hàng nguồn cung cấp cho sản phẩm. <b>Nút Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> </ul> <p><b>GHI CHÚ:</b> Tab <b>System</b> (Hệ thống) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Đặt mật khẩu thuộc trang 71</a>. Nếu sản phẩm này nằm trên một mạng, hãy luôn tham vấn với nhà quản trị máy in trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.</p>
<p>Tab <b>Print</b> (In)</p> <p>Cung cấp khả năng cấu hình các cài đặt sản phẩm cụ thể theo PDL.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Đang in:</b> Cho phép bạn thay đổi chế độ in mặc định của sản phẩm.</li> <li>• <b>PCL 5c:</b> Cho phép bạn thay đổi PCL 5c PostScript mặc định của sản phẩm.</li> <li>• <b>PostScript:</b> Cho phép bạn thay đổi PostScript mặc định của sản phẩm.</li> <li>• <b>Nút Support</b> (Hỗ trợ): Cung cấp liên kết đến trang hỗ trợ sản phẩm. <b>Nút Support</b> (Hỗ trợ) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> <li>• <b>Nút Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp): Cung cấp liên kết đến một trang, nơi bạn có thể đặt hàng nguồn cung cấp cho sản phẩm. <b>Nút Shop for Supplies</b> (Mua Nguồn Cung cấp) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu.</li> </ul> <p><b>GHI CHÚ:</b> Các tab <b>Networking</b> (Hoạt động mạng), <b>System</b> (Hệ thống) và <b>Print</b> (In) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Đặt mật khẩu thuộc trang 71</a>.</p>
<p>Tab <b>Networking</b> (Hoạt động mạng)</p> <p>Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p>Người quản lý mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát cài đặt mạng cho sản phẩm khi nó được kết nối với một mạng có nền IP.</p> <p><b>GHI CHÚ:</b> Các tab <b>Networking</b> (Hoạt động mạng), <b>System</b> (Hệ thống) và <b>Print</b> (In) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu; xem <a href="#">Đặt mật khẩu thuộc trang 71</a>.</p>

# Quản lý nguồn cung cấp

## Tuổi thọ hàng được cung cấp

Tháng 06/2006, International Organization for Standardization (ISO) (Tổ chức Tiêu chuẩn Thế giới) đã công bố tiêu chuẩn hiệu suất hộp mực ISO/IEC 19798 dành cho máy in màu laser. HP tham gia tích cực vào việc phát triển tiêu chuẩn này và hỗ trợ hết mình việc sử dụng trong toàn ngành. Tiêu chuẩn này xác định nhiều yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu suất và việc đo hiệu suất, bao gồm tài liệu kiểm tra, kích thước tác vụ in, chế độ chất lượng in, quyết định cuối dùng, kích thước mẫu và các điều kiện môi trường. Tiêu chuẩn được áp dụng rộng rãi của điều này thể hiện sự đột phá trong việc cung cấp cho người dùng thông tin về hiệu suất có thể so sánh được một cách chính xác. Thông tin về hiệu suất hộp mực cụ thể có thể tìm tại: [h10060.www1.hp.com/pageyield/index.html](http://h10060.www1.hp.com/pageyield/index.html).

## Lưu giữ hộp mực

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút.

## Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

HP không khuyến nghị sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế.

**📝 GHI CHÚ:** Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

## Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP

Hãy gọi cho đường dây nóng về gian lận của HP (1-877-219-3183, số gọi miễn phí ở Bắc Mỹ) hoặc truy cập vào trang web [www.hp.com/go/anticounterfeit](http://www.hp.com/go/anticounterfeit) khi bạn lắp hộp mực HP và panen điều khiển hiển thị thông báo nói rằng hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem hộp mực này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục vấn đề.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Bạn gặp phải nhiều vấn đề với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như chúng thường thấy (ví dụ, không có vấu kéo màu da cam, hoặc bao gói khác với bao gói của HP).

## In khi hộp mực đã gần hết

Thông báo **<Supply> Thấp** —khi <Nguồn cung cấp> là hộp mực màu—hiển thị khi hộp mực gần hết. Thông báo **<Supply> Rất Thấp** sẽ hiển thị khi hộp mực gần hết. Để đảm bảo chất lượng in tối ưu, HP khuyên bạn nên thay hộp mực khi thông báo **<Supply> Rất Thấp** hiển thị. Các vấn đề về chất lượng in có thể xuất hiện khi sử dụng hộp mực gần hết, gây ra lãng phí giấy in và lãng phí bột mực trong các hộp mực khác. Thay hộp mực khi thông báo **<Supply> Rất Thấp** hiển thị sẽ tránh được sự lãng phí này. Không cần thay nguồn cung cấp ngay tại thời điểm này trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Sau khi một nguồn cung cấp HP “gần hết”, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt.

---

**⚠ CẢNH BÁO!** Sử dụng cài đặt **Tiếp tục** có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.

**⚠ CẢNH BÁO!** Tất cả lỗi in hay trục trặc ở nguồn cung cấp xảy ra khi nguồn cung cấp HP được tiếp tục sử dụng ở chế độ rất ít mực sẽ không được xem là lỗi ở vật liệu hay khả năng vận hành nguồn cung cấp theo Tuyên bố Bảo hành Hộp mực In của HP.

---

Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng **Tiếp tục** bất cứ lúc nào, và bạn không phải bật lại tính năng này khi lắp hộp mực mới. Khi menu **Ở mức Rất Thấp** được đặt là **Tiếp tục**, sản phẩm sẽ tự động tiếp tục in khi hộp mực đạt tới mức thay thế được đề xuất. Thông báo **<Supply> Rất Thấp** sẽ hiển thị khi hộp mực đang sử dụng ở chế độ tiếp tục in khi gần hết mực.

### Bật hoặc tắt tính năng tiếp tục in khi gần hết mực từ panen điều khiển

1. Trên panen điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Cài đặt Hệ thống**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Ở mức Rất Thấp**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Hộp mực Đen** hoặc menu **Hộp mực Màu**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Chọn một trong các tùy chọn sau.
  - Chọn tùy chọn **Tiếp tục** để bật tính năng tiếp tục in khi gần hết mực.
  - Chọn tùy chọn **Ngừng** để tắt tính năng tiếp tục in khi gần hết mực.
  - Chọn tùy chọn **Lời nhắc** để nhắc người dùng tiếp tục trước khi sản phẩm thực hiện tác vụ in.
  - Chọn tùy chọn **In Đen trắng** (chỉ trong menu **Hộp mực Màu**) để buộc sản phẩm phải in bằng hộp mực đen khi một trong các hộp mực gần hết.

## Thay hộp mực in

Khi hộp mực in gần đến hết thời gian sử dụng, panen điều khiển sẽ hiển thị một thông báo khuyên bạn nên đặt mua hộp mực thay thế. Sản phẩm có thể tiếp tục in bằng hộp mực in hiện thời cho tới khi panen điều khiển hiển thị thông báo yêu cầu bạn thay hộp mực này, trừ khi bạn đã chọn tùy chọn ghi đè thông báo này bằng cách sử dụng menu **Thay nguồn cung cấp**. Để biết thêm thông tin về menu **Thay nguồn cung cấp**, xem [Menu Cài đặt Hệ thống thuộc trang 11](#).

**GHI CHÚ:** Lượng còn lại của hộp mực được sử dụng để xác định xem nguồn cung cấp gần hết hay đã hết mực. Lượng còn lại của hộp mực chỉ là tương đối và thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu được in và các yếu tố khác.

Sản phẩm sử dụng bốn màu và mỗi màu có một hộp mực in riêng: đen (K), đỏ tươi (M), xanh lá mạ (C), và vàng (Y).

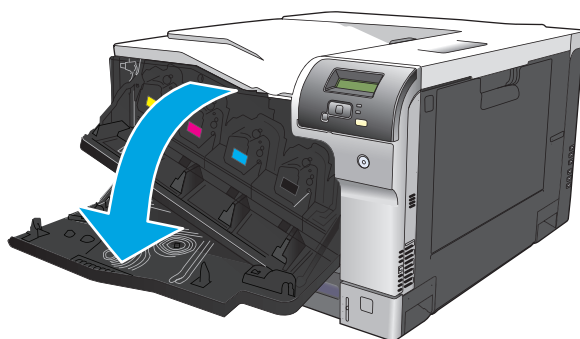
Bạn có thể thay hộp mực khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Thông báo trên panen điều khiển cũng cho biết màu của hộp mực đã hết thời gian sử dụng (đối với hộp mực chưa được sử dụng). Hướng dẫn thay thế sẽ được cung cấp trên nhãn của hộp mực in.

**THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

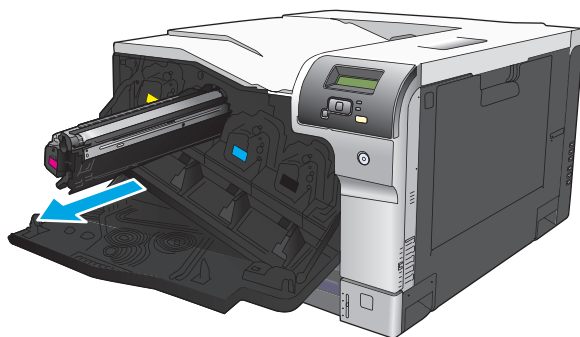
**GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

### Thay hộp mực

1. Mở cửa trước. Đảm bảo rằng cửa mở hoàn toàn.

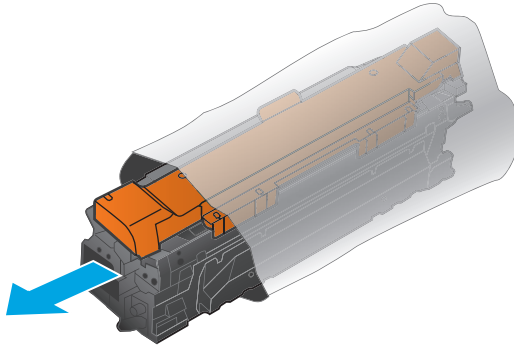



2. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.

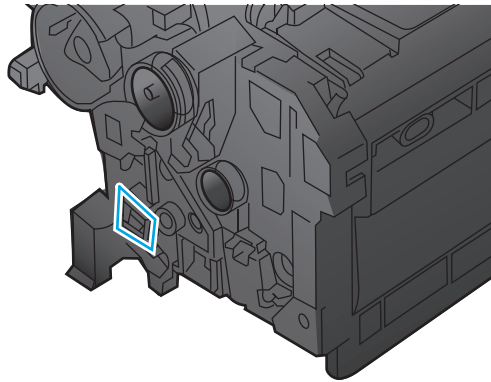


3. Cất hộp mực in đã qua sử dụng trong túi bảo vệ. Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

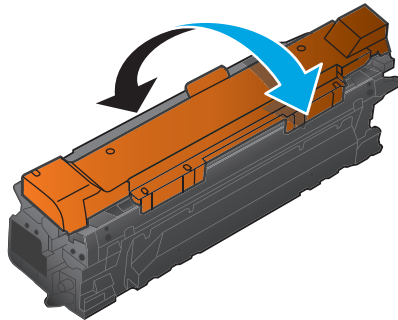
4. Tháo hộp mực in mới ra khỏi túi bảo vệ.



 **GHI CHÚ:** Cần thận không làm hư thẻ nhớ trên hộp mực in.

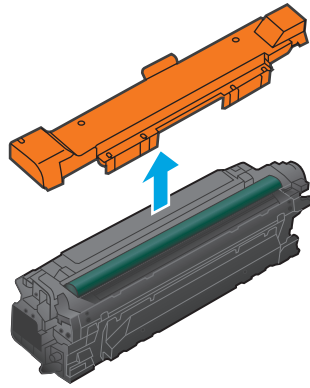


5. Nắm cả hai mặt của hộp mực in và phân bố bột mực bằng cách lắc nhẹ hộp mực in.





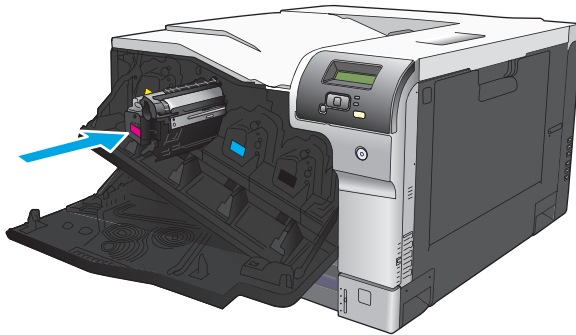
6. Tháo lớp bảo vệ màu cam ra khỏi hộp mực in. Đặt nắp bảo vệ lên trên hộp mực đã sử dụng để bảo vệ trong khi vận chuyển.



**⚠ THẬN TRỌNG:** Tránh tiếp xúc lâu với ánh sáng.

**THẬN TRỌNG:** Không sờ con lăn màu xanh lá cây. Chạm vào con lăn này có thể làm hỏng hộp mực.

7. Canh hộp mực in với khe cắm của nó và lắp hộp mực in vào cho tới khi nó khớp vào vị trí.



8. Đóng cửa trước.



# Bộ nhớ và font DIMMs

## Bộ nhớ sản phẩm


Sản phẩm có một khe mô-đun bộ nhớ tuyến tính đối (DIMM). Sử dụng khe DIMM để nâng cấp sản phẩm bằng các mục sau:

- Thêm bộ nhớ sản phẩm (các DIMM hiện có ở 64, 128, và 256 MB)
- Các tùy chọn sản phẩm và ngôn ngữ máy in dựa trên DIMM
- Bộ ký tự ngôn ngữ hỗ trợ (ví dụ, ký tự Trung hoa hay ký tự chữ cái Ki-rin).

 **GHI CHÚ:** Để đặt hàng DIMM, xem [Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 129](#).

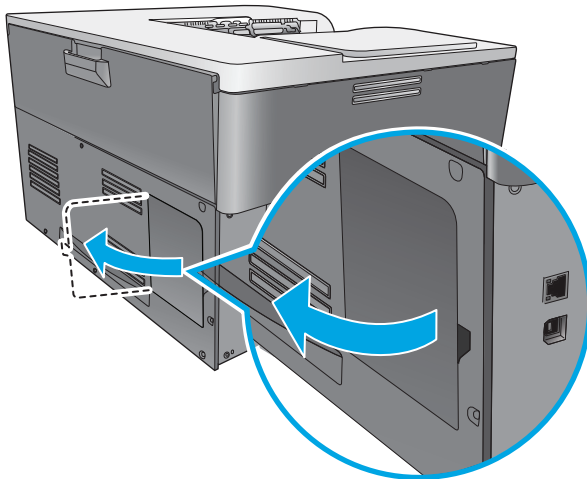
Bạn có thể tăng bộ nhớ của sản phẩm nếu bạn thường in các đồ họa phức tạp hoặc các tài liệu mô phỏng postscript cấp 3 HP, hoặc nếu bạn sử dụng nhiều kiểu chữ được tải xuống. Bộ nhớ bổ sung cũng sẽ cho phép nhiều bản sao được đối chiếu để in ở tốc độ tối đa.

Trước khi đặt hàng bộ nhớ bổ sung, hãy kiểm tra xem có bao nhiêu bộ nhớ hiện được cài đặt bằng cách in ra trang cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).

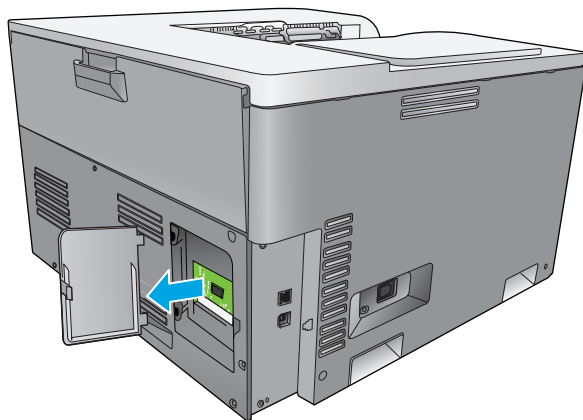
 **THẬN TRỌNG:** Trường tĩnh điện có thể làm hỏng các bộ phận điện tử. Khi lắp đặt các thanh DIMM, hãy đeo vòng chống tĩnh điện, hoặc thường xuyên xuyên chạm vào bề mặt của bao chống tĩnh điện DIMM và sau đó chạm vào phần kim loại không cách điện trên sản phẩm.

## Cài đặt bộ nhớ và font DIMM

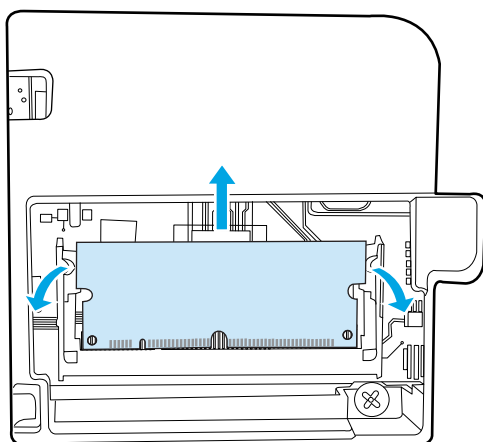
1. Tắt máy, rồi rút tất cả cáp điện và cáp giao diện.
2. Trên mặt sau của sản phẩm, mở cửa truy cập DIMM.



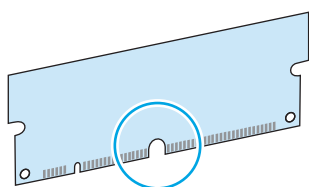
**3.** Mở cửa tiếp cận DIMM.



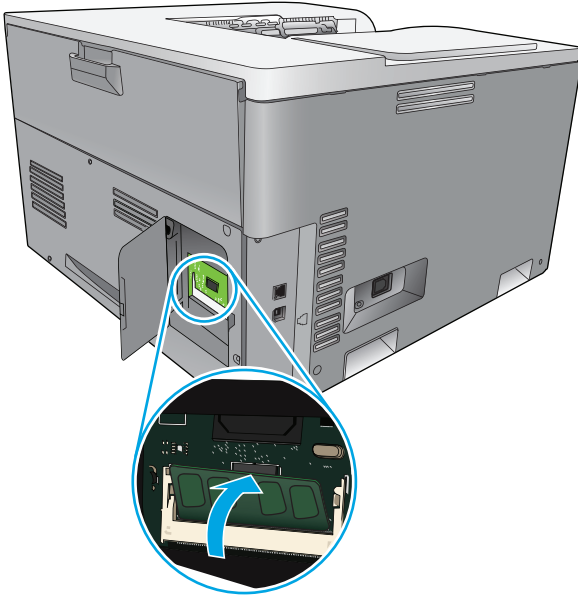
**4.** Để thay thế một DIMM đang được cài đặt hiện thời, bật các chốt khởi các bên của rãnh DIMM, nhắc DIMM lên ở một góc, và kéo nó ra.



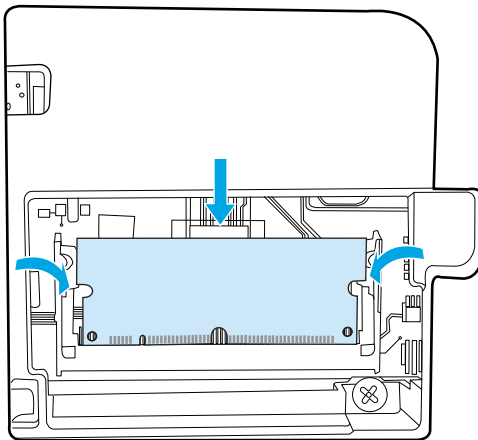
**5.** Tháo DIMM mới khỏi gói chống tĩnh điện, rồi đặt khía canh thẳng hàng lên cạnh đáy của DIMM.



6. Giữ DIMM bằng các mép, canh thẳng hàng khóa DIMM với thanh trong rãnh DIMM ở một góc.

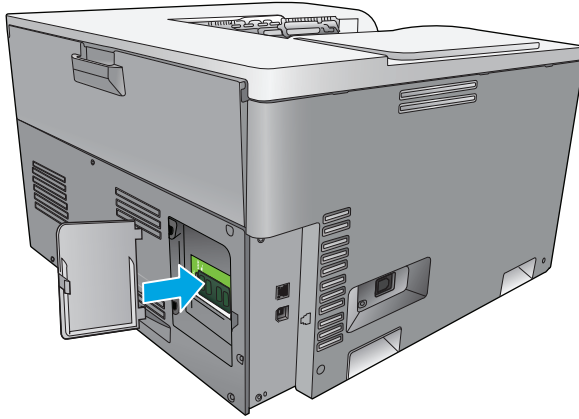


7. Nhấn DIMM xuống cho đến khi cả hai chốt ăn khớp vào DIMM. Khi việc lắp đặt đúng, ta không thể nhìn thấy các bề mặt tiếp xúc của kim loại.

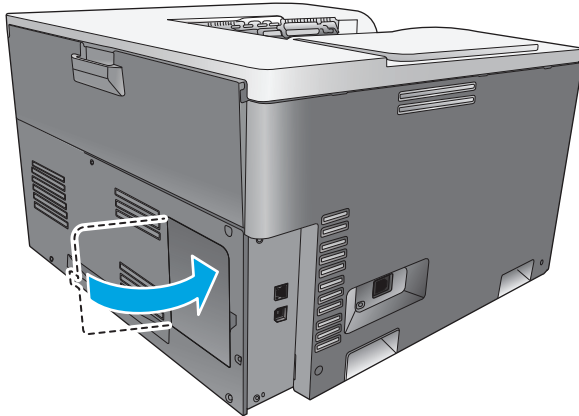


**GHI CHÚ:** Nếu bạn gặp khó khăn khi gắn DIMM vào, hãy bảo đảm rằng chốt ở dưới đáy của DIMM thẳng hàng với thanh trong rãnh. Nếu vẫn không thể gắn DIMM vào, hãy bảo đảm bạn sử dụng đúng loại DIMM.

- 8.** Gắn lại cửa tiếp cận DIMM.



- 9.** Đóng cửa tiếp cận DIMM.



- 10.** Gắn lại cáp điện và cáp USB hay mạng, rồi bật máy lên.

- 11.** Sau khi cài đặt bộ nhớ DIMM, xem [Kích hoạt bộ nhớ thuộc trang 90](#).

## Kích hoạt bộ nhớ

Nếu bạn đã cài đặt bộ nhớ DIMM, cài trình điều khiển máy in để nhận dạng bộ nhớ mới thêm vào.

### Kích hoạt bộ nhớ cho Windows

1. Trên trình đơn **Khởi động**, chỉ vào **Cài đặt**, và bấm vào **Máy in** hay **Máy in và Fax**.
2. Chọn sản phẩm này, và sau đó chọn **Properties** (Đặc tính).
3. Trên tab **Cấu hình**, bấm vào **Thêm**.
4. Trong trường **Bộ nhớ tổng cộng**, gõ hay chọn tổng cộng bộ nhớ hiện đã cài đặt.
5. Bấm vào **OK**.

### Kiểm tra cài đặt DIMM

Bật máy lên. Kiểm tra xem sản phẩm đã ở trong **Sẵn sàng** tình trạng sau khi đã trải qua quy trình khởi động chưa. Nếu có tin báo lỗi xuất hiện, làm các việc sau:

1. In một trang cấu hình. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).
2. Kiểm tra phần Các Đặc tính được Cài đặt và Tùy chọn trên trang cấu hình và so sánh chúng với trang cấu hình mà bạn đã in ra trước khi cài đặt DIMM.
3. Có thể DIMM không được cài đặt đúng. Lập lại quy trình cài đặt.

- hoặc -

DIMM có thể bị hư. Thử một DIMM mới.

## Lau dọn sản phẩm

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lỗm đốm bột mực. Sản phẩm này có một chế độ lau dọn có thể khắc phục và ngăn chặn các sự cố này.

### Lau sản phẩm bằng cách sử dụng HP ToolboxFX

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69](#).
2. Nhấp vào thư mục **System Settings** (Cài đặt Hệ thống), và sau đó nhấp vào trang **Service** (Dịch vụ).
3. Trong vùng cho **Cleaning Mode** (Chế độ Lau dọn), nhấp nút **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình lau dọn.

Sản phẩm sẽ xử lý một trang, và sau đó trở về trạng thái **Ready** (Sẵn sàng) khi hoàn tất quá trình lau dọn.

### Lau sản phẩm bằng cách sử dụng bảng điều khiển

1. Bấm nút **OK** để mở các menu.
2. Bấm các nút mũi tên để đánh dấu menu (**Dịch vụ**), và sau đó bấm nút **OK**.

3. Bấm các nút mũi tên để đánh dấu menu **Chế độ Lau dọn**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Làm theo các hướng dẫn trên panen điều khiển để hoàn thành quá trình.

### Lau sản phẩm bằng cách sử dụng máy chủ Web được nhúng

1. Mở máy chủ Web được nhúng.
2. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
3. Bấm vào trình đơn **Dịch vụ**.
4. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu).
5. Làm theo các hướng dẫn trên panen điều khiển của sản phẩm để hoàn thành quá trình.

## Cập nhật phần sụn

Để nâng cấp phần sụn sản phẩm, tải về tập tin cập nhật phần sụn từ [www.hp.com/go/cljcp5220series\\_software](http://www.hp.com/go/cljcp5220series_software) và lưu tập tin vào mạng hay máy tính của bạn. Xem các ghi chú cài đặt sản phẩm để biết các hướng dẫn cách cài đặt tập tin cập nhật phần sụn vào sản phẩm.





---

# 10 Giải quyết sự cố

- [Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản](#)
- [Dịch thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng](#)
- [Khôi phục lại cài đặt gốc](#)
- [Gỡ giấy kẹt](#)
- [Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh](#)
- [Giải quyết các vấn đề về hiệu suất](#)
- [Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm](#)
- [Các sự cố thông thường của Windows](#)
- [Giải quyết vấn đề với Macintosh](#)

## Danh sách kiểm tra xử lý sự cố cơ bản

Nếu bạn gặp phải vấn đề với sản phẩm, hãy sử dụng danh sách kiểm tra sau đây để phát hiện nguyên nhân của vấn đề:

- Sản phẩm đã được nối với nguồn điện chưa?
- Sản phẩm đã được bật chưa?
- Sản phẩm có ở trạng thái **Sẵn sàng** không?
- Tất cả cáp cần thiết đã được cắm vào chưa?
- Đã lắp các nguồn cung cấp HP chính hãng chưa?
- Các hộp mực được thay thế gần đây có được lắp đúng không, và đã tháo vấu kéo trên hộp mực ra chưa?

Để biết thêm thông tin về lắp đặt và cài đặt, hãy xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Nếu bạn không thể tìm ra giải pháp cho vấn đề trong hướng dẫn này, hãy truy cập vào [www.hp.com/support/cljcp5220series](http://www.hp.com/support/cljcp5220series).

## Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm

Một vài yếu tố có thể tác động đến thời gian in một nhiệm vụ:

- Tốc độ tối đa của sản phẩm, được tính bằng số trang trên mỗi phút (ppm)
- Việc sử dụng giấy đặc biệt (chẳng hạn như phim trong suốt, giấy nặng, và giấy có kích thước tùy chỉnh)
- Thời gian xử lý sản phẩm và thời gian tải xuống
- Mức độ phức tạp và kích thước đồ họa
- Tốc độ của máy tính bạn sử dụng
- Kết nối USB

# Dịch thông báo ở bảng điều khiển và cảnh báo tình trạng

Thông báo ở bảng điều khiển cho biết tình trạng hiện tại của sản phẩm hoặc các trường hợp có thể yêu cầu hoạt động.

Các tin nhắn cảnh báo tình trạng xuất hiện trên màn hình máy tính (cùng với tin nhắn bảng điều khiển) khi sản phẩm gặp sự cố. Nếu có tin nhắn cảnh báo tình trạng, một ✓ xuất hiện trong cột **Cảnh báo tình trạng** trong bảng sau.

Các thông báo trên bảng điều khiển có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận bằng cách bấm nút **OK** để tiếp tục in hoặc bấm nút huỷ ✕ để huỷ lệnh in. Đối với một số thông báo, tác vụ này có thể không kết thúc việc in hoặc chất lượng in bị ảnh hưởng. Nếu thông báo có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự động tiếp tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không cần xác nhận.

Đối với một số thông báo, việc khởi động lại sản phẩm có thể khắc phục được sự cố. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.


Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
<Color> ở vị trí sai	✓	Một hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Bảo đảm rằng mỗi hộp mực in ở đúng rãnh. Từ trước ra sau, các hộp mực được cài đặt theo thứ tự này: đen, xanh lá mạ, đỏ, vàng.
<Supply> Rất Thấp	✓	Mục menu <b>Cài đặt Hệ thống Ở mức Rất Thấp</b> được đặt thành <b>Tiếp tục</b> .	<p>Bạn có thể tiếp tục in cho đến khi bạn thông báo có sự suy giảm chất lượng in. Lượng thời gian sử dụng còn lại thực tế của hộp mực có thể thay đổi.</p> <p>Sau khi một nguồn cung cấp HP "gần hết", Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó sẽ chấm dứt.</p> <p>Xem <a href="#">Menu Cài đặt Hệ thống thuộc trang 11</a>.</p>
57.X Lỗi quạt Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm bị lỗi ở quạt gắn trong máy.	<p>Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.</p> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>

Thông báo bằng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
59.X Lỗi Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải vấn đề với một trong các động cơ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
79 Lỗi Tắt sau đó bật trở lại		Sản phẩm gặp lỗi chương trình cơ sở nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
79 Lỗi dịch vụ Tắt sau đó bật trở lại		Cài đặt DIMM không tương thích.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Tắt nguồn sản phẩm.</li> <li>Cài đặt một DIMM mà sản phẩm hỗ trợ. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> để biết danh sách các DIMM được hỗ trợ. Xem <a href="#">Cài đặt bộ nhớ và font DIMM thuộc trang 86</a> để biết các hướng dẫn cài đặt DIMM.</li> <li>Bật sản phẩm.</li> </ol> <p>Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.</p>
Cửa bên phải mở	✓	Cửa bên phải của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa lại.
Cửa sau mở	✓	Cửa sau của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa lại.
Cửa trước mở	✓	Cửa trước của sản phẩm bị mở.	Đóng cửa lại.
Đang sử dụng hộp mực <color> đã qua Sử dụng	✓	Phát hiện và chấp nhận một hộp mực đã sử dụng.	Không cần thao tác.
Đang sử dụng nguồn cung cấp đã qua sử dụng	✓	Các hộp mực đã sử dụng đã được lắp đặt.	Không cần thao tác.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Đang sử dụng nguồn cung cấp không phải của HP		Đã lắp đặt nguồn cung cấp không phải của HP.	Tin nhắn này là tạm thời và sẽ biến mất sau vài giây.  Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp của HP , vào <a href="http://www.hp.com/go/anticounterfeit">www.hp.com/go/anticounterfeit</a> .  Cần dịch vụ hay sửa chữa do sử dụng nguồn không phải của HP sẽ không được tính trong phần bảo hành HP.
Đã lắp đặt nguồn cung cấp HP chính hãng		Nguồn cung cấp chính hãng HP đã được cài đặt. Thông báo này sẽ xuất hiện nhanh sau khi đã cài đặt nguồn cung cấp và sau đó được thay thế bằng thông báo <b>Sẵn sàng</b> .	Không cần thao tác.
Đã lắp hộp mực đã sử dụng Để chấp thuận, bấm [OK]	✓	Sản phẩm đã phát hiện ra nhiều hộp mực đã sử dụng được lắp vào.	Bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục.
Đã lắp nguồn cung cấp đã qua sử dụng Để chấp thuận, bấm [OK]	✓	Một hộp mực đã sử dụng đã được lắp đặt.	Bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục.
Đã sử dụng <color> đã lắp Để chấp thuận, bấm [OK]	✓	Sản phẩm đã phát hiện ra hộp mực đã sử dụng được lắp vào.	Bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục.
In hai mặt thủ công Nạp giấy khay X bấm[OK]		Mặt đầu tiên của lệnh in hai mặt thủ công đã được in, bạn cần phải nạp trang giấy vào để tiếp tục in mặt thứ hai.	Nạp giấy vào khay được chỉ định với mặt in hướng lên trên, và đầu trên cùng hướng ra xa bạn, sau đó bấm nút <b>OK</b> .
In nhầm Bấm [OK]	✓	Giấy in đã được tạm hoãn do di chuyển qua sản phẩm.	Bấm nút <b>OK</b> để xoá thông báo.
Kẹt giấy tại <location>	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý giấy kẹt tại vị trí được chỉ báo. Nhiệm vụ này sẽ tiếp tục in. Nếu không, hãy thử in lại nhiệm vụ này.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Kẹt giấy trong khay <X> Xử lý giấy kẹt và sau đó bấm [OK]	✓	Sản phẩm phát hiện thấy giấy bị kẹt.	Xử lý kẹt giấy từ vị trí được xác định, sau đó bấm nút <b>OK</b> .  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Không in được Bấm [OK]  thay thế bằng  Nếu lỗi lặp lại, tắt nguồn sau đó bật lại	✓	Sản phẩm không thể xử lý trang này.	Bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục in tác vụ, nhưng bản in ra có thể bị ảnh hưởng.  Nếu lỗi vẫn xảy ra, tắt nguồn và sau đó bật lại. Thực hiện lại lệnh in.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Kích thước không đúng trong khay # Nạp <size> bấm [OK]	✓	Sản phẩm đã phát hiện giấy in trong khay không phù hợp với cấu hình của khay.	Nạp đúng loại giấy vào khay, hoặc cấu hình khay cho đúng với kích thước mà bạn đã nạp vào. Xem <a href="#">Nạp khay thuộc trang 50</a> .
Lắp <Color> hộp mực	✓	Hộp mực chưa lắp hoặc lắp không đúng vào sản phẩm.	Lắp hộp mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a> .
Lấy tài liệu vận chuyển từ cửa sau Lỗi 49 Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	Mở cửa sau và tháo các khoá vận chuyển.  Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Lỗi 51.XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
Lỗi 54.XX Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi với một trong các bộ cảm biến nội bộ. <ul style="list-style-type: none"><li>• 54.15 = vàng</li><li>• 54.16 = đỏ</li><li>• 54.17 = xanh lá mạ</li><li>• 54.18 = đen</li></ul>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Mở cửa vào khay hộp mực và kéo khay hộp mực ra.</li><li>2. Kiểm tra bộ phận màu trắng trên hộp mực có liên quan. Nó nằm bên hông phải của hộp mực.</li><li>3. Nhấn bộ phận đó vào và ra một cách chậm rãi. Một lá cờ đen sẽ bật lên khi bạn nhấn nó. Nó phải di chuyển êm ái. Nếu không, tiếp tục nhấn để thử gỡ các vật cản có thể có.</li><li>4. Nhấn khay hộp mực vào và đóng cửa lại.</li></ol> Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Lỗi 55.X</b> Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải một lỗi nội bộ.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
<b>Lỗi bộ nhiệt áp 50.X</b> Tắt sau đó bật trở lại	✓	Sản phẩm gặp phải lỗi với bộ nhiệt áp.	Tắt nguồn sản phẩm, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật nguồn và chờ sản phẩm khởi chạy.  Tắt sản phẩm, chờ ít nhất 25 phút, và sau đó bật sản phẩm.  Nếu bạn đang sử dụng một thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Bật nguồn sản phẩm.  Nếu tin nhắn vẫn còn, liên hệ hỗ trợ HP.
<b>Lỗi nguồn cung cấp 10.10.XX</b>	✓	<ul style="list-style-type: none"> <li>10.1000 = bộ nhớ cung cấp màu đen đang bị sót</li> <li>10.1001 = bộ nhớ cung cấp màu xanh lá mạ đang bị sót</li> <li>10.1002 = bộ nhớ cung cấp màu đỏ đang bị sót</li> <li>10.1003 = bộ nhớ cung cấp màu vàng đang bị sót</li> </ul>	Kiểm tra nhãn e-label. Nếu nó bị gãy hay hư, thay thế hộp mực.  Kiểm tra xem hộp mực có được lắp đúng vị trí không.  Tháo và gắn lại hộp mực rồi bật lại sản phẩm.  Nếu lỗi xảy ra với một hộp mực màu, thử đổi nó bằng một hộp mực màu khác trong khay. Nếu tin nhắn cũ vẫn hiện ra, thì có vấn đề với động cơ. Nếu một tin nhắn 10.10.XX khác xuất hiện, thay hộp mực.
<b>Lỗi nguồn cung cấp 10.XXXX</b>	✓	<p>Không thể đọc bộ nhớ cung cấp cho một trong các hộp mực in hoặc bộ nhớ không có.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>10.0000 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu đen</li> <li>10.0001 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu xanh lá mạ</li> <li>10.0002 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu đỏ</li> <li>10.0003 = lỗi bộ nhớ cung cấp màu vàng</li> </ul>	Lắp lại hộp mực in.  Tắt và sau đó bật sản phẩm.  Nếu vấn đề không được khắc phục, hãy thay hộp mực.

Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi thiết bị Bấm [OK]	✓	Đã xảy ra lỗi nội bộ.	Bấm nút <b>OK</b> để tiếp tục tác vụ.
Nạp giấy	✓	Tất cả các khay đang rỗng.	Nạp giấy in.
Nạp giấy khay # <TYPE> <SIZE>	✓	Khay giấy được cấu hình theo kích thước và loại giấy mà lệnh in yêu cầu, nhưng khay đó hiện hết giấy.	Nạp đúng giấy vào khay 1, hoặc bấm nút <b>OK</b> để sử dụng giấy ở khay khác.
Nạp giấy khay 1 <TYPE> <SIZE>	✓	Không có khay nào được cấu hình theo kích thước và loại giấy mà lệnh in yêu cầu.	Nạp đúng giấy vào Khay 1, hoặc bấm nút <b>OK</b> để sử dụng giấy ở khay khác.
Nạp giấy thường vào khay 1 <SIZE> Chế độ Lau dọn [OK] để bắt đầu	✓	Sản phẩm đã sẵn sàng để thực hiện thao tác lau chùi.	Nạp Khay 1 với loại giấy thường theo kích thước được chỉ định, và sau đó bấm nút <b>OK</b> .
Nguồn cung cấp sai	✓	Nhiều hộp mực được lắp vào rãnh không đúng.	Bảo đảm rằng mỗi hộp mực in ở đúng rãnh. Từ trước ra sau, các hộp mực được cài đặt theo thứ tự này: đen, xanh lá mạ, đỏ, vàng.
Quay giấy sang 90 độ 13.XX.YY KỆT GIẤY TRONG KHAY 2	✓	Giấy trong khay đã chỉ định được nạp không đúng cách.	Mở khay ra, xoay giấy cho đúng hướng, và sau đó đóng khay lại.
Sắp hết bộ nhớ Bấm [OK] Thử lại sau hoặc tắt & bật	✓	Bộ nhớ sản phẩm hầu như bị đầy.	Bấm nút <b>OK</b> để hoàn tất tác vụ, hoặc bấm nút huỷ  để huỷ tác vụ.  Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn.  Để biết thông tin về việc tăng bộ nhớ sản phẩm, xem <a href="#">Cài đặt bộ nhớ và font DIMM thuộc trang 86</a> .
Tháo khoá vận chuyển ra khỏi các <color> hộp mực	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực được cài đặt.	Phải chắc bạn đã gỡ các chốt giữ vận chuyển ra khỏi hộp mực.
Tháo khoá vận chuyển ra khỏi các hộp mực	✓	Chốt giữ vận chuyển hộp mực sẽ được cài lên một hoặc nhiều hộp mực.	Phải chắc từng chốt giữ vận chuyển hộp mực đã được gỡ.
Thay <color> hộp mực	✓	Sản phẩm có thể được cấu hình để dừng khi mức nguồn cung cấp quá thấp. Nguồn cung cấp có thể vẫn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được.	Thay hộp mực nếu chất lượng in không còn chấp nhận được. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a> .



Thông báo bảng điều khiển	Cảnh báo tình trạng	Mô tả	Hành động được đề xuất
Thay nguồn cung cấp	✓	Nhiều mực nguồn cung cấp sắp hết.	Kiểm tra máy đo mức nguồn cung cấp trên bảng điều khiển, hoặc, nếu có thể, in ra một trang tình trạng nguồn cung cấp để xác định xem hộp mực nào sắp cạn. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a> .  Xem <a href="#">Hàng cung cấp và phụ tùng thuộc trang 129</a> để biết thêm thông tin.
Tiếp giấy thủ công <TYPE> <SIZE> Bấm [OK] dành cho giấy hiện có	✓	Sản phẩm được đặt ở chế độ tiếp giấy thủ công.	Bấm nút <b>OK</b> để xoá thông báo hoặc để nạp đúng giấy vào Khay 1.
Trình điều khiển không hợp lệ Bấm [OK]	✓	Bạn đang dùng trình điều khiển máy in sai.	Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.

## Khôi phục lại cài đặt gốc

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu (**Dịch vụ**), và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Khôi phục Mặc định**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm nút **OK** để khôi phục cài đặt mặc định gốc. Bấm nút huỷ **✖** để thoát khỏi menu mà không khôi phục cài đặt mặc định gốc.

# Gỡ giấy kẹt


## Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp

Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp <sup>1</sup>	
Nguyên nhân	Giải pháp
Các thanh dẫn giấy dọc và ngang không được điều chỉnh đúng.	Điều chỉnh các thanh dẫn sát với chõng giấy.
Giấy in không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật.	Chỉ sử dụng những giấy đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và giấy In thuộc trang 43</a> .
Bạn đang sử dụng giấy đã qua máy in hoặc máy photocopy.	Không sử dụng giấy đã được in hoặc photocopy trước đó.
Khay tiếp giấy được nạp không đúng.	Lấy hết giấy vượt quá mức giới hạn ra khỏi khay tiếp giấy. Đảm bảo chõng giấy ở dưới dấu chiều cao chõng giấy tối đa trong khay. Xem <a href="#">Nạp khay thuộc trang 50</a> .
Giấy bị nghiêng.	Các thanh dẫn của khay tiếp giấy không được điều chỉnh đúng. Điều chỉnh các thanh dẫn này sao cho chúng giữ chặt chõng giấy vào vị trí và giấy không bị cong.
Giấy dính vào nhau.	Lấy giấy ra, bẻ cong, xoay 180 độ, hoặc lật ngược. Nạp lại giấy vào khay tiếp giấy. <b>GHI CHÚ:</b> Không xòe giấy ra. Xòe giấy ra có thể tạo ra tĩnh điện làm cho giấy dính với nhau.
Giấy được lấy ra trước khi đi vào ngăn giấy ra.	Chờ cho tới khi trang được xếp hoàn toàn vào ngăn giấy ra trước khi lấy ra.
Giấy quá nặng.	Không sử dụng giấy vượt quá trọng lượng được hỗ trợ cho khay nạp. Xem <a href="#">Các loại giấy được hỗ trợ và công suất khay thuộc trang 47</a> . Không sử dụng giấy vượt quá trọng lượng được hỗ trợ để in hai mặt tự động. Xem <a href="#">Kích thước giấy được hỗ trợ để in hai mặt thuộc trang 48</a> .
Giấy ở tình trạng không tốt.	Thay giấy.
Ổng lăn mực bên trong khay không kéo giấy ra.	Lấy tờ giấy trên cùng ra. Nếu giấy quá nặng, có thể sẽ không lấy ra được từ khay. Xem <a href="#">Các loại giấy được hỗ trợ và công suất khay thuộc trang 47</a> .
Giấy có cạnh gồ ghề hoặc lõm chõm.	Thay giấy.
Giấy bị đục răng cưa hoặc dập nổi.	Những giấy bị đục răng cưa hoặc dập nổi không dễ dàng tách rời. Nạp từng tờ vào.
Giấy được bảo quản sai.	Thay giấy trong các khay. Giấy cần được bảo quản trong bao gói gốc ở môi trường được kiểm soát.

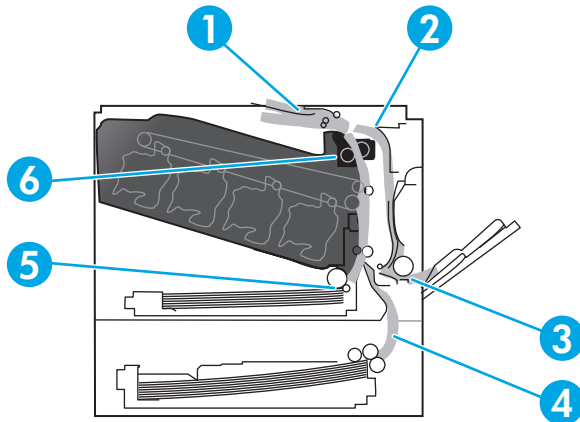
<sup>1</sup> Nếu máy in tiếp tục bị kẹt giấy, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ Khách hàng hoặc nhà cung cấp dịch vụ được ủy quyền của HP.

## Các vị trí kẹt giấy

Sử dụng hình minh họa này để xác định vị trí giấy kẹt. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hiển thị trên panen điều khiển để chỉ cho bạn vị trí giấy kẹt và cách xử lý nó.

 **GHI CHÚ:** Các vùng bên trong sản phẩm có thể cần được mở ra để xử lý kẹt giấy có tay cầm hoặc nhãn màu xanh lá cây.

Hình 10-1 Các vị trí kẹt giấy



1	Vùng ngăn giấy ra
2	Vùng in hai mặt
3	Vùng khay 1
4	Khay giấy và giấy nặng 500 tờ tùy chọn (Khay 3)
5	Vùng cuộn giấy của khay 2
6	Khu vực của cuộn sấy


## Thay đổi cài đặt Phục hồi Giấy kẹt

Khi tính năng Phục hồi Giấy kẹt được bật lên, sản phẩm sẽ in lại các trang bị hư khi giấy kẹt.

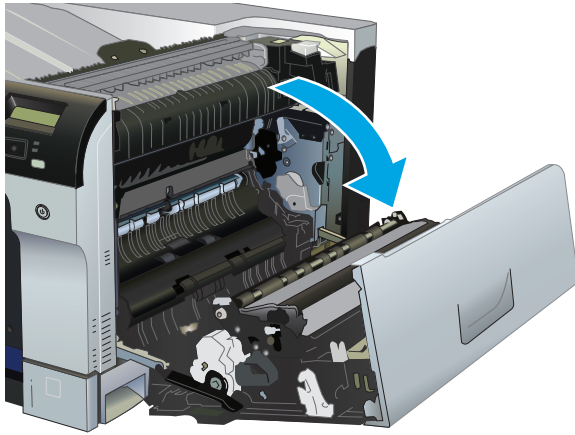
Hãy sử dụng máy chủ Web nhúng để bật tính năng Jam Recovery (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy).

1. Mở EWS.
2. Nhấp vào tab **System** (Hệ thống), và sau đó nhấp vào trang **System Setup** (Cài đặt Hệ thống).
3. Trong danh sách thả xuống **Jam Recovery** (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy), chọn tùy chọn **On** (Bật).

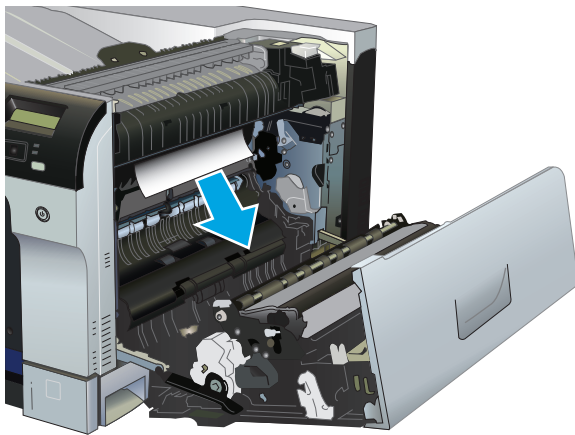
## Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải

 **THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

1. Mở cửa bên phải.

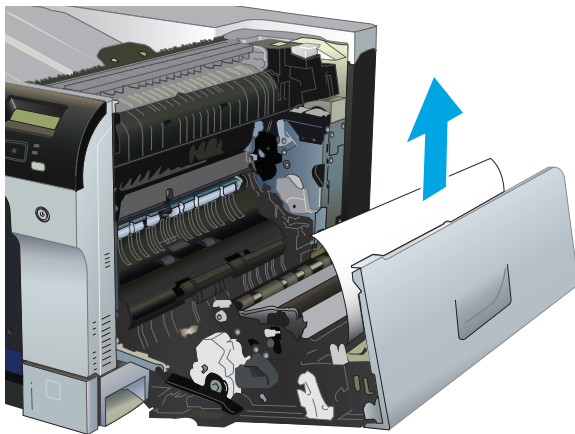


2. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt ở dưới đáy cuộn sấy, hãy nhẹ nhàng kéo xuống để tháo nó.

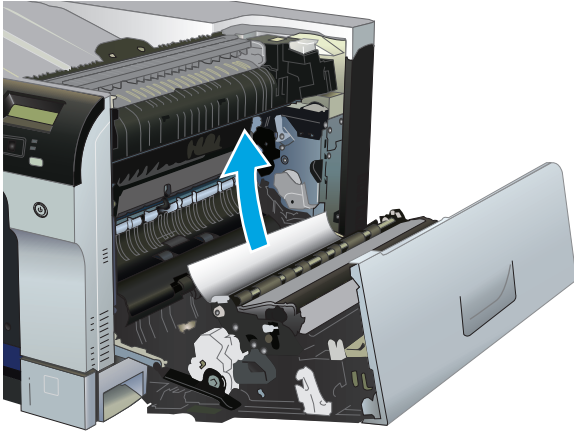


**⚠ THẬN TRỌNG:** Không chạm vào con lăn. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

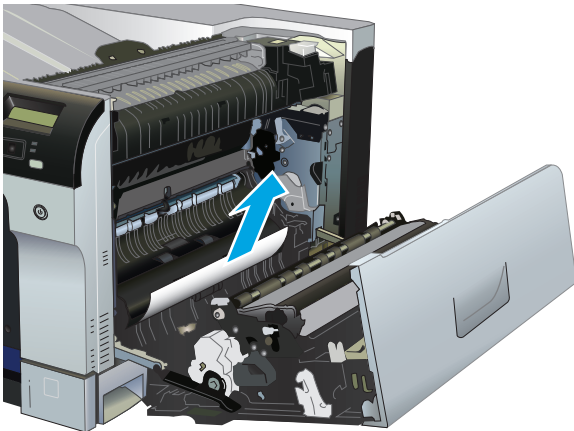
3. Nếu giấy bị kẹt bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo giấy để tháo nó ra.



4. Nếu có giấy bị kẹt trong lối in hai mặt, hãy nhẹ nhàng kéo thẳng giấy ra để tháo.



5. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy của khay 3 hoặc khay 3.

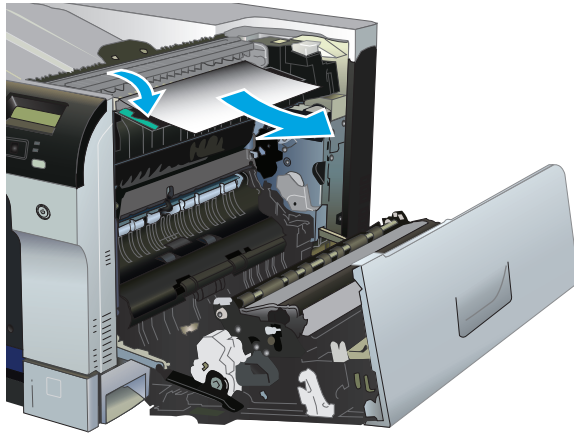


6. Giấy có thể bị kẹt bên trong bộ nhiệt áp, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Mở bộ nhiệt áp để kiểm tra giấy bị kẹt bên trong.

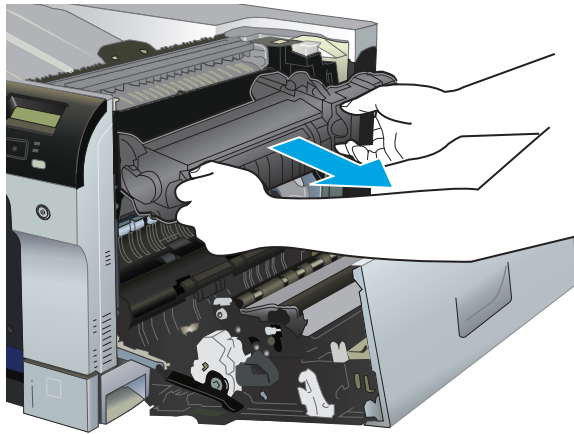
**⚠ THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

- a. Nâng tab màu xanh lên phía trái của bộ nhiệt áp để mở cửa tháo giấy kẹt của bộ nhiệt áp. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng lên để tháo. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.

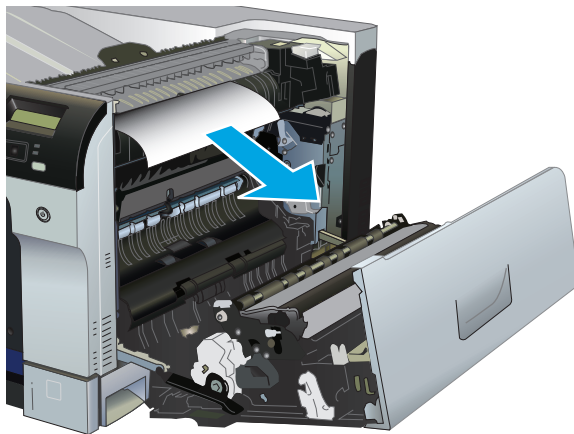
**⚠ THẬN TRỌNG:** Kể cả khi thân cuộn sấy đã nguội hẳn, các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các con lăn của cuộn sấy cho tới khi chúng đã nguội hẳn.



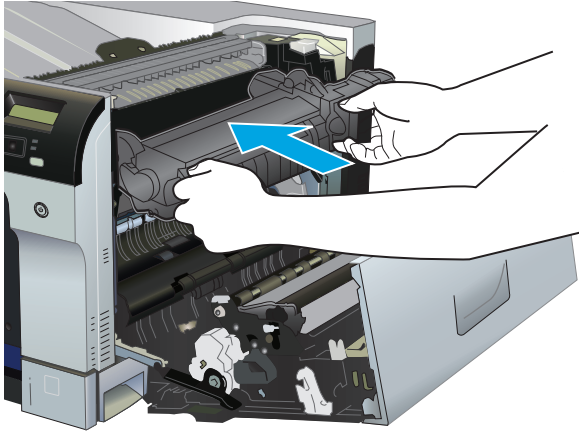
- b.** Nếu giấy không nhìn thấy được trong bộ nhiệt áp, thì có thể giấy bị kẹt bên dưới bộ nhiệt áp. Để tháo bộ nhiệt áp, nắm vào tay cầm của bộ nhiệt áp, nhẹ nhàng nhấc lên, và kéo thẳng ra.



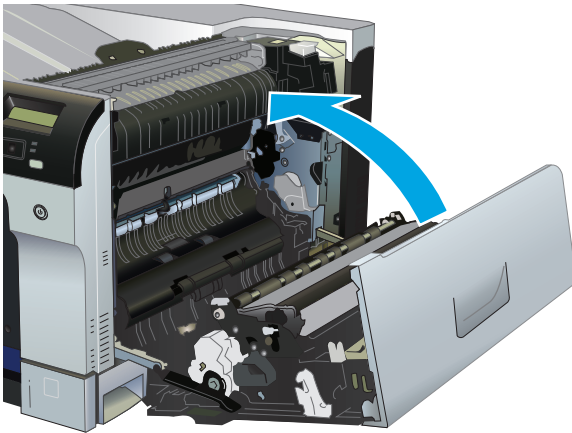
- c.** Nếu có giấy bị kẹt trong khe bộ nhiệt áp, hãy nhẹ nhàng kéo thẳng giấy ra để tháo.



d. Lắp lại bộ nhiệt áp.

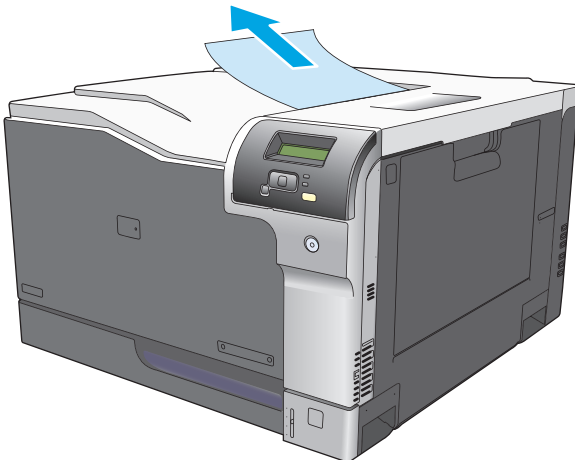


7. Đóng cửa bên phải lại.



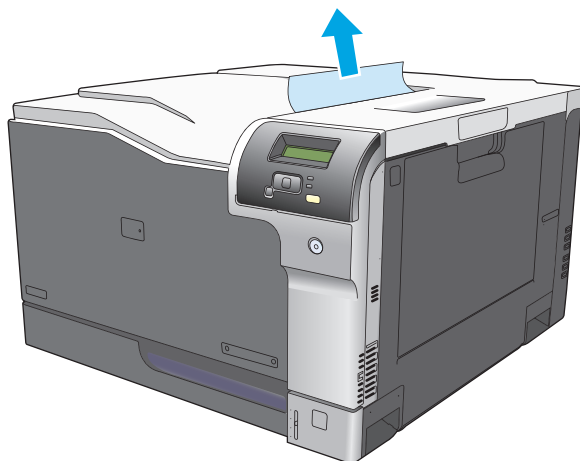
## Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra

1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, hãy nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



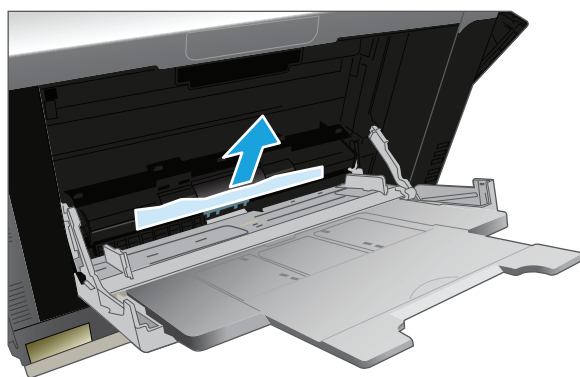


2. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong vùng đầu ra khi in hai mặt, nhẹ nhàng kéo ra để tháo nó.

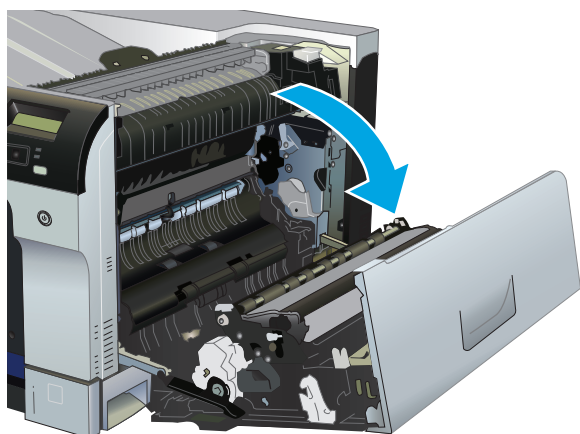


## Gỡ giấy kẹt trong Khay 1

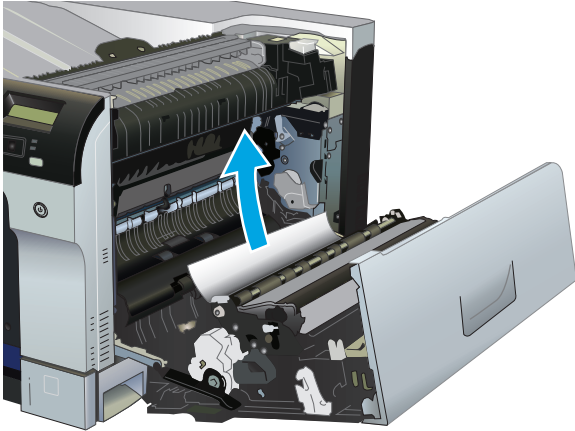
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra. Bấm nút **OK** để xóa thông báo này.



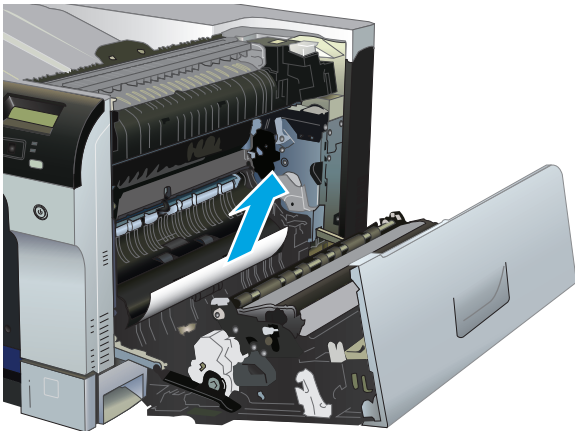
2. Nếu bạn không thể lấy giấy ra, hoặc nếu không nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy đóng Khay 1 và mở cửa bên phải.



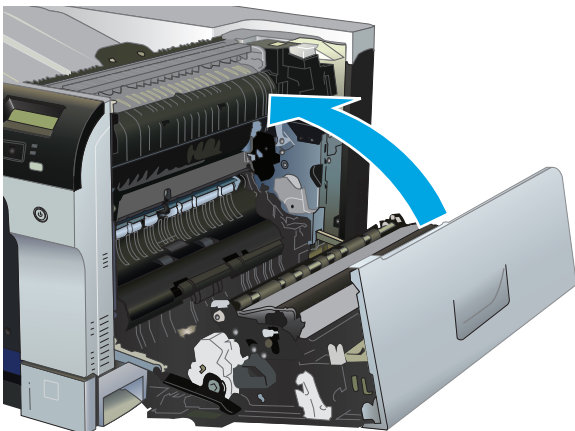
3. Nếu nhìn thấy giấy bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo cạnh dưới để tháo nó ra.



4. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy.



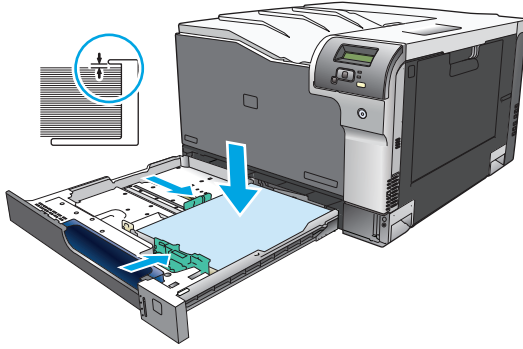
5. Đóng cửa bên phải lại.



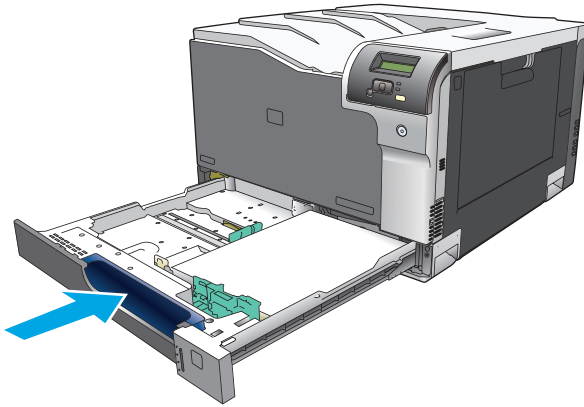
## Gỡ giấy kẹt trong Khay 2

**⚠ THẬN TRỌNG:** Việc mở một khay khi giấy bị kẹt có thể làm rách giấy và để lại những mảnh giấy trong khay, như vậy có thể tạo thêm lần kẹt khác. Nhớ gỡ hết giấy ra trước khi mở khay.

1. Mở khay 2 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.

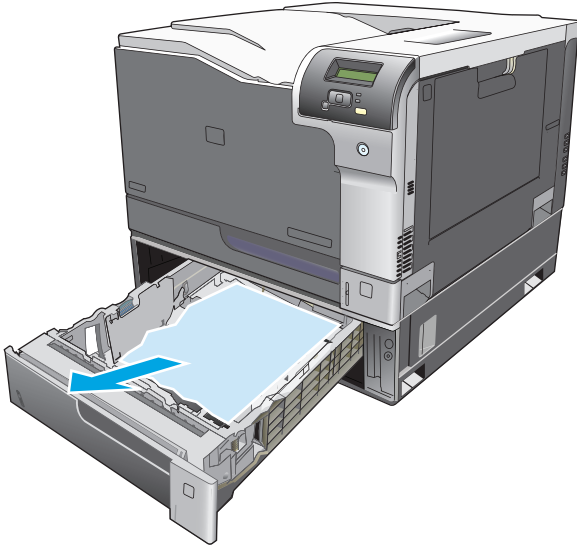


2. Đóng khay lại.

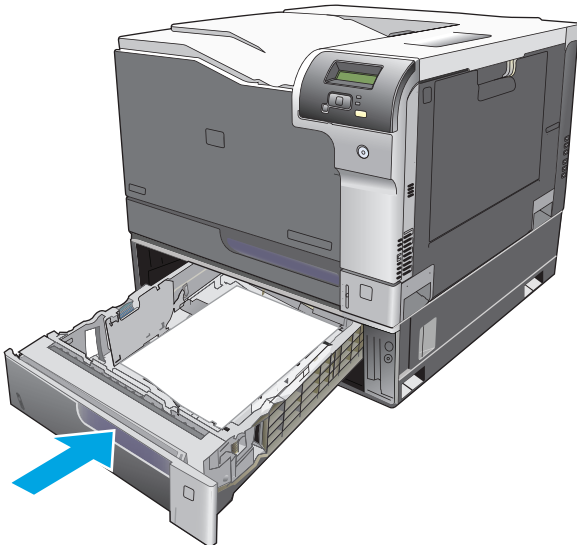


## Gỡ giấy kẹt trong khay giấy 500 tờ tùy chọn và khay giấy nặng (Khay 3)

1. Mở Khay 3 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.

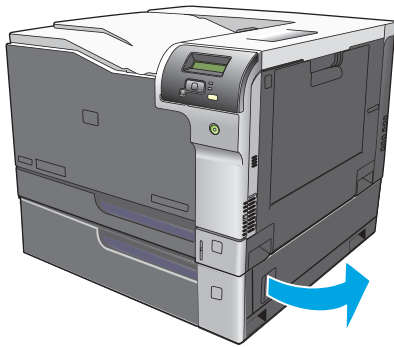


2. Đóng Khay 3.

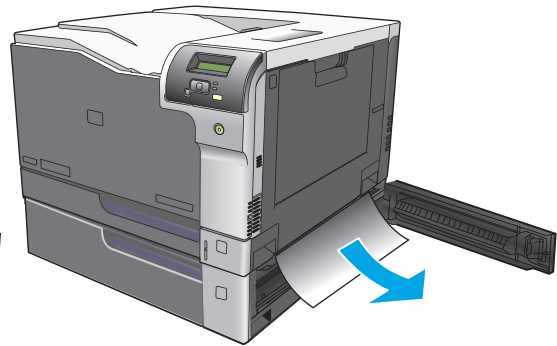
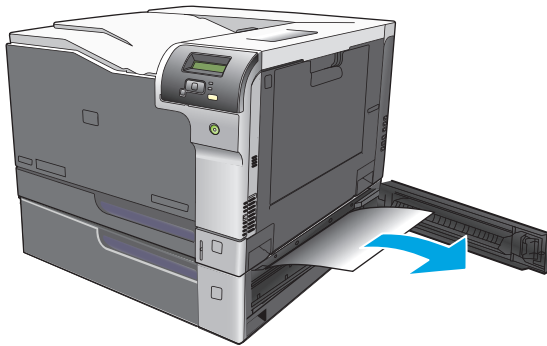


## Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3)

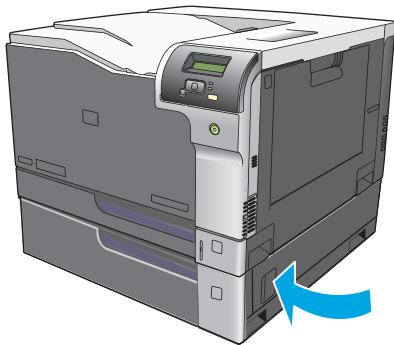
1. Mở cửa bên phải phía dưới ra.



2. Nếu nhìn thấy giấy, hãy nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt lên hoặc xuống để tháo nó.



3. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



# Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh

Thỉnh thoảng bạn có thể gặp phải vấn đề với chất lượng in. Thông tin trong các mục sau đây sẽ giúp bạn nhận dạng và khắc phục các vấn đề này.

## Nhận dạng và khắc phục các lỗi in

Sử dụng danh sách kiểm tra và biểu đồ chất lượng in trong mục này để khắc phục các vấn đề về dữ liệu in.





### Dữ liệu kiểm tra chất lượng in

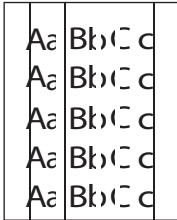


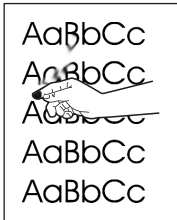

Các vấn đề về chất lượng in có thể được khắc phục bằng cách sử dụng danh sách kiểm tra sau đây:

1. Bảo đảm các khoá vận chuyển đã được tháo khỏi trục cuộn bên trong cửa sau.
2. Nhớ sử dụng giấy hoặc giấy in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.
3. Nếu bạn sử dụng giấy in đặc biệt như là nhãn, phim trong suốt, giấy bóng, hoặc tiêu đề thư, hãy đảm bảo bạn đã in theo loại.
4. In trang cấu hình và trang trạng tình trạng nguồn cung cấp. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).
  - Kiểm tra trang tình trạng nguồn cung cấp để xem có nguồn cung cấp nào sắp hết hoặc đã hết không. Không có thông tin nào được cung cấp cho các hộp mực đã sử dụng.
  - Nếu các trang không in đúng, vấn đề sẽ liên quan đến phần cứng. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem [Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131](#) hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
5. In Trang thử nghiệm từ HP ToolboxFX. Nếu trang được in ra có nghĩa là vấn đề liên quan đến trình điều khiển máy in.
6. Hãy thử in từ một chương trình khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình bạn sử dụng để in.
7. Hãy khởi động lại máy tính và máy in, và thử in lại. Nếu không giải quyết được vấn đề, hãy chọn một trong những tùy chọn sau:
  - Nếu vấn đề ảnh hưởng tới tất cả các trang được in, xem [Các vấn đề về chất lượng in chung thuộc trang 115](#).
  - Nếu vấn đề chỉ ảnh hưởng đến các trang in màu, xem [Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu thuộc trang 118](#).

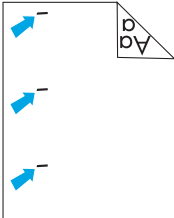
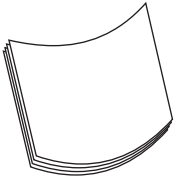
## Các vấn đề về chất lượng in chung

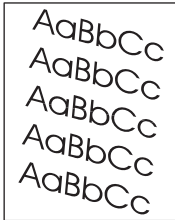
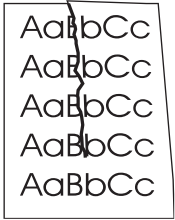
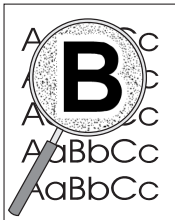

Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước Thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngăn trước. Các ví dụ này thể hiện những vấn đề sẽ ảnh hưởng tới tất cả những trang bạn in, bất kể in màu hay chỉ màu đen. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
	Bản in mờ hoặc không rõ.	Giấy không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.
	Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.	Sử dụng những giấy đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP.
	Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <Supply> <b>Rất Thấp</b> và tiếp tục in.	In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a> .
	Cài đặt mật độ in có thể đã thay đổi.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a> .
	Sản phẩm cần được cân chỉnh lại.	Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a> .
	Vết bột mực xuất hiện.	Cài mật độ in xuống 0.
	Giấy có thể không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.	Tiến hành cân chỉnh. Xem <a href="#">Hiệu chỉnh sản phẩm thuộc trang 122</a> .
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP. Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.
	Một hay các hộp mực có thể bị rì.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 90</a> .
	Ngăn chứa mực thải có thể đã quá đầy.	Thử xác minh màu của các đốm mực và kiểm tra xem hộp mực có bị rì không.
	Có hiện tượng mất ký tự.	Kiểm tra mã lỗi 10.98.XX trong bản ghi sự kiện. Xem <a href="#">Nhật ký sự kiện thuộc trang 70</a> . Phần XX của mã nhận dạng hộp mực (00 là màu đen, 01 là màu xanh lá mạ, 02 là màu đỏ, 03 là màu vàng). Nếu lỗi đã được ghi, thay hộp mực bị ảnh hưởng.
	Một tờ vật liệu in có thể bị lỗi.	Thử in lại.
	Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang.</p> 	<p>Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.</p>	<p>In trang tình trạng Nguồn cung cấp để kiểm tra thời gian sử dụng còn lại. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a>.</p> <p>Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố.</p> <p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
<p>Lượng bột màu nền trở nên không chấp nhận được.</p> 	<p>Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền.</p>	<p>Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm.</p>
	<p>Một hoặc nhiều hộp mực có thể bị lỗi.</p>	<p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
	<p>Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo &lt;Supply&gt; <b>Rất Thấp</b> và tiếp tục in.</p>	<p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
	<p>Giấy láng hiển thị nền nhiều hơn giấy thường</p>	<p>Xem xét việc sử dụng giấy thô hơn.</p>
<p>Vết bẩn bột mực xuất hiện trên giấy.</p> 	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <p>Nếu vết bẩn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn giấy bị bẩn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in.</p>	<p>Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p> <p>Lau chùi đường dẫn giấy.</p> <p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 90</a>.</p>
<p>Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được đặt để in trên loại giấy in bạn muốn.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng giấy đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 90</a>.</p>
<p>Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt in của trang.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được đặt để in trên loại giấy in bạn muốn.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p>	<p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 90</a>.</p>

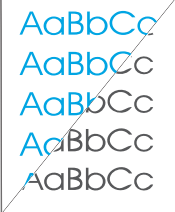

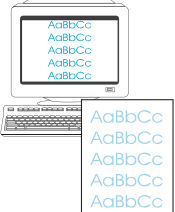



Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
	Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.	Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69</a> .  Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
	Hộp mực có thể có vấn đề.	Để xác định xem hộp mực có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69</a> .
Các dấu xuất hiện lặp lại theo các khoảng đều nhau ở trên mặt trắng của trang.	Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.  Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.  Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 90</a> .
	Bộ nhiệt áp có thể bị hư hoặc bẩn.	Để xác định xem bộ nhiệt áp có vấn đề gì không, hãy mở HP ToolboxFX và in trang chẩn đoán chất lượng in. Xem <a href="#">Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69</a> .  Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> hoặc trang quảng cáo có ở hộp đựng.
Trang in có những ký tự bị lỗi.	Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.  Nếu các ký tự không đúng tạo ra hiệu ứng gợn sóng, bạn cần định cỡ sản phẩm hay máy quét laser cần sửa chữa.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.  Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên trang cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> hoặc trang quảng cáo ở trong hộp đựng.
Trang in bị cong hoặc lượn sóng.	Sản phẩm chưa được đặt để in trên loại giấy in bạn muốn.	Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper</b> (Giấy) và đặt <b>Type is</b> (Loại là) cho khớp với loại giấy bạn sẽ in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.
	Mục menu <b>(Dịch vụ) Giấy ít Cong hơn</b> được cài sang <b>Tắt</b> .	Sử dụng các menu trên bảng điều khiển để thay đổi cài đặt. Xem <a href="#">Các menu trên bảng điều khiển thuộc trang 9</a> .
	Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
	Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy.	Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm. Điều chỉnh các chế độ cong giấy từ bảng điều khiển, HP ToolboxFX, hoặc EWS.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
<p>Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in.</p> 	<p>Có thể đã nạp giấy sai.</p> <p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Phải chắc chắn là giấy hoặc các giấy in khác được nạp đúng cách và các thanh dẫn giấy không quá chặt hoặc quá lỏng so với chõng giấy. Xem <a href="#">Nạp khay thuộc trang 50</a>.</p> <p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
<p>Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp.</p> 	<p>Có thể đã nạp giấy sai.</p> <p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Kiểm tra xem giấy có được nạp đúng cách và các thanh dẫn giấy có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chõng giấy không. Xem <a href="#">Nạp khay thuộc trang 50</a>.</p> <p>Lật ngược chõng giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy.</p> <p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
<p>Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in.</p> 	<p>Có thể đã nạp giấy sai.</p> <p>Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.</p>	<p>Lật chõng giấy trong khay.</p> <p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
<p>Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liên khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường hợp màu xám).</p> 	<p>Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in hình.</p> <p>Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.</p> <p>Hiện tượng tăng điện đột ngột có thể đã ảnh hưởng đến sản phẩm.</p>	<p>Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trường mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.</p> <p>Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.</p> <p>Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.</p> <p>Nếu lỗi xuất hiện sau khi tiến hành tác vụ in, hãy tắt sản phẩm trong 10 phút, và sau đó bật sản phẩm để khởi động lại tác vụ in.</p> <p>Sử dụng giấy không bóng để làm giảm mức độ của khuyết điểm</p>

## Khắc phục các vấn đề với tài liệu màu

Mục này mô tả các vấn đề có thể xuất hiện khi in màu.

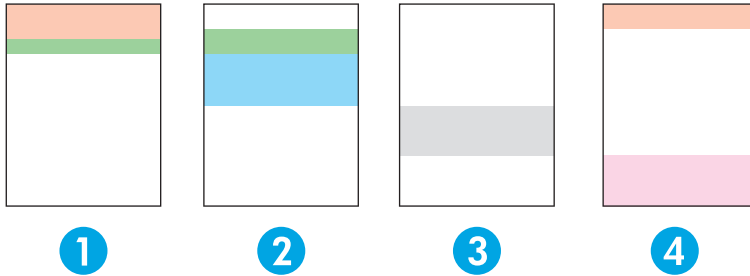
Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Chỉ in ra màu đen khi tài liệu đáng lẽ phải in màu.	<p>Chưa chọn chế độ màu trong chương trình hoặc trình điều khiển máy in của bạn hoặc đã tắt cho phép cài đặt màu.</p> <p>Có thể chưa chọn đúng trình điều khiển máy trong chương trình.</p> <p>Sản phẩm có thể chưa được cấu hình đúng.</p>	<p>Chọn chế độ màu thay cho chế độ grayscale hoặc bật cho phép cài đặt màu.</p> <p>Chọn trình điều khiển máy in thích hợp.</p> <p>In trang cấu hình (xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a>). Nếu không có màu trên trang cấu hình, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng của HP. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> hoặc trang quảng cáo ở trong hộp đựng.</p>
<p>Một hoặc nhiều màu không in, hoặc in không chính xác.</p> 	<p>Nguồn cung cấp màu gần hết và cài đặt menu <b>&lt;Supply&gt; Rất Thấp</b> được đặt thành <b>In Đen trắng</b>.</p>	<p>Thay nguồn cung cấp màu.</p>
	<p>Băng dán có thể vẫn còn trên các hộp mực.</p>	<p>Kiểm tra xem băng dán đã được lấy hết ra khỏi các hộp mực chưa.</p>
	<p>Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p>
	<p>Sản phẩm có thể đang hoạt động ở môi trường quá ẩm.</p>	<p>Kiểm tra xem môi trường quanh sản phẩm có nằm trong phạm vi độ ẩm cho phép không.</p>
	<p>Một hay các hộp mực in có thể bị khuyết điểm.</p>	<p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
<p>Một màu in không đều sau khi lắp hộp mực mới.</p> 	<p>Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>&lt;Supply&gt; Rất Thấp</b> và tiếp tục in.</p>	<p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
	<p>Một hay các hộp mực in có thể không được gắn đúng vào máy in.</p>	<p>Gỡ và gắn lại các hộp mực.</p>
	<p>Một hộp mực in khác có thể bị khuyết điểm.</p>	<p>Tháo hộp mực cho màu in không đều ra và lắp lại nó.</p>
<p>Các màu trên trang in ra không khớp với màu trên màn hình.</p> 	<p>Sản phẩm này được đặt để ghi đề thông báo <b>&lt;Supply&gt; Rất Thấp</b> và tiếp tục in.</p>	<p>Thay tất cả những hộp mực sắp hết mực. Xem <a href="#">Thay hộp mực in thuộc trang 83</a>.</p>
	<p>Các màu trên màn hình máy tính có thể khác với màu in ra từ sản phẩm.</p> <p>Nếu các màu rất nhạt hoặc rất đậm trên màn hình không in có nghĩa là chương trình phần mềm của bạn có thể hiểu các màu rất nhạt là màu trắng hoặc các màu rất đậm là màu đen.</p>	<p>Xem <a href="#">Khớp màu thuộc trang 62</a></p> <p>Nếu có thể, tránh sử dụng những màu quá nhạt hoặc quá đậm.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
	Giấy không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của HP.	Sử dụng giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.
<p data-bbox="252 327 627 380">Kết thúc trên trang màu in ra không đều.</p> 	Giấy quá rập.	Sử dụng giấy láng hay giấy in, chẳng hạn giấy chất lượng cao được chế tạo cho máy in laser màu. Thông thường, giấy láng hơn cho kết quả tốt hơn.

## Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in

 **GHI CHÚ:** Trước khi tiến hành, in một trang tình trạng Nguồn cung cấp để xem số trang tương ứng cho từng hộp mực. Xem [Trang thông tin thuộc trang 68](#).

Từ HP ToolboxFX phần mềm bạn có thể in một trang giúp nhận dạng xem một hộp mực in nào đó có thể gây ra sự cố hay không, hay nếu vấn đề là do bản thân máy in. Trang xử lý sự cố chất lượng in có năm dải màu, được chia thành bốn phần đề lên nhau. Bằng cách xem xét từng phần, bạn có thể cách ly vấn đề cho một hộp mực cụ thể.



Mục	Hộp mực
1	Vàng
2	Xanh lá mạ
3	Đen
4	Đỏ tươi

Trang này giúp nhận dạng bốn vấn đề tổng quát:

- **Các đường sọc chỉ một màu:** Đây có thể là vấn đề hộp mực. Tháo hộp mực và tìm các mảnh vụn trên đó. Nếu không có mảnh vụn nào và vấn đề vẫn còn sau khi gắn lại hộp mực, hãy thay hộp mực.
- **Đường sọc trong tất cả các màu (ở cùng vị trí):** Lau máy in và gọi dịch vụ nếu vấn đề vẫn còn.
- **Lỗi lặp lại ở nhiều màu:**
  - Chấm lặp lại ở nhiều màu:* Nếu chấm lặp lại ở khoảng 57 hay 58 mm, chạy trang lau để lau cầu chì và chạy một số trang trắng để lau trục lăn. Nếu lỗi không còn lặp lại ở 57 hay 58 mm, thay hộp mực có màu của chấm.
  - Dải lặp lại ở nhiều màu:* Liên hệ Hỗ trợ HP.
- **Một chấm hay Một dải trong một màu:** In ba hay bốn trang xử lý sự cố bổ sung. Nếu dải hay chấm chỉ có trong một màu trên hầu hết các trang, thay hộp mực của màu đó. Nếu dải hay chấm chuyển sang màu khác, liên hệ Hỗ trợ HP.

Để biết thêm thông tin về xử lý sự cố, thử các việc sau:

- Xem [Giải quyết vấn đề về chất lượng hình ảnh thuộc trang 114](#) trong hướng dẫn này.
- Vào [www.hp.com/support/cljcp5220series](http://www.hp.com/support/cljcp5220series).
- Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem [Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131](#).

## In trang xử lý sự cố chất lượng in

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69](#).
2. Nhấp vào thư mục **Help** (Trợ giúp), và sau đó nhấp vào trang **Troubleshooting** (Xử lý sự cố).
3. Nhấp vào nút **Print** (In), và sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên các trang in ra.

## Tối ưu hoá và cải thiện chất lượng in

Luôn bảo đảm rằng **Loại** được cài đặt trong trình điều khiển máy in phù hợp với loại giấy bạn đang sử dụng.

Sử dụng cài đặt in chất lượng cao trong trình điều khiển máy in để phòng ngừa các sự cố về chất lượng in.

Sử dụng vùng **Cài đặt Thiết bị** trong cài đặt HP ToolboxFX để điều chỉnh cài đặt ảnh hưởng đến chất lượng in. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69](#).

Đồng thời sử dụng HP ToolboxFX để giúp xử lý sự cố về chất lượng in. Xem [Sử dụng HP ToolboxFX để xử lý sự cố về các vấn đề chất lượng in thuộc trang 121](#).

## Hiệu chỉnh sản phẩm

Nếu bạn gặp phải bất kỳ vấn đề gì về chất lượng in, hãy hiệu chỉnh sản phẩm.

### Định cỡ sản phẩm bằng cách sử dụng HP ToolboxFX

1. Mở HP ToolboxFX. Xem [Mở HP ToolboxFX thuộc trang 69](#).
2. Nhấp vào thư mục **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị), và sau đó nhấp vào trang **Print Quality** (Chất lượng In).
3. Trong vùng Hiệu Chỉnh Màu, chọn hộp kiểm tra **Calibrate Now** (Hiệu chỉnh ngay bây giờ).
4. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để hiệu chỉnh sản phẩm ngay.

### Định cỡ sản phẩm từ bảng điều khiển

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút **OK**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Cài đặt Hệ thống**, và sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Chất lượng In**, và sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Hiệu chỉnh Màu**, và sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Hiệu chỉnh Ngay bây giờ**, và sau đó bấm nút **OK** để hiệu chỉnh sản phẩm.

## Giải quyết các vấn đề về hiệu suất

Vấn đề	Cause	Giải pháp
Các trang in nhưng hoàn toàn trắng.	Băng niêm phong có thể vẫn còn nằm trên hộp mực in.	Xác minh xem băng niêm phong đã được gỡ hoàn toàn khỏi các hộp mực in chưa.
	Tài liệu có thể chứa các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu bạn đang in xem nội dung có xuất hiện trên tất cả các trang hay không.
	Sản phẩm có thể gặp trục trặc.	Để kiểm tra sản phẩm, hãy in một trang cấu hình.
Các trang in rất chậm.	Các loại giấy in nặng hơn có thể làm chậm công việc in.	In trên một loại giấy khác.
	Các trang phức tạp có thể sẽ bị in chậm.	Cầu chì đúng có thể yêu cầu tốc độ in chậm hơn để bảo đảm chất lượng in tốt nhất.
	Loại giấy không được cài đúng.	Chọn loại phù hợp với giấy.
Các trang không in.	Sản phẩm kéo giấy không đúng.	Bảo đảm giấy được nạp đúng vào khay.  Nếu vấn đề vẫn còn, bạn cần thay các trục lăn cuộn và đệm tách. Xem <a href="#">Dịch vụ và hỗ trợ thuộc trang 131</a> .
	Giấy đang bị kẹt trong sản phẩm.	Gỡ giấy kẹt. Xem <a href="#">Gỡ giấy kẹt thuộc trang 103</a> .  Nếu tiếp tục bị kẹt giấy, hãy thử sử dụng ram giấy mới.
	Cáp USB có thể bị hư hoặc không được kết nối đúng.	<ul style="list-style-type: none"><li>Tháo cáp USB ở cả hai đầu và gắn lại.</li><li>Thử in một công việc đã in trong quá khứ.</li><li>Thử sử dụng một cáp USB khác.</li></ul>
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này có thể không chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hay hộp chuyển mạng được nối vào cùng cổng như với sản phẩm, có thể thiết bị khác đang xen vào. Để kết nối và sử dụng sản phẩm, bạn phải ngắt thiết bị kia hay phải sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

## Các vấn đề về phần mềm của sản phẩm

Sự cố	Giải pháp
Không nhìn thấy trình điều khiển máy in cho sản phẩm này trong thư mục <b>Printer</b> (Máy in)	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. <b>GHI CHÚ:</b> Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn <b>Close</b> hoặc <b>Disable</b>.</li><li>Thử cắm cáp USB vào một cổng USB khác trên máy tính.</li></ul>
Hiển thị một thông báo lỗi khi đang cài đặt phần mềm	<ul style="list-style-type: none"><li>Cài đặt lại phần mềm sản phẩm. <b>GHI CHÚ:</b> Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng có biểu tượng trên thanh tác vụ, nhấp chuột phải vào biểu tượng đó và chọn <b>Close</b> hoặc <b>Disable</b>.</li><li>Kiểm tra bộ nhớ trống của ổ mà bạn đang cài đặt phần mềm sản phẩm vào. Nếu cần, giải phóng thêm bộ nhớ trống đến mức có thể và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.</li><li>Nếu cần, chạy Trình Giảm Phân Tán Ổ Đĩa và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.</li></ul>
Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được	<ul style="list-style-type: none"><li>In trang Cấu hình, và kiểm tra chức năng của sản phẩm.</li><li>Kiểm tra xem tất cả các dây cáp có được đặt đúng vị trí và có còn đạt chỉ tiêu kỹ thuật không. Việc kiểm tra bao gồm dây cáp USB và cáp nguồn. Thử dây cáp mới.</li></ul>



# Các sự cố thông thường của Windows

Thông báo lỗi:

"General Protection FaultException OE" (Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE)


"Spool32"

"Illegal Operation" (Thao tác Không hợp lệ)

Nguyên nhân	Giải pháp
	<p>Đóng tất cả các chương trình phần mềm, khởi động lại Windows, và thử lại.</p> <p>Chọn một trình điều khiển máy in khác. Nếu trình điều khiển máy in PCL 6 của sản phẩm được chọn, hãy chuyển sang trình điều khiển máy in PCL 5 hoặc mô phỏng HP postscript cấp 3, thao tác này có thể được thực hiện từ một chương trình phần mềm.</p> <p>Xóa tất cả các tập tin tạm thời khỏi thư mục con Temp (Tạm thời). Xác định tên thư mục này bằng cách mở tập tin AUTOEXEC.BAT và tìm hàng lệnh "Set Temp =". Tên đứng cuối hàng lệnh này chính là thư mục Temp (Tạm thời). Thư mục mặc định là C:\TEMP, nhưng bạn có thể chọn thư mục khác.</p> <p>Xem các tài liệu Microsoft Windows kèm theo máy tính để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.</p>

# Giải quyết vấn đề với Macintosh

## Khắc phục vấn đề với Mac OS X

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang cài đặt sản phẩm qua kết nối USB, **không được**, kết nối cáp USB với sản phẩm và máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Việc kết nối cáp USB sẽ làm cho Mac OS X tự cài đặt sản phẩm, và quá trình cài đặt sẽ bị lỗi. Sau đó bạn phải gỡ bỏ cài đặt sản phẩm, ngắt kết nối cáp USB, cài đặt lại phần mềm từ đĩa CD-ROM của sản phẩm, và kết nối lại cáp USB khi phần mềm nhắc bạn.

### Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng.	Phải đảm bảo tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ</code> trong đó <code>&lt;lang&gt;</code> là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.
Tập tin PPD bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ</code> trong đó <code>&lt;lang&gt;</code> là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.

### Tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour không xuất hiện trên danh sách máy in trong Trung tâm Fax & Máy in hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy in

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Phải bảo đảm các cáp được kết nối đúng, sản phẩm đã được bật và đèn báo Sẵn sàng sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Có thể bạn đã chọn kiểu kết nối sai.	Bảo đảm bạn đã chọn USB, In IP, hoặc Bonjour, tùy thuộc vào kiểu kết nối đang được sử dụng.
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ Bonjour không đúng.	In trang tóm tắt thông tin mạng (xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a> ). Xác định xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Bonjour trên trang tóm tắt thông tin mạng có phù hợp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Bonjour trong Trung tâm In ấn, Tiện ích Cài Đặt Máy in không, hoặc In & danh sách Fax.
Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

### Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Đảm bảo cáp được kết nối đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo Sẵn sàng đã sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.

## Trình điều khiển máy in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm được chọn trong Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.	Đảm bảo rằng tập tin PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ</code> trong đó <code>&lt;lang&gt;</code> là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Nếu cần, cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.
Tập tin PPD bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>LIBRARY/PRINTERS/PPDS/CONTENTS/RESOURCES/&lt;LANG&gt;.LPROJ</code> trong đó <code>&lt;lang&gt;</code> là mã ngôn ngữ hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.
Cáp giao diện có thể bị lỗi hoặc có chất lượng kém.	Thay thế cáp giao diện bằng cáp chất lượng cao.

## Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn

Nguyên nhân	Giải pháp
Dãy lệnh in có thể bị dừng.	Khởi động lại dãy lệnh in. Mở <b>Print Monitor</b> (Màn hình In) và chọn <b>Start Jobs</b> (Bắt đầu In).
Đã sử dụng sai tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour.	In trang tóm tắt thông tin mạng (xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 68</a> ). Xác định xem tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ Bonjour trên trang tóm tắt thông tin mạng có phù hợp với tên sản phẩm, địa chỉ IP, hoặc tên máy in Bonjour trong Trung tâm In ấn hoặc Tiện ích Cài đặt Máy in không.

## Tập tin EPS in ra không đúng kiểu chữ

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này đang xuất hiện trong một số chương trình.	<ul style="list-style-type: none"><li>Thử tải về các kiểu chữ chứa trong tập tin EPS vào sản phẩm trước khi bắt đầu in.</li><li>Gửi tập tin dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.</li></ul>

## Bạn không thể in từ thẻ USB của bên thứ ba

Nguyên nhân	Giải pháp
Lỗi này xảy ra khi phần mềm dành cho Các Máy In USB chưa được cài đặt.	Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn cần phải có phần mềm Apple USB Adapter Card Support (Hỗ trợ Thẻ Điều hợp USB Apple). Phiên bản mới nhất của phần mềm này đều có trên trang Web của Apple.

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở phần Trung Tâm In Ấn hoặc Tiện Ích Cài Đặt Máy In sau khi đã lựa chọn trình điều khiển

---

**Nguyên nhân**

Sự cố này xảy ra do một bộ phận phần cứng hoặc phần mềm.

**Giải pháp**

**Xử lý sự cố phần mềm**

- Xác minh rằng sản phẩm không cắm vào bất kỳ bàn phím USB Macintosh nào.
- Kiểm tra xem hệ điều hành Macintosh của bạn có phải là Mac OS X v10.3 trở lên không.

**Xử lý sự cố phần cứng**

- Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.
- Xác định cáp USB đã được kết nối đúng chưa.
- Kiểm tra rằng sản phẩm cắm trực tiếp vào máy tính Macintosh, chứ không phải là cổng bàn phím USB.
- Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng cáp USB tốc độ cao tương thích không.
- Phải chắc là bạn không nối quá nhiều thiết bị USB vào một nguồn điện. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong nguồn và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ.
- Kiểm tra tại bảng điều khiển của sản phẩm xem cài đặt **Tốc độ USB** có được đặt thành tùy chọn **Đầy** không.
- Kiểm tra xem có quá hai hub USB không cắm điện cùng kết nối trên một hàng của nguồn cắm. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trong chuỗi và kết nối trực tiếp cáp với cổng USB trên máy tính chủ.

**GHI CHÚ:** Bàn phím iMac là một hub USB không cắm điện.

---

---

# A Hàng cung cấp và phụ tùng

- [Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in](#)
- [Số bộ phận](#)

## Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in

Đặt mua mực và giấy in	<a href="http://www.hp.com/go/suresupply">www.hp.com/go/suresupply</a>
Đặt mua các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	<a href="http://www.hp.com/buy/parts">www.hp.com/buy/parts</a>
Đặt mua qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt mua bằng cách sử dụng phần mềm HP	<a href="#">HP ToolboxFX thuộc trang 69</a> <a href="#">Máy chủ Web nhúng thuộc trang 78</a>

## Sổ bộ phận

**Bảng A-1** Hàng cung cấp và phụ tùng

Bộ phận	Số bộ phận	Loại/kích thước
Hộp mực	CE740A	Hộp mực in màu đen với mực HP ColorSphere
Để biết thêm thông tin về sản lượng của hộp mực, xem <a href="http://www.hp.com/go/pageyield">www.hp.com/go/pageyield</a> . Sản lượng thực tế tùy thuộc vào mục đích sử dụng cụ thể.	CE741A	Hộp mực in màu xanh lá mạ với mực HP ColorSphere
	CE742A	Hộp mực in màu vàng với mực HP ColorSphere
	CE743A	Hộp mực in màu đỏ tươi với mực HP ColorSphere
	Khay 500 trang tùy chọn (Khay 3)	CE860A
Cáp	C6518A	Cáp máy in USB 2.0 (2-mét [6,5-foot] chuẩn)
Bộ nhớ	CB421A	64MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
	CB422A	128MB DDR2 144-pin SDRAM DIMM
	CB423A	256MB DDR2 144 pin SDRAM DIMM
Tài liệu tham khảo	5851-1468	<i>Hướng dẫn Đặc điểm giấy Máy in Dòng Máy in HP LaserJet</i> (see <a href="http://www.hp.com/support/ljpaperguide">www.hp.com/support/ljpaperguide</a> )

---

## B Dịch vụ và hỗ trợ

- [Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP](#)
- [Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet](#)
- [Chính sách của HP về mực in không phải của HP](#)
- [Trang web chống giả mạo của HP](#)
- [Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in](#)
- [Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối](#)
- [OpenSSL](#)
- [Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa](#)
- [Hỗ trợ khách hàng](#)

# Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP

SẢN PHẨM HP

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

Dòng sản phẩm máy in HP Color LaserJet CP5225

Giới hạn bảo hành một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền quyết định về việc sửa chữa hay thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh.

Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MÁT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang



hoặc tình không cho phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

## Vương quốc Anh, Ireland và Malta

The HP Limited Warranty is a commercial guarantee voluntarily provided by HP. The name and address of the HP entity responsible for the performance of the HP Limited Warranty in your country/region is as follows:

**UK:** HP Inc UK Limited, Cain Road, Amen Corner, Bracknell, Berkshire, RG12 1HN

**Ireland:** Hewlett-Packard Ireland Limited, Liffey Park Technology Campus, Barnhall Road, Leixlip, Co.Kildare

**Malta:** Hewlett-Packard Europe B.V., Amsterdam, Meyrin Branch, Route du Nant-d'Avril 150, 1217 Meyrin, Switzerland

**United Kingdom:** The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any legal rights to a guarantee from seller of nonconformity of goods with the contract of sale. These rights expire six years from delivery of goods for products purchased in England or Wales and five years from delivery of goods for products purchased in Scotland. However various factors may impact your eligibility to receive these rights. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) or you may visit the European Consumer Centers website ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under the legal guarantee.

**Ireland:** The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any statutory rights from seller in relation to nonconformity of goods with the contract of sale. However various factors may impact your eligibility to receive these rights. Consumer statutory rights are not limited or affected in any manner by HP Care Pack. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) or you may visit the European Consumer Centers website ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under the legal guarantee.

**Malta:** The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any legal rights to a two-year guarantee from seller of nonconformity of goods with the contract of sale; however various factors may impact your eligibility to receive these rights. Consumer statutory rights are not limited or affected in any manner by the HP Limited Warranty. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) or you may visit the European Consumer Centers website ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under two-year legal guarantee.

## Áo, Bỉ, Đức và Luxemburg

Die beschränkte HP Herstellergarantie ist eine von HP auf freiwilliger Basis angebotene kommerzielle Garantie. Der Name und die Adresse der HP Gesellschaft, die in Ihrem Land für die Gewährung der beschränkten HP Herstellergarantie verantwortlich ist, sind wie folgt:

**Deutschland:** HP Deutschland GmbH, Schickardstr. 32, D-71034 Böblingen

**Österreich:** HP Austria GmbH., Technologiestrasse 5, A-1120 Wien

**Luxemburg:** Hewlett-Packard Luxembourg S.C.A., 75, Parc d'Activités Capellen, Rue Pafebruc, L-8308 Capellen

**Belgien:** HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

Die Rechte aus der beschränkten HP Herstellergarantie gelten zusätzlich zu den gesetzlichen Ansprüchen wegen Sachmängeln auf eine zweijährige Gewährleistung ab dem Lieferdatum. Ob Sie Anspruch auf diese Rechte haben, hängt von zahlreichen Faktoren ab. Die Rechte des Kunden sind in keiner Weise durch die beschränkte HP Herstellergarantie eingeschränkt bzw. betroffen. Weitere Hinweise finden Sie auf der folgenden Website: Gewährleistungsansprüche für Verbraucher ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) oder Sie können die Website des Europäischen Verbrauchersentrums ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)) besuchen. Verbraucher haben das Recht zu wählen, ob sie eine Leistung von HP gemäß der beschränkten HP Herstellergarantie in Anspruch nehmen oder ob sie sich gemäß der gesetzlichen zweijährigen Haftung für Sachmängel (Gewährleistung) sich an den jeweiligen Verkäufer wenden.

## Bỉ, Pháp và Luxembourg

La garantie limitée HP est une garantie commerciale fournie volontairement par HP. Voici les coordonnées de l'entité HP responsable de l'exécution de la garantie limitée HP dans votre pays:

**France:** HP France SAS, société par actions simplifiée identifiée sous le numéro 448 694 133 RCS Evry, 1 Avenue du Canada, 91947, Les Ulis

**G.D. Luxembourg:** Hewlett-Packard Luxembourg S.C.A., 75, Parc d'Activités Capellen, Rue Pafebruc, L-8308 Capellen

**Belgique:** HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

**France:** Les avantages de la garantie limitée HP s'appliquent en complément des droits dont vous disposez au titre des garanties légales applicables dont le bénéfice est soumis à des conditions spécifiques. Vos droits en tant que consommateur au titre de la garantie légale de conformité mentionnée aux articles L. 211-4 à L. 211-13 du Code de la Consommation et de celle relatives aux défauts de la chose vendue, dans les conditions prévues aux articles 1641 à 1648 et 2232 du Code de Commerce ne sont en aucune façon limités ou affectés par la garantie limitée HP. Pour de plus amples informations, veuillez consulter le lien suivant : Garanties légales accordées au consommateur ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)). Vous pouvez également consulter le site Web des Centres européens des consommateurs ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Les consommateurs ont le droit de choisir d'exercer leurs droits au titre de la garantie limitée HP, ou auprès du vendeur au titre des garanties légales applicables mentionnées ci-dessus.

### POUR RAPPEL:

Garantie Légale de Conformité:

*« Le vendeur est tenu de livrer un bien conforme au contrat et répond des défauts de conformité existant lors de la délivrance.*

*Il répond également des défauts de conformité résultant de l'emballage, des instructions de montage ou de l'installation lorsque celle-ci a été mise à sa charge par le contrat ou a été réalisée sous sa responsabilité ».*

Article L211-5 du Code de la Consommation:

*« Pour être conforme au contrat, le bien doit:*

*1° Etre propre à l'usage habituellement attendu d'un bien semblable et, le cas échéant:*

*- correspondre à la description donnée par le vendeur et posséder les qualités que celui-ci a présentées à l'acheteur sous forme d'échantillon ou de modèle;*

- présenter les qualités qu'un acheteur peut légitimement attendre eu égard aux déclarations publiques faites par le vendeur, par le producteur ou par son représentant, notamment dans la publicité ou l'étiquetage;

2° Ou présenter les caractéristiques définies d'un commun accord par les parties ou être propre à tout usage spécial recherché par l'acheteur, porté à la connaissance du vendeur et que ce dernier a accepté ».

Article L211-12 du Code de la Consommation:

« L'action résultant du défaut de conformité se prescrit par deux ans à compter de la délivrance du bien ».

Garantie des vices cachés

Article 1641 du Code Civil : « Le vendeur est tenu de la garantie à raison des défauts cachés de la chose vendue qui la rendent impropre à l'usage auquel on la destine, ou qui diminuent tellement cet usage que l'acheteur ne l'aurait pas acquise, ou n'en aurait donné qu'un moindre prix, s'il les avait connus. »

Article 1648 alinéa 1 du Code Civil:

« L'action résultant des vices rédhibitoires doit être intentée par l'acquéreur dans un délai de deux ans à compter de la découverte du vice. »

**G.D. Luxembourg et Belgique:** Les avantages de la garantie limitée HP s'appliquent en complément des droits dont vous disposez au titre de la garantie de non-conformité des biens avec le contrat de vente. Cependant, de nombreux facteurs peuvent avoir un impact sur le bénéfice de ces droits. Vos droits en tant que consommateur au titre de ces garanties ne sont en aucune façon limités ou affectés par la garantie limitée HP. Pour de plus amples informations, veuillez consulter le lien suivant : Garanties légales accordées au consommateur ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) ou vous pouvez également consulter le site Web des Centres européens des consommateurs ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Les consommateurs ont le droit de choisir de réclamer un service sous la garantie limitée HP ou auprès du vendeur au cours d'une garantie légale de deux ans.



La Garanzia limitata HP è una garanzia commerciale fornita volontariamente da HP. Di seguito sono indicati nome e indirizzo della società HP responsabile della fornitura dei servizi coperti dalla Garanzia limitata HP nel vostro Paese:

**Italia:** HP Italy S.r.l., Via G. Di Vittorio 9, 20063 Cernusco S/Naviglio

I vantaggi della Garanzia limitata HP vengono concessi ai consumatori in aggiunta ai diritti derivanti dalla garanzia di due anni fornita dal venditore in caso di non conformità dei beni rispetto al contratto di vendita. Tuttavia, diversi fattori possono avere un impatto sulla possibilità di beneficiare di tali diritti. I diritti spettanti ai consumatori in forza della garanzia legale non sono in alcun modo limitati, né modificati dalla Garanzia limitata HP. Per ulteriori informazioni, si prega di consultare il seguente link: Garanzia legale per i clienti ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)), oppure visitare il sito Web dei Centri europei per i consumatori ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). I consumatori hanno il diritto di scegliere se richiedere un servizio usufruendo della Garanzia limitata HP oppure rivolgendosi al venditore per far valere la garanzia legale di due anni.

## Tây Ban Nha

Su Garantía limitada de HP es una garantía comercial voluntariamente proporcionada por HP. El nombre y dirección de las entidades HP que proporcionan la Garantía limitada de HP (garantía comercial adicional del fabricante) en su país es:

**España:** Hewlett-Packard Española S.L. Calle Vicente Aleixandre, 1 Parque Empresarial Madrid - Las Rozas, E-28232 Madrid

Los beneficios de la Garantía limitada de HP son adicionales a la garantía legal de 2 años a la que los consumidores tienen derecho a recibir del vendedor en virtud del contrato de compraventa; sin embargo, varios factores pueden afectar su derecho a recibir los beneficios bajo dicha garantía legal. A este respecto, la Garantía limitada de HP no limita o afecta en modo alguno los derechos legales del consumidor ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)). Para más información, consulte el siguiente enlace: Garantía legal del consumidor o puede visitar el sitio web de los Centros europeos de los consumidores ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Los clientes tienen derecho a elegir si reclaman un servicio acogiéndose a la Garantía limitada de HP o al vendedor de conformidad con la garantía legal de dos años.

## Dan Mạch

Den begrænsede HP-garanti er en garanti, der ydes frivilligt af HP. Navn og adresse på det HP-selskab, der er ansvarligt for HP's begrænsede garanti i dit land, er som følger:

**Danmark:** HP Inc Danmark ApS, Engholm Parkvej 8, 3450, Allerød

Den begrænsede HP-garanti gælder i tillæg til eventuelle juridiske rettigheder, for en toårig garanti fra sælgeren af varer, der ikke er i overensstemmelse med salgsaftalen, men forskellige faktorer kan dog påvirke din ret til at opnå disse rettigheder. Forbrugerens lovbestemte rettigheder begrænses eller påvirkes ikke på nogen måde af den begrænsede HP-garanti. Se nedenstående link for at få yderligere oplysninger: Forbrugerens juridiske garanti ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) eller du kan besøge De Europæiske Forbrugercentres websted ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Forbrugere har ret til at vælge, om de vil gøre krav på service i henhold til HP's begrænsede garanti eller hos sælger i henhold til en toårig juridisk garanti.

## Na Uy

HPs garanti er en begrenset og kommersiell garanti som HP selv har valgt å tilby. Følgende lokale selskap inntår for garantien:

**Norge:** HP Norge AS, Rolfbuktveien 4b, 1364 Fornebu

HPs garanti kommer i tillegg til det mangelsansvar HP har i henhold til norsk forbrukerkjøpslovgivning, hvor reklamasjonsperioden kan være to eller fem år, avhengig av hvor lenge salgsgjenstanden var ment å vare. Ulike faktorer kan imidlertid ha betydning for om du kvalifiserer til å kreve avhjelp iht slikt mangelsansvar. Forbrukerens lovmessige rettigheter begrenses ikke av HPs garanti. Hvis du vil ha mer informasjon, kan du klikke på følgende kobling: Juridisk garanti for forbruker ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) eller du kan besøke nettstedet til de europeiske forbrukersentrene ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Forbrukere har retten til å velge å kreve service under HPs garanti eller iht selgerens lovpålagte mangelsansvar.

## Thụy Điển

HP:s begränsade garanti är en kommersiell garanti som tillhandahålls frivilligt av HP. Namn och adress till det HP-företag som ansvarar för HP:s begränsade garanti i ditt land är som följer:

**Sverige:** HP PPS Sverige AB, SE-169 73 Stockholm

Fördelarna som ingår i HP:s begränsade garanti gäller utöver de lagstadgade rättigheterna till tre års garanti från säljaren angående varans bristande överensstämmelse gentemot köpeavtalet, men olika faktorer kan påverka din rätt att utnyttja dessa rättigheter. Konsumentens lagstadgade rättigheter varken begränsas eller påverkas på något sätt av HP:s begränsade garanti. Mer information får du om du följer denna länk: Lagstadgad garanti för konsumenter ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) eller så kan du gå till European Consumer Centers webbplats ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Konsumenter har rätt att välja om de vill ställa krav enligt HP:s begränsade garanti eller på säljaren enligt den lagstadgade treåriga garantin.

## Bồ Đào Nha

A Garantia Limitada HP é uma garantia comercial fornecida voluntariamente pela HP. O nome e a morada da entidade HP responsável pela prestação da Garantia Limitada HP no seu país são os seguintes:

**Portugal:** HPCP – Computing and Printing Portugal, Unipessoal, Lda., Edifício D. Sancho I, Quinta da Fonte, Porto Salvo, Lisboa, Oeiras, 2740 244

As vantagens da Garantia Limitada HP aplicam-se cumulativamente com quaisquer direitos decorrentes da legislação aplicável à garantia de dois anos do vendedor, relativa a defeitos do produto e constante do contrato de venda. Existem, contudo, vários fatores que poderão afetar a sua elegibilidade para beneficiar de tais direitos. Os direitos legalmente atribuídos aos consumidores não são limitados ou afetados de forma alguma pela Garantia Limitada HP. Para mais informações, consulte a ligação seguinte: Garantia legal do consumidor ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) ou visite o Web site da Rede dos Centros Europeus do Consumidor ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Os consumidores têm o direito de escolher se pretendem reclamar assistência ao abrigo da Garantia Limitada HP ou contra o vendedor ao abrigo de uma garantia jurídica de dois anos.

## Hy Lạp và Síp

Η Περιορισμένη εγγύηση HP είναι μια εμπορική εγγύηση η οποία παρέχεται εθελοντικά από την HP. Η επωνυμία και η διεύθυνση του νομικού προσώπου HP που παρέχει την Περιορισμένη εγγύηση HP στη χώρα σας είναι η εξής:

**Ελλάδα /Κύπρος:** HP Printing and Personal Systems Hellas EPE, Tzavella 1-3, 15232 Chalandri, Attiki

**Ελλάδα /Κύπρος:** HP Συστήματα Εκτύπωσης και Προσωπικών Υπολογιστών Ελλάς Εταιρεία Περιορισμένης Ευθύνης, Tzavella 1-3, 15232 Chalandri, Attiki

Τα προνόμια της Περιορισμένης εγγύησης HP ισχύουν επιπλέον των νόμιμων δικαιωμάτων για διετή εγγύηση έναντι του Πωλητή για τη μη συμμόρφωση των προϊόντων με τις συνομολογημένες συμβατικά ιδιότητες, ωστόσο η άσκηση των δικαιωμάτων σας αυτών μπορεί να εξαρτάται από διάφορους παράγοντες. Τα νόμιμα δικαιώματα των καταναλωτών δεν περιορίζονται ούτε επηρεάζονται καθ' οιονδήποτε τρόπο από την Περιορισμένη εγγύηση HP. Για περισσότερες πληροφορίες, συμβουλευτείτε την ακόλουθη τοποθεσία web: Νόμιμη εγγύηση καταναλωτή ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) ή μπορείτε να επισκεφτείτε την τοποθεσία web των Ευρωπαϊκών Κέντρων

Καταναλωτή ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Οι καταναλωτές έχουν το δικαίωμα να επιλέξουν αν θα αξιώσουν την υπηρεσία στα πλαίσια της Περιορισμένης εγγύησης HP ή από τον πωλητή στα πλαίσια της νόμιμης εγγύησης δύο ετών.

## Hungary

A HP korlátozott jótállás egy olyan kereskedelmi jótállás, amelyet a HP a saját elhatározásából biztosít. Az egyes országokban a HP mint gyártó által vállalt korlátozott jótállást biztosító HP vállalatok neve és címe:

**Magyarország:** HP Inc Magyarország Kft., H-1117 Budapest, Alíz utca 1.

A HP korlátozott jótállásban biztosított jogok azokon a jogokon felül illetik meg Önt, amelyek a termékeknek az adásvételi szerződés szerinti minőségére vonatkozó kétéves, jogszabályban foglalt eladói szavatosságból, továbbá ha az Ön által vásárolt termékre alkalmazandó, a jogszabályban foglalt kötelező eladói jótállásból erednek, azonban számos körülmény hatással lehet arra, hogy ezek a jogok Önt megilletik-e. További információért kérjük, keresse fel a következő webhelyet: Jogi Tájékoztató Fogyasztóknak ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) vagy látogassa meg az Európai Fogyasztói Központok webhelyét ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). A fogyasztóknak jogában áll, hogy megválasszák, hogy a jótállással kapcsolatos igényüket a HP korlátozott jótállás alapján vagy a kétéves, jogszabályban foglalt eladói szavatosság, illetve, ha alkalmazandó, a jogszabályban foglalt kötelező eladói jótállás alapján érvényesítik.

## Cộng hòa Séc

Omezená záruka HP je obchodní zárukou dobrovolně poskytovanou společností HP. Názvy a adresy společností skupiny HP, které odpovídají za plnění omezené záruky HP ve vaší zemi, jsou následující:

**Česká republika:** HP Inc Czech Republic s. r. o., Za Brumlovkou 5/1559, 140 00 Praha 4

Výhody, poskytované omezenou zárukou HP, se uplatňují jako doplněk k jakýmkoli právním nárokům na dvouletou záruku poskytnutou prodejcem v případě nesouladu zboží s kupní smlouvou. Váš nárok na uznání těchto práv však může záviset na mnohých faktorech. Omezená záruka HP žádným způsobem neomezuje ani neovlivňuje zákonná práva zákazníka. Další informace získáte kliknutím na následující odkaz: Zákonná záruka spotřebitele ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) případně můžete navštívit webové stránky Evropského spotřebitelského centra ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Spotřebitelé mají právo se rozhodnout, zda chtějí službu reklamovat v rámci omezené záruky HP nebo v rámci zákonem stanovené dvouleté záruky u prodejce.

## Slovakia

Obmedzená záruka HP je obchodná záruka, ktorú spoločnosť HP poskytuje dobrovoľne. Meno a adresa subjektu HP, ktorý zabezpečuje plnenie vyplývajúce z Obmedzenej záruky HP vo vašej krajine:

**Slovenská republika:** HP Inc Slovakia, s.r.o., Galvaniho 7, 821 04 Bratislava

Výhody Obmedzenej záruky HP sa uplatnia vedľa prípadných zákazníkových zákonných nárokov voči predávajúcemu z väd, ktoré spočívajú v nesúlade vlastností tovaru s jeho popisom podľa predmetnej zmluvy. Možnosť uplatnenia takých prípadných nárokov však môže závisieť od rôznych faktorov. Služby Obmedzenej záruky HP žiadnym spôsobom neobmedzujú ani neovplyvňujú zákonné práva zákazníka, ktorý je spotrebiteľom. Ďalšie informácie nájdete na nasledujúcom prepojení: Zákonná



záruka spotřebiteľa ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)), prípadne môžete navštíviť webovú lokalitu európskych zákazníckych stredísk ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Spotrebitelia majú právo zvoliť si, či chcú uplatniť servis v rámci Obmedzenej záruky HP alebo počas zákonnej dvojročnej záručnej lehoty u predajcu.

## Ba Lan

Ograniczona gwarancja HP to komercyjna gwarancja udzielona dobrowolnie przez HP. Nazwa i adres podmiotu HP odpowiedzialnego za realizację Ograniczonej gwarancji HP w Polsce:

**Polska:** HP Inc Polska sp. z o.o., Szturmowa 2a, 02-678 Warszawa, wpisana do rejestru przedsiębiorców prowadzonego przez Sąd Rejonowy dla m.st. Warszawy w Warszawie, XIII Wydział Gospodarczy Krajowego Rejestru Sądowego, pod numerem KRS 0000546115, NIP 5213690563, REGON 360916326, GIOŚ E0020757WZBW, kapitał zakładowy 480.000 PLN.

Świadczenia wynikające z Ograniczonej gwarancji HP stanowią dodatek do praw przysługujących nabywcy w związku z dwuletnią odpowiedzialnością sprzedawcy z tytułu niezgodności towaru z umową (rękojmia). Niemniej, na możliwość korzystania z tych praw mają wpływ różne czynniki. Ograniczona gwarancja HP w żaden sposób nie ogranicza praw konsumenta ani na nie nie wpływa. Więcej informacji można znaleźć pod następującym łączem: Gwarancja prawna konsumenta ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)), można także odwiedzić stronę internetową Europejskiego Centrum Konsumenckiego ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Konsumentom mają prawo wyboru co do możliwości skorzystania albo z usług gwarancyjnych przysługujących w ramach Ograniczonej gwarancji HP albo z uprawnień wynikających z dwuletniej rękojmi w stosunku do sprzedawcy.

## Bulgaria

Ограничената гаранция на HP представлява търговска гаранция, доброволно предоставяна от HP. Името и адресът на дружеството на HP за вашата страна, отговорно за предоставянето на гаранционната поддръжка в рамките на Ограничената гаранция на HP, са както следва:

HP Inc Bulgaria EOOD (Ейч Пи Инк България ЕООД), гр. София 1766, район р-н Младост, бул. Околовръстен Път No 258, Бизнес Център Камбаните

Предимствата на Ограничената гаранция на HP се прилагат в допълнение към всички законови права за двугодишна гаранция от продавача при несъответствие на стоката с договора за продажба. Въпреки това, различни фактори могат да окажат влияние върху условията за получаване на тези права. Законните права на потребителите не са ограничени или засегнати по никакъв начин от Ограничената гаранция на HP. За допълнителна информация, моля вижте Правната гаранция на потребителя ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) или посетете уебсайта на Европейския потребителски център ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Потребителите имат правото да избират дали да претендират за извършване на услуга в рамките на Ограничената гаранция на HP или да потърсят такава от търговеца в рамките на двугодишната правна гаранция.

## Romania

Garanția limitată HP este o garanție comercială furnizată în mod voluntar de către HP. Numele și adresa entității HP răspunzătoare de punerea în aplicare a Garanției limitate HP în țara dumneavoastră sunt următoarele:

**România:** HP Inc Romania SRL, 5 Fabrica de Glucoza Str., Building F, Ground Floor and Floor 8, 2nd District, București



Beneficiile Garanției limitate HP se aplică suplimentar față de orice drepturi privind garanția de doi ani oferită de vânzător pentru neconformitatea bunurilor cu contractul de vânzare; cu toate acestea, diverși factori pot avea impact asupra eligibilității dvs. de a beneficia de aceste drepturi. Drepturile legale ale consumatorului nu sunt limitate sau afectate în vreun fel de Garanția limitată HP. Pentru informații suplimentare consultați următorul link: garanția acordată consumatorului prin lege ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) sau puteți accesa site-ul Centrul European al Consumatorilor ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Consumatorii au dreptul să aleagă dacă să pretindă despăgubiri în cadrul Garanției limitate HP sau de la vânzător, în cadrul garanției legale de doi ani.

## Bỉ và Hà Lan

De Beperkte Garantie van HP is een commerciële garantie vrijwillig verstrekt door HP. De naam en het adres van de HP-entiteit die verantwoordelijk is voor het uitvoeren van de Beperkte Garantie van HP in uw land is als volgt:

**Nederland:** HP Nederland B.V., Startbaan 16, 1187 XR Amstelveen

**België:** HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

De voordelen van de Beperkte Garantie van HP vormen een aanvulling op de wettelijke garantie voor consumenten gedurende twee jaren na de levering te verlenen door de verkoper bij een gebrek aan conformiteit van de goederen met de relevante verkoopsovereenkomst. Niettemin kunnen diverse factoren een impact hebben op uw eventuele aanspraak op deze wettelijke rechten. De wettelijke rechten van de consument worden op geen enkele wijze beperkt of beïnvloed door de Beperkte Garantie van HP. Raadpleeg voor meer informatie de volgende webpagina: Wettelijke garantie van de consument ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) of u kan de website van het Europees Consumenten Centrum bezoeken ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Consumenten hebben het recht om te kiezen tussen enerzijds de Beperkte Garantie van HP of anderzijds het aanspreken van de verkoper in toepassing van de wettelijke garantie.

## Phần Lan

HP:n rajoitettu takuu on HP:n vapaaehtoisesti antama kaupallinen takuu. HP:n myöntämästä takuusta maassanne vastaavan HP:n edustajan yhteystiedot ovat:

**Suomi:** HP Finland Oy, Piispankalliontie, FIN - 02200 Espoo

HP:n takuun edut ovat voimassa mahdollisten kuluttajansuojalakiin perustuvien oikeuksien lisäksi sen varalta, että tuote ei vastaa myyntisopimusta. Saat lisätietoja seuraavasta linkistä: Kuluttajansuoja ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) tai voit käydä Euroopan kuluttajakeskuksen sivustolla ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Kuluttajilla on oikeus vaatia virheen korjausta HP:n takuun ja kuluttajansuojan perusteella HP:lta tai myyjältä.

## Slovenia

Omejena garancija HP je prostovoljna trgovska garancija, ki jo zagotavlja podjetje HP. Ime in naslov poslovnih enote HP, ki je odgovorna za omejeno garancijo HP v vaši državi, sta naslednja:

**Slovenija:** Hewlett-Packard Europe B.V., Amsterdam, Meyrin Branch, Route du Nant-d'Avril 150, 1217 Meyrin, Switzerland

Ugodnosti omejene garancije HP veljajo poleg zakonskih pravic, ki ob sklenitvi kupoprodajne pogodbe izhajajo iz dveletne garancije prodajalca v primeru neskladnosti blaga, vendar lahko na izpolnjevanje pogojev za uveljavitev pravic vplivajo različni dejavniki. Omejena garancija HP nikakor

ne omejuje strankinih z zakonom predpisanih pravic in ne vpliva nanje. Za dodatne informacije glejte naslednjo povezavo: Strankino pravno jamstvo ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)); ali pa obiščite spletno mesto evropskih središč za potrošnike ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Potrošniki imajo pravico izbrati, ali bodo uveljavljali pravice do storitev v skladu z omejeno garancijo HP ali proti prodajalcu v skladu z dvoletno zakonsko garancijo.

## Croatia

HP omejeno jamstvo komercialno je dobrovoljno jamstvo koje pruža HP. Ime i adresa HP subjekta odgovornog za HP omejeno jamstvo u vašoj državi:

**Hrvatska:** HP Computing and Printing d.o.o. za računalne i srodne aktivnosti, Radnička cesta 41, 10000 Zagreb

Pogodnosti HP omejenog jamstva vrijede zajedno uz sva zakonska prava na dvogodišnje jamstvo kod bilo kojeg prodavača s obzirom na nepodudaranje robe s ugovorom o kupnji. Međutim, razni faktori mogu utjecati na vašu mogućnost ostvarivanja tih prava. HP omejeno jamstvo ni na koji način ne utječe niti ne ograničava zakonska prava potrošača. Dodatne informacije potražite na ovoj adresi: Zakonsko jamstvo za potrošače ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) ili možete posjetiti web-mjesto Europskih potrošačkih centara ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Potrošači imaju pravo odabrati žele li ostvariti svoja potraživanja u sklopu HP omejenog jamstva ili pravnog jamstva prodavača u trajanju ispod dvije godine.

## Latvia

HP ierobežotā garantija ir komercgarantija, kuru brīvprātīgi nodrošina HP. HP uzņēmums, kas sniedz HP ierobežotās garantijas servisa nodrošinājumu jūsu valstī:

**Latvija:** HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP ierobežotās garantijas priekšrocības tiek piedāvātas papildus jebkurām likumīgajām tiesībām uz pārdevēja un/vai ražotāju nodrošinātu divu gadu garantiju gadījumā, ja preces neatbilst pirkuma līgumam, tomēr šo tiesību saņemšanu var ietekmēt vairāki faktori. HP ierobežotā garantija nekādā veidā neierobežo un neietekmē patērētāju likumīgās tiesības. Lai iegūtu plašāku informāciju, izmantojiet šo saiti: Patērētāju likumīgā garantija ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) vai arī Eiropas Patērētāju tiesību aizsardzības centra tīmekļa vietni ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Patērētājiem ir tiesības izvēlēties, vai pieprasīt servisa nodrošinājumu saskaņā ar HP ierobežoto garantiju, vai arī pārdevēja sniegto divu gadu garantiju.

## Lithuania

HP ribotoji garantija yra HP savanoriškai teikiama komercinė garantija. Toliau pateikiami HP bendrovių, teikiančių HP garantiją (gamintojo garantija) jūsų šalyje, pavadinimai ir adresai:

**Lietuva:** HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP ribotoji garantija papildomai taikoma kartu su bet kokiomis kitomis įstatymais nustatytais teisėmis į pardavėjo suteikiamą dviejų metų laikotarpio garantiją dėl prekių atitikties pardavimo sutarčiai, tačiau tai, ar jums ši teisė bus suteikiama, gali priklausyti nuo įvairių aplinkybių. HP ribotoji garantija niekaip neapriboja ir neįtakoja įstatymais nustatytų vartotojo teisių. Daugiau informacijos rasite paspaudę šią nuorodą: Teisinė vartotojo garantija ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) arba apsilankę Europos vartotojų centro internetinėje svetainėje ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Vartotojai turi teisę prašyti

atlikti techninį aptarnavimą pagal HP ribotąją garantiją arba pardavėjo teikiamą dviejų metų įstatymais nustatytą garantiją.

## Estonia

HP piiratud garantii on HP poolt vabatahtlikult pakutav kaubanduslik garantii. HP piiratud garantii eest vastutab HP üksus aadressil:

**Eesti:** HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP piiratud garantii rakendub lisaks seaduses ettenähtud müüjapoolsele kaheaastasele garantiile, juhul kui toode ei vasta müügilepingu tingimustele. Siiski võib esineda asjaolusid, mille puhul teie jaoks need õigused ei pruugi kehtida. HP piiratud garantii ei piira ega mõjuta mingil moel tarbija seadusjärgseid õigusi. Lisateavet leiate järgmiselt lingilt: tarbija õiguslik garantii ([www.hp.com/go/eu-legal](http://www.hp.com/go/eu-legal)) või võite külastada Euroopa tarbijakeskuste veebisaiti ([http://ec.europa.eu/consumers/solving\\_consumer\\_disputes/non-judicial\\_redress/ecc-net/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm)). Tarbijal on õigus valida, kas ta soovib kasutada HP piiratud garantiid või seadusega ette nähtud müüjapoolset kaheaastast garantiid.

## Nga

### Срок службы принтера для России

Срок службы данного принтера HP составляет пять лет в нормальных условиях эксплуатации. Срок службы отсчитывается с момента ввода принтера в эксплуатацию. В конце срока службы HP рекомендует посетить веб-сайт нашей службы поддержки по адресу <http://www.hp.com/support> и/или связаться с авторизованным поставщиком услуг HP для получения рекомендаций в отношении дальнейшего безопасного использования принтера.

## Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.


Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

## Chính sách của HP về mực in không phải của HP

Công ty HP không khuyên bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

---

 **GHI CHÚ:** Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

---

## Trang web chống giả mạo của HP

Truy cập vào [www.hp.com/go/anticounterfeit](http://www.hp.com/go/anticounterfeit) khi bạn lắp một hộp mực in HP và nhận được thông báo trên bảng điều khiển cho biết hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem liệu hộp mực này có phải của chính hãng hay không và thực hiện các bước để khắc phục sự cố.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Trang tình trạng nguồn cung cấp cho biết đã lắp một hộp mực in không phải của HP .
- Bạn gặp phải nhiều sự cố với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như hộp mực mọi khi (ví dụ như bao gói khác với kiểu bao gói của HP).

## Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in

Hộp mực in HP được sử dụng với sản phẩm này chứa một chip bộ nhớ hỗ trợ việc vận hành sản phẩm.

Ngoài ra, chip bộ nhớ này thu thập một loạt thông tin giới hạn về việc sử dụng sản phẩm, có thể bao gồm nội dung sau: ngày hộp mực in được lắp vào lần đầu tiên, ngày hộp mực in được sử dụng sau cùng, số trang đã in bằng hộp mực in này, tổng số trang, chế độ in đã sử dụng, mọi lỗi in có thể đã xảy ra và kiểu sản phẩm. Thông tin này giúp các sản phẩm thiết kế trong tương lai của HP đáp ứng được nhu cầu in của khách hàng.

Dữ liệu được thu thập từ chip bộ nhớ của hộp mực in không chứa thông tin có thể được sử dụng để nhận dạng khách hàng hoặc người sử dụng hộp mực in hay sản phẩm của họ.

HP thu thập mẫu của chip bộ nhớ từ các hộp mực in được trả lại cho chương trình hoàn trả và tái chế miễn phí của HP (Đối tác Toàn cầu của HP: [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle)). Các chip bộ nhớ từ mẫu này được đọc và nghiên cứu để cải thiện sản phẩm của HP trong tương lai. Các đối tác của HP hỗ trợ tái chế hộp mực in này cũng có quyền truy cập vào dữ liệu này.

Bất kỳ bên thứ ba nào xử lý hộp mực in này cũng có quyền truy cập vào thông tin ẩn danh trên chip bộ nhớ.

## Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối

**HÃY ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHẦN MỀM NÀY:** Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối ("EULA") này là một thỏa thuận pháp lý giữa (a) bạn (với tư cách cá nhân hoặc một tổ chức) và (b) HP Inc. ("HP") chi phối việc bạn sử dụng bất kỳ Sản phẩm phần mềm, được cài đặt hoặc được HP cung cấp để sử dụng với sản phẩm của HP ("Sản phẩm của HP"), nếu không, thỏa thuận này có thể tùy thuộc theo thỏa thuận cấp phép riêng giữa bạn và HP hoặc nhà cung cấp của HP. Phần mềm khác có thể chứa EULA trong tài liệu trực tuyến của phần mềm đó. Thuật ngữ "Sản phẩm Phần mềm" nghĩa là phần mềm máy tính và có thể bao gồm các phương tiện liên quan, tài liệu in và tài liệu điện tử hoặc "trực tuyến".

Sửa đổi hoặc phụ lục của EULA này có thể đi kèm Sản phẩm HP.

**CÁC QUYỀN TRONG SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY CHỈ ĐƯỢC CUNG CẤP VỚI ĐIỀU KIỆN LÀ BẠN ĐỒNG Ý VỚI TẤT CẢ CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA EULA NÀY. BẰNG VIỆC CÀI ĐẶT, SAO CHÉP, TẢI XUỐNG HOẶC NÓI CÁCH KHÁC LÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM, BẠN ĐỒNG Ý CHỊU SỰ RÀNG BUỘC BỞI CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA EULA NÀY. NẾU BẠN KHÔNG CHẤP NHẬN CÁC ĐIỀU KHOẢN CẤP PHÉP NÀY, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC DUY NHẤT LÀ BẠN HOÀN TRẢ TOÀN BỘ SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG (PHẦN CỨNG VÀ PHẦN MỀM) TRONG VÒNG 14 NGÀY ĐỂ ĐƯỢC HOÀN TIỀN THEO CHÍNH SÁCH HOÀN TIỀN TẠI KHU VỰC BẠN MUA.**

- 1. CẤP GIẤY PHÉP.** HP sẽ cấp cho bạn các quyền sau với điều kiện bạn tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của EULA này:
  - a. Sử dụng.** Bạn có thể sử dụng Sản phẩm Phần mềm trên một máy tính ("Máy tính của bạn"). Nếu Sản phẩm Phần mềm được cung cấp cho bạn qua internet và bạn đầu được cấp phép sử dụng trên một số máy tính thì bạn chỉ có thể cài đặt và sử dụng Sản phẩm Phần mềm trên các máy tính đó. Bạn không thể tách rời các bộ phận cấu thành của Sản phẩm Phần mềm để sử dụng trên nhiều máy tính. Bạn không có quyền phân phối Sản phẩm Phần mềm này. Bạn có thể tải Sản phẩm Phần mềm vào bộ nhớ tạm thời (RAM) trên máy tính của mình để sử dụng Sản phẩm Phần mềm đó.
  - b. Lưu trữ.** Bạn có thể sao chép Sản phẩm Phần mềm vào bộ nhớ cục bộ hoặc thiết bị lưu trữ trên Sản phẩm HP.
  - c. Sao chép.** Bạn có thể tạo các bản sao lưu trữ hoặc sao lưu Sản phẩm Phần mềm, với điều kiện là mỗi bản sao đều chứa tất cả các thông báo bản quyền của Sản phẩm Phần mềm và chỉ được sử dụng cho mục đích sao lưu.
  - d. Bảo lưu các Quyền.** HP và nhà cung cấp của mình bảo lưu tất cả các quyền không được trao cụ thể trong EULA này.
  - e. Phần mềm miễn phí.** Bất kể các điều khoản và điều kiện của EULA này, tất cả hoặc bất kỳ phần nào của Sản phẩm Phần mềm mà tạo thành phần mềm hoặc phần mềm không thuộc bản quyền của HP được cung cấp theo giấy phép công khai bởi bên thứ ba ("Phần mềm miễn phí"), được cấp phép cho bạn theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận cấp phép phần mềm đi kèm với Phần mềm miễn phí đó cho dù ở dạng thỏa thuận cụ thể, giấy phép ràng buộc hay các điều khoản cấp phép điện tử được chấp thuận tại thời điểm tải xuống. Việc bạn sử dụng Phần mềm miễn phí sẽ được chi phối hoàn toàn bằng bằng các điều khoản và điều kiện của giấy phép đó.
  - f. Giải pháp khôi phục.** Bất kỳ giải pháp khôi phục phần mềm nào được cung cấp với/cho Sản phẩm HP của bạn, cho dù dưới dạng giải pháp dựa trên ổ đĩa cứng, một giải pháp khôi phục dựa trên phương tiện bên ngoài (ví dụ: đĩa mềm, CD hoặc DVD) hoặc giải pháp tương đương được cung cấp dưới bất kỳ hình thức nào khác, chỉ có thể được sử dụng để khôi phục ổ đĩa cứng của Sản phẩm HP với/cho giải pháp khôi phục được mua ban đầu. Việc sử



dụng bất kỳ phần mềm hệ điều hành Microsoft nào có trong giải pháp khôi phục đó sẽ bị chi phối bởi Thỏa thuận Cấp phép của Microsoft.

- 2. NÂNG CẤP.** Để sử dụng Sản phẩm Phần mềm được dưới dạng nâng cấp, trước tiên, bạn phải được cấp phép cho Sản phẩm Phần mềm ban đầu đó và phải được HP xác nhận là đủ điều kiện để nâng cấp. Sau khi nâng cấp, bạn không thể sử dụng các Sản phẩm Phần mềm ban đầu đã giúp bạn có đủ điều kiện nâng cấp nữa. Bằng cách sử dụng Sản phẩm Phần mềm, bạn cũng đồng ý rằng HP có thể tự động truy cập vào Sản phẩm HP của bạn khi được kết nối với internet để kiểm tra phiên bản hoặc trạng thái của Sản phẩm Phần mềm nhất định và có thể tự động tải xuống và cài đặt bản nâng cấp hoặc cập nhật cho các Sản phẩm Phần mềm đó cho Sản phẩm HP của bạn để cung cấp phiên bản hoặc bản cập nhật yêu cầu để duy trì chức năng, hiệu suất và khả năng bảo mật của Phần mềm HP và Sản phẩm HP đồng thời tạo điều kiện để cung cấp hỗ trợ hoặc các dịch vụ khác cho bạn. Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào kiểu nâng cấp hoặc cập nhật, các thông báo sẽ được cung cấp cho bạn (qua cửa sổ bật lên hoặc phương tiện khác), thông báo này có thể yêu cầu bạn bắt đầu nâng cấp hoặc cập nhật.
- 3. PHẦN MỀM BỔ SUNG.** EULA này áp dụng cho các bản cập nhật hoặc sửa đổi bổ sung cho Sản phẩm Phần mềm ban đầu do HP cung cấp trừ khi HP cung cấp các điều khoản khác kèm theo bản cập nhật hoặc sửa đổi bổ sung này. Trong trường hợp có xung đột giữa các điều khoản đó, các điều khoản khác sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 4. CHUYỂN NHƯỢNG.**
  - a.** Bên thứ ba. Người dùng ban đầu của Sản phẩm Phần mềm có thể thực hiện chuyển nhượng một lần Sản phẩm Phần mềm cho một người dùng cuối khác. Mọi chuyển nhượng phải bao gồm tất cả các bộ phận cấu thành, phương tiện, tài liệu in, EULA này và Chứng nhận xác thực, nếu áp dụng. Không được tiến hành chuyển nhượng gián tiếp, chẳng hạn như ký gửi. Trước khi chuyển nhượng, người dùng cuối nhận sản phẩm được chuyển nhượng phải đồng ý với EULA này. Khi chuyển nhượng Sản phẩm Phần mềm, giấy phép của bạn tự động chấm dứt.
  - b.** Hạn chế. Bạn không được cho thuê, cho mượn, hoặc cho mượn Sản phẩm Phần mềm hoặc Sử dụng Phần mềm cho mục đích sử dụng chia sẻ thương mại theo thời gian hoặc theo nhóm. Bạn không được cấp giấy phép phụ, chuyển giao hoặc chuyển nhượng Sản phẩm Phần mềm trừ khi được quy định rõ ràng trong EULA này.
- 5. QUYỀN SỞ HỮU.** Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ trong Sản phẩm Phần mềm và tài liệu cho người dùng đều thuộc sở hữu của HP hoặc nhà cung cấp của HP và được pháp luật bảo vệ bao gồm nhưng không giới hạn bản quyền, bí quyết thương mại và luật thương hiệu của Hoa Kỳ cũng như các luật hiện hành khác và các quy định của quốc tế. Bạn không được xóa bất kỳ nhận dạng sản phẩm, thông báo bản quyền hoặc hạn chế quyền sở hữu nào khỏi Sản phẩm Phần mềm.
- 6. GIỚI HẠN ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU ĐẢO NGƯỢC.** Bạn không được nghiên cứu đảo ngược, dịch ngược hoặc phân tách Sản phẩm Phần mềm, ngoại trừ và chỉ trong phạm vi được thực hiện như vậy theo yêu cầu của luật pháp bất kể giới hạn này hoặc nếu được nêu rõ ràng trong EULA này.
- 7. ĐIỀU KHOẢN.** EULA này sẽ có hiệu lực trừ khi bị chấm dứt hoặc hủy bỏ. EULA này cũng sẽ chấm dứt khi bạn không tuân thủ các điều kiện đã được nêu trong EULA này hoặc bất kỳ điều kiện hoặc điều khoản nào của EULA này.
- 8. ĐỒNG Ý SỬ DỤNG/THU THẬP DỮ LIỆU.**
  - a.** HP sẽ sử dụng cookie và các công cụ công nghệ web khác để thu thập thông tin kỹ thuật ẩn danh liên quan đến phần mềm HP và sản phẩm HP của bạn. Dữ liệu này sẽ được sử dụng để cung cấp các bản nâng cấp và hỗ trợ liên quan hoặc các dịch vụ mô tả trong Phần 2. HP cũng sẽ thu thập thông tin cá nhân bao gồm địa chỉ giao thức Internet của bạn hoặc

các thông tin về số nhận dạng duy nhất được liên kết với sản phẩm HP của bạn và dữ liệu được bạn cung cấp khi đăng ký sản phẩm HP. Bên cạnh việc cung cấp các bản nâng cấp và các hỗ trợ liên quan hoặc các dịch vụ khác, dữ liệu này sẽ được sử dụng để gửi thông tin tiếp thị cho bạn (trong mỗi trường hợp với sự đồng ý của bạn theo yêu cầu của luật hiện hành).

Theo phạm vi được pháp luật hiện hành cho phép, bằng cách chấp nhận các điều khoản và điều kiện này, bạn đồng ý với việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân và ẩn danh của HP, các công ty liên kết và các công ty liên doanh như được mô tả trong EULA này và như được mô tả chi tiết trong chính sách bảo mật của HP: [www.hp.com/go/privacy](http://www.hp.com/go/privacy)

- b. Thu thập/Sử dụng bởi Bên thứ ba. Một số chương trình phần mềm đi kèm trong sản phẩm HP của bạn được nhà cung cấp bên thứ ba cung cấp và cấp phép riêng cho bạn ("Phần mềm của bên thứ ba"). Phần mềm của bên thứ ba có thể được cài đặt và hoạt động trên sản phẩm HP của bạn ngay cả khi bạn chọn không kích hoạt/mua phần mềm đó. Phần mềm của bên thứ ba có thể thu thập và truyền thông tin kỹ thuật về hệ thống của bạn (ví dụ: địa chỉ IP, số nhận dạng thiết bị riêng, phiên bản phần mềm đã cài đặt, v.v.) và các dữ liệu hệ thống khác. Thông tin này do bên thứ ba sử dụng để xác định thuộc tính hệ thống kỹ thuật và đảm bảo rằng hầu hết phiên bản phần mềm hiện tại đã được cài đặt trên hệ thống của bạn. Nếu bạn không muốn phần mềm của bên thứ ba thu thập thông tin kỹ thuật này hoặc tự động gửi cho bạn cập nhật phiên bản, bạn nên gỡ cài đặt phần mềm trước khi kết nối với Internet.

- 9. TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ BẢO HÀNH.** THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC CHO PHÉP BỞI LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH, HP VÀ NHÀ CUNG CẤP CỦA MÌNH SẼ CUNG CẤP SẢN PHẨM PHẦN MỀM "NGUYÊN TRẠNG" VÀ TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI, CHO DÙ ĐƯỢC NÊU RÕ, NGỤ Ý HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, BẢO HÀNH VỀ QUYỀN SỞ HỮU VÀ VIỆC KHÔNG VI PHẠM, BẤT KỲ BẢO HÀNH NGỤ Ý, TRÁCH NHIỆM, ĐIỀU KIỆN NÀO VỀ KHẢ NĂNG CÓ THỂ BÁN ĐƯỢC, CHẤT LƯỢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, TÍNH PHÙ HỢP CHO MỘT SỐ MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ VẤN ĐỀ VỀ VI-RÚT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY. Một số quốc gia/khu vực pháp lý không cho phép loại trừ bảo hành hoặc giới hạn ngụ ý trên thời hạn bảo hành ngụ ý, vì vậy tuyên bố miễn trừ trách nhiệm được nêu trên có thể không áp dụng cho bạn một cách tổng thể.

TẠI ÚC VÀ NEW ZEALAND, PHẦN MỀM PHẢI ĐI KÈM VỚI BẢO HÀNH VÀ THEO LUẬT NGƯỜI TIÊU DÙNG CỦA ÚC VÀ NEW ZEALAND THÌ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP LOẠI TRỪ NGHĨA VỤ BẢO HÀNH. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI ÚC CÓ QUYỀN THAY THẾ HOẶC HOÀN LẠI TIỀN CHO CÁC LỖI NGHIÊM TRỌNG VÀ ĐƯỢC BỒI THƯỜNG CHO CÁC THIẾT HẠI HOẶC HỒNG HỒNG CÓ THỂ LƯỜNG TRƯỚC ĐƯỢC KHÁC. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI ÚC CŨNG CÓ QUYỀN SỬA CHỮA HOẶC THAY THẾ PHẦN MỀM NẾU PHẦN MỀM KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG MONG MUỐN VÀ LỖI ĐÓ VẪN CHƯA ĐƯỢC COI LÀ LỖI NGHIÊM TRỌNG. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI NEW ZEALAND MÀ MUA HÀNG CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN, SINH HOẠT HOẶC GIA DỤNG HOẶC TIÊU DÙNG MÀ KHÔNG CHO VIỆC KINH DOANH ("KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI NEW ZEALAND") SẼ CÓ QUYỀN SỬA CHỮA, THAY THẾ HOẶC HOÀN LẠI TIỀN KHI CÓ LỖI VÀ BỒI THƯỜNG CHO CÁC THIẾT HẠI HOẶC LỖI CÓ THỂ ĐOÁN TRƯỚC HỢP LÝ KHÁC.

- 10. GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM.** Tùy theo luật pháp địa phương, bất kể những thiệt hại mà bạn phải gánh chịu, toàn bộ trách nhiệm của HP và nhà cung cấp của mình theo EULA này và biện pháp khắc phục duy nhất của bạn theo EULA này sẽ được giới hạn là khoản tiền lớn hơn khoản tiền thực chi cho Sản phẩm Phần mềm hoặc với số tiền có giá trị là 5 USD. THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH CHO PHÉP, TRONG BẤT KỂ TRƯỜNG HỢP NÀO, HP HOẶC NHÀ CUNG CẤP CỦA MÌNH SẼ KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHO BẤT KỲ THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT, TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở THIẾT HẠI CHO VIỆC MẤT LỢI NHUẬN HOẶC THÔNG TIN MẬT HOẶC

THÔNG TIN KHÁC, CHO GIÁN ĐOẠN KINH DOANH, THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN, CHO MẤT AN NINH PHÁT SINH TỪ BẤT KỶ HOẠT ĐỘNG NÀO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM HOẶC NẾU KHÔNG TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI BẤT KỶ QUY ĐỊNH NÀO CỦA EULA NÀY, NGÀY CẢ KHI HP HOẶC BẤT KỶ NHÀ CUNG CẤP NÀO ĐÃ ĐƯỢC TƯ VẤN VỀ KHẢ NĂNG CỦA CÁC THIẾT HẠI NÀY VÀ NGÀY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC KHÔNG MANG LẠI KẾT QUẢ. Một số tiểu bang/ khu vực pháp lý không cho phép việc loại trừ hoặc giới hạn đối với các thiệt hại tình cờ hoặc do hậu quả, nên hạn chế và loại trừ trên có thể không áp dụng cho bạn.

- 11. KHÁCH HÀNG LÀ CHÍNH PHỦ HOA KỲ.** Tuân theo FAR 12.211 và 12.212, Phần mềm máy tính thương mại, Tài liệu của phần mềm máy tính, và Dữ liệu kỹ thuật cho các mục thương mại đều được Chính phủ Hoa Kỳ cấp phép theo thỏa thuận cấp phép thương mại của HP.
- 12. TUÂN THỦ LUẬT XUẤT KHẨU.** Bạn phải tuân theo tất cả luật pháp và quy định của Hoa Kỳ và các quốc gia khác ("Luật Xuất khẩu") để xác nhận rằng Sản phẩm Phần mềm không bị (1) xuất khẩu, trực tiếp hoặc gián tiếp, theo cách thức vi phạm Luật Xuất khẩu, hoặc (2) được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào bị Luật Xuất khẩu nghiêm cấm, bao gồm nhưng không giới hạn, phát triển vũ khí sinh học, hóa học và hạt nhân.
- 13. KHẢ NĂNG VÀ THẨM QUYỀN VỚI HỢP ĐỒNG.** Bạn đại diện rằng bạn đủ tuổi hợp pháp tại quốc gia cư trú của mình, nếu áp dụng, được người nào đồng ý quyền hợp pháp để ký kết hợp đồng này.
- 14. LUẬT HIỆN HÀNH.** EULA này chịu sự chi phối của luật pháp quốc gia nơi mua thiết bị.
- 15. THỎA THUẬN TỔNG THỂ.** EULA này (bao gồm bất kỳ phụ lục hoặc sửa đổi cho EULA này đi kèm với Sản phẩm HP) là thỏa thuận tổng thể giữa bạn và HP về Sản phẩm Phần mềm và thỏa thuận này sẽ thay thế tất cả tài liệu bằng văn bản hoặc dưới dạng lời nói, đề xuất và tuyên bố liên quan đến Sản phẩm Phần mềm nào trước đó hoặc bất kỳ vấn đề nào khác thuộc phạm vi của EULA này. Trong trường hợp các điều khoản của chương trình hoặc chính sách của HP cho các dịch vụ hỗ trợ có xung đột với các điều khoản của EULA này thì điều khoản của EULA sẽ được ưu tiên áp dụng.

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo. Tất cả các tên sản phẩm khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu của công ty tương ứng. Theo phạm vi được luật pháp hiện hành cho phép, các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng kèm theo những sản phẩm và dịch vụ như vậy. Không có điểm nào trong tài liệu này được hiểu là bảo hành bổ sung. Theo phạm vi được luật pháp hiện hành cho phép, HP sẽ không chịu trách nhiệm về lỗi kỹ thuật hoặc biên tập trong tài liệu này.

Ấn bản đầu tiên: Tháng 8, 2015

# OpenSSL

Sản phẩm này bao gồm phần mềm do OpenSSL Project phát triển để sử dụng trong OpenSSL Toolkit (<http://www.openssl.org/>)

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC OpenSSL PROJECT CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG" VÀ BẤT KỲ BẢO HÀNH RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý NÀO, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI BẢO HÀNH NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG ĐỀU ĐƯỢC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP OpenSSL PROJECT HOẶC CÁC CỘNG TÁC VIÊN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT KỲ THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, CẢNH CÁO HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI VIỆC THU MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ;

MẤT KHẢ NĂNG SỬ DỤNG, MẤT DỮ LIỆU HOẶC DOANH THU; HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA THEO BẤT KỲ CÁCH NÀO VÀ DỰA TRÊN BẤT KỲ LÝ THUYẾT PHÁP LÝ NÀO, DÙ TRONG HỢP ĐỒNG, TRÁCH NHIỆM NGHIÊM NGẶT, HOẶC CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG (BAO GỒM SỰ CẦU THẢ HOẶC SAI SÓT KHÁC) BẮT NGUỒN TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, BẤT KỂ CÓ ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ NHỮNG THIẾT HẠI ĐÓ HAY KHÔNG.

Sản phẩm này bao gồm phần mềm mật mã do Eric Young viết ([ey@cryptsoft.com](mailto:ey@cryptsoft.com)). Sản phẩm này bao gồm phần mềm do Tim Hudson viết ([tjh@cryptsoft.com](mailto:tjh@cryptsoft.com)).

## Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa

Các sản phẩm của HP được thiết kế với nhiều bộ phận Khách hàng Tự Sửa chữa (CSR) để giảm thời gian sửa chữa đến mức tối thiểu và cho phép linh động hơn trong việc thực hiện thay thế các bộ phận bị lỗi. Nếu trong thời gian chẩn đoán, HP xác định rằng có thể sử dụng bộ phận CSR để hoàn thành việc sửa chữa thì HP sẽ chuyển bộ phận đó trực tiếp đến bạn để thay thế. Có hai loại bộ phận CSR: 1) Bộ phận bắt buộc phải có để khách hàng tự sửa chữa. Nếu bạn yêu cầu HP thay thế những bộ phận này, bạn sẽ phải trả tiền vận chuyển và chi phí nhân công cho dịch vụ này. 2) Bộ phận tùy chọn để khách hàng tự sửa chữa. Những bộ phận này cũng là để Khách hàng Tự Sửa chữa. Tuy nhiên, nếu bạn yêu cầu HP thay thế chúng cho bạn, bạn có thể không phải trả tiền theo dạng dịch vụ bảo hành dành cho sản phẩm của bạn.

Dựa trên độ khả thi và vị trí địa lý cho phép, các bộ phận CSR sẽ được chuyển đến cho bạn trong lần phân phát của ngày làm việc tiếp theo. Việc phát trong cùng ngày hoặc trong vòng bốn giờ đồng hồ có thể được thực hiện miễn phí tại nơi điều kiện địa lý cho phép. Nếu cần hỗ trợ, bạn có thể gọi Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật HP và kỹ thuật viên sẽ trợ giúp bạn qua điện thoại. HP sẽ cho biết có phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP không, ở trong tài liệu được chuyển kèm với bộ phận CSR thay thế. Trong trường hợp cần phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP, bạn phải chuyển bộ phận bị lỗi đó cho HP trong một khoảng thời gian xác định, thường là trong năm (5) ngày làm việc. Bộ phận bị lỗi phải được hoàn trả cùng với tài liệu trong hộp vận chuyển đi kèm. Nếu bạn không hoàn trả bộ phận bị lỗi, HP có thể sẽ yêu cầu bạn trả tiền cho bộ phận thay thế. Đối với những sửa chữa do khách hàng thực hiện, HP sẽ trả mọi chi phí hoàn trả bộ phận và chi phí vận chuyển, và xác định nhà vận chuyển/hãng vận tải sẽ được dùng để chuyển bộ phận đến bạn.

# Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại <a href="http://www.hp.com/support/">www.hp.com/support/</a> .
Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố.	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	<a href="http://www.hp.com/support/cljcp5220series">www.hp.com/support/cljcp5220series</a>
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	<a href="http://www.hp.com/go/carepack">www.hp.com/go/carepack</a>
Đăng ký sản phẩm của bạn	<a href="http://www.register.hp.com">www.register.hp.com</a>

---

## C Thông số kỹ thuật

- [Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể](#)
- [Tiết kiệm điện, đặc điểm về điện, và phát ra tiếng ồn](#)
- [Đặc điểm môi trường](#)

## Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

**Bảng C-1** Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Sản phẩm	Chiều cao	Chiều sâu	Chiều rộng	Trọng lượng
Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP5225 Máy in	338 mm (13,3 in)	588 mm (23,1 in)	545 mm (21,5 in)	Không có hộp mực: 31,5 kg (69,5 lb)  Có hộp mực: 38,9 kg (85,7 lb)

## Tiết kiệm điện, đặc điểm về điện, và phát ra tiếng ồn

Xem [www.hp.com/go/cljcp5220\\_regulatory](http://www.hp.com/go/cljcp5220_regulatory) để biết thông tin mới nhất.

## Đặc điểm môi trường

**Bảng C-2** Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	15° đến 27°C (59° đến 80.6°F)	10° đến 30°C (50° đến 86°F)
Độ ẩm	20% đến 60% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH
Độ cao	Không áp dụng	0 đến 3048 m (0 đến 10.000 ft)



**GHI CHÚ:** Các giá trị này được dựa theo các dữ liệu sơ bộ. Xem [www.hp.com/support/cljcp5220series](http://www.hp.com/support/cljcp5220series) để biết thông tin mới nhất.



---

## **D** Thông tin về Tuân thủ Quy định

- [Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường](#)
- [Tuyên bố tuân thủ](#)
- [Tuyên bố về an toàn](#)

# Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường

## Bảo vệ môi trường

HP cam kết việc cung cấp sản phẩm chất lượng theo cách thức thân thiện với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số thuộc tính giúp giảm thiểu tác động đến môi trường.

## Sự tạo khí Ozone

Lượng khí thải ozone cho sản phẩm này đã được đo đạc theo một phương pháp chung được công nhận\* và khi các dữ liệu khí thải này được áp dụng vào "kịch bản tiếp xúc mẫu văn phòng chung"\*\*, HP có thể xác định không đáng kể lượng ozone tạo ra trong quá trình in ấn vượt quá chỉ dẫn hoặc tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà hiện tại.

\* Phương pháp thử nghiệm để xác định lượng khí thải từ các thiết bị in được dán nhãn thân thiện với môi trường dành cho các thiết bị văn phòng có chức năng in ấn; RAL-UZ 171 – BAM Tháng bảy, 2012

\*\* Dựa trên nồng độ ozone khi in 2 giờ mỗi ngày trong không gian 32 mét khối với tỉ lệ thông gió thay đổi không khí 0,72 mỗi giờ bằng mực in của HP.

## Điện năng tiêu thụ

Việc sử dụng điện giảm đáng kể khi máy ở chế độ Sẵn sàng, Nghỉ hoặc Tắt, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của sản phẩm. Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP được đánh dấu với logo ENERGY STAR® đạt chuẩn theo thông số kỹ thuật ENERGY STAR của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đối với thiết bị xử lý hình ảnh. Dấu hiệu sau sẽ xuất hiện trên các sản phẩm tạo hình đạt chuẩn ENERGY STAR:



Thông tin bổ sung về kiểu sản phẩm đọc ảnh đạt tiêu chuẩn ENERGY STAR được liệt kê tại:

[www.hp.com/go/energystar](http://www.hp.com/go/energystar)

## Tiêu thụ bột mực

EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) sử dụng ít bột mực hơn, và điều này có thể kéo dài tuổi thọ của hộp mực in. HP không khuyến cáo việc luôn sử dụng EconoMode (Chế độ tiết kiệm). Nếu lúc nào cũng sử dụng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm), nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

## Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt (thủ công hay tự động) của sản phẩm này và khả năng in N-up (in nhiều trang trên một trang) có thể làm giảm việc sử dụng giấy, từ đó giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.

## Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

## Nguồn cung cấp HP LaserJet

Bộ thiết bị HP chính hãng được thiết kế đảm bảo tính thân thiện với môi trường. HP giúp bạn dễ dàng tiết kiệm tài nguyên và giấy khi in. Và khi bạn đã hoàn tất, chúng tôi đảm bảo việc tái chế dễ dàng và miễn phí.<sup>1</sup>

Tất cả các hộp mực in HP được hoàn trả cho Đối tác toàn cầu của HP thông qua một qua trình tái chế gồm nhiều giai đoạn, tại đó vật liệu được phân loại và tinh chế để sử dụng làm vật liệu thô cho các hộp mực in HP chính hãng mới và các sản phẩm cho các sản phẩm khác. Không tiến hành chôn lấp bất kỳ hộp mực in HP chính hãng nào được hoàn trả cho Đối tác toàn cầu của HP và HP cũng tuyệt đối không bao giờ đổ lại mực hoặc bán lại hộp mực HP chính hãng đó.

**Để tham gia chương trình tái chế và hoàn trả hộp mực in cho Đối tác toàn cầu của HP, hãy truy cập [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle). Chọn quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn để biết thông tin về cách thức hoàn trả bộ mực in HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ cũng được đi kèm trong mọi hộp mực in HP LaserJet mới.**

<sup>1</sup> Mức độ sẵn có của chương trình có thể thay đổi. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle).

## Giấy in

Sản phẩm này có khả năng sử dụng giấy được tái chế và giấy nhẹ (EcoFFICIENT™) khi giấy này đáp ứng các hướng dẫn được nêu trong *Hướng dẫn về phương tiện in dành cho dòng máy in HP LaserJet*. Sản phẩm này phù hợp cho việc sử dụng giấy được tái chế và giấy nhẹ (EcoFFICIENT™) theo EN12281:2002.

## Hạn chế về Nguyên liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thủy ngân bổ sung.

Sản phẩm này của HP không có pin.

## Vứt bỏ thiết bị hỏng bởi người sử dụng (Liên minh Châu Âu và Ấn Độ)



Biểu tượng này cho biết không được vứt bỏ sản phẩm chung với rác thải sinh hoạt khác của bạn. Thay vào đó, bạn nên bảo vệ sức khỏe con người và môi trường bằng cách mang thiết bị hỏng đến địa điểm thu thập được chỉ định cho việc tái chế thiết bị điện và thiết bị điện tử hỏng. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với dịch vụ vứt bỏ phế phẩm của gia đình bạn, hoặc truy cập vào: [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle).

## Tái chế phần cứng điện tử

HP khuyến khích khách hàng tái chế phần cứng điện tử đã được sử dụng. Để biết thêm thông tin về các chương trình tái chế, hãy truy cập: [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle).

## Thông tin về việc tái chế phần cứng tại Brazil



**Não descarte o  
produto eletrônico  
em lixo comum**

Este produto eletrônico e seus componentes não devem ser descartados no lixo comum, pois embora estejam em conformidade com padrões mundiais de restrição a substâncias nocivas, podem conter, ainda que em quantidades mínimas, substâncias impactantes ao meio ambiente. Ao final da vida útil deste produto, o usuário deverá entregá-lo à HP. A não observância dessa orientação sujeitará o infrator às sanções previstas em lei.

Após o uso, as pilhas e/ou baterias dos produtos HP deverão ser entregues ao estabelecimento comercial ou rede de assistência técnica autorizada pela HP.

Para maiores informações, inclusive sobre os pontos de recebimento, acesse:

[www.hp.com.br/reciclar](http://www.hp.com.br/reciclar)

## Hóa chất

HP cam kết cung cấp cho khách hàng của chúng tôi thông tin về những hóa chất có trong sản phẩm của chúng tôi khi cần để tuân thủ với các yêu cầu pháp lý chẳng hạn như REACH (Qui Định EC số 1907/2006 của Quốc Hội và Hội Đồng Châu Âu). Một báo cáo thông tin về hóa chất cho sản phẩm này có thể được tìm thấy trên trang web: [www.hp.com/go/reach](http://www.hp.com/go/reach).

## Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008

Về dữ liệu điện năng của sản phẩm, bao gồm cả mức tiêu thụ điện năng của sản phẩm ở chế độ chờ có mạng nếu tất cả các cổng mạng có dây được kết nối và tất cả các cổng mạng không dây được kích hoạt, vui lòng xem phần P14 'Thông tin bổ sung' về Tuyên bố IT ECO tại địa chỉ [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/productdata/itecodesktop-pc.html](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/productdata/itecodesktop-pc.html).

## Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ấn Độ)

This product complies with the "India E-waste Rule 2011" and prohibits use of lead, mercury, hexavalent chromium, polybrominated biphenyls or polybrominated diphenyl ethers in concentrations exceeding 0.1 weight % and 0.01 weight % for cadmium, except for the exemptions set in Schedule 2 of the Rule.

## Tuyên bố Hạn Chế Sử dụng Chất độc hại (Thổ Nhĩ Kỳ)

Türkiye Cumhuriyeti: EEE Yönetmeliğine Uygundur

## Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ukraine)

Обладнання відповідає вимогам Технічного регламенту щодо обмеження використання деяких небезпечних речовин в електричному та електронному обладнанні, затвердженого постановою Кабінету Міністрів України від 3 грудня 2008 № 1057

## Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)

### 有毒有害物质表

根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	0	X	0	0	0
控制面板	0	0	0	0	0	0
塑料外壳	0	0	0	0	0	0
格式化板组件	X	0	0	0	0	0
碳粉盒	X	0	0	0	0	0

3685

0：表示在此部件所用的所有同类材料中，所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

X：表示在此部件所用的所有同类材料中，至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

注：引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。

## Thông tin cho người dùng Nhân sinh thái SEPA (Trung Quốc)

中国环境标识认证产品用户说明

噪声大于 63.0 dB(A)的办公设备不宜放置于办公室内，请在独立的隔离区域使用。

如需长时间使用本产品或打印大量文件，请确保在通风良好的房间内使用。

如您需要确认本产品处于零能耗状态，请按下电源关闭按钮，并将插头从电源插座断开。

您可以使用再生纸，以减少资源耗费。

## Quy định về việc áp dụng nhãn năng lượng của Trung Quốc đối với máy in, máy fax và photocopy

根据“复印机、打印机和传真机能源效率标识实施规则”，本打印机具有能效标签。根据“复印机、打印机和传真机能效限定值及能效等级”(“GB21521”)决定并计算得出该标签上所示的能效等级和 TEC (典型能耗)值。

### 1. 能效等级

能效等级分为三个等级，等级 1 级能效最高。根据产品类型和打印速度标准决定能效限定值。

### 2. 能效信息

#### 2.1 LaserJet 打印机和高性能喷墨打印机

- **典型能耗**

典型能耗是正常运行 GB21521 测试方法中指定的时间后的耗电量。此数据表示为每周千瓦时 (kWh)。

标签上所示的能耗数字按涵盖根据 CEL-37 选择的登记装置中所有配置的代表性配置测定而得。因此，本特定产品型号的实际能耗可能与标签上所示的数据不同。

有关规格的详细信息，请参阅 GB21521 标准的当前版本。

## Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS)

Bạn có thể tải Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) đối với nguồn cung cấp có chứa các hóa chất (ví dụ như bột mực) bằng cách truy cập vào trang web của HP tại địa chỉ [www.hp.com/go/msds](http://www.hp.com/go/msds).

## EPEAT

Rất nhiều sản phẩm của HP được thiết kế đạt tiêu chuẩn EPEAT. EPEAT là phương thức đánh giá môi trường tổng hợp giúp xác định các thiết bị điện tử thân thiện với môi trường hơn. Để biết thêm thông tin về EPEAT, hãy truy cập [www.epeat.net](http://www.epeat.net). Để biết thêm thông tin về các sản phẩm đã được đăng ký EPEAT của HP, hãy truy cập [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/pdf/epeat\\_printers.pdf](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/pdf/epeat_printers.pdf).

## Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Xem trang [www.hp.com/go/environment](http://www.hp.com/go/environment).

Ngoài ra, hãy truy cập vào [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle).

# Tuyên bố tuân thủ

## Declaration of conformity

### theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1

Tên Nhà sản xuất: HP Inc.

DoC#: BOISB-0805-00-rel.11.0

Địa chỉ Nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard  
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

#### tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Dòng sản phẩm HP Color LaserJet CP5225

Số model theo quy định:<sup>3)</sup> BOISB-0805-00  
Bao gồm: CE860A – Khay nạp 500 tờ tùy chọn

Các tùy chọn của sản phẩm: Tất cả

Hộp Mục: CE740A, CE741A, CE742A, CE743A

#### phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

AN TOÀN: IEC 60950-1:2005 +A1:2009 / EN60950-1: 2006 +A11:2009 +A1:2010 +A12:2011

IEC 60825-1:2007 / EN 60825-1:2007 (Sản phẩm laze/LED loại 1)

IEC 62479:2010 / EN 62479:2010

GB4943.1-2011

EMC: CISPR 22:2008/ EN 55022:2010 Loại A<sup>1)</sup>

EN 61000-3-2 :2006 +A1:2009 +A2:2009

EN 61000-3-3 :2008

EN 55024:2010


FCC Điều mục 47 CFR, Phần 15 Loại A<sup>2)</sup> / ICES-003, Mục 4

GB9254-2008, GB17625.1-2003

RoHS:

EN 50581:2012

#### Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ thị EMC 2004/108/EC, Chỉ thị về Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ thị RoHS 2011/65/EU và có Dấu CE  tương ứng.

1) Sản phẩm đã được chạy thử trong một cấu hình tiêu biểu với Hệ thống Máy tính Cá nhân của HP

2) Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

3) Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán Số model theo quy định. Không được nhầm lẫn số này với tên thương phẩm hoặc mã số sản phẩm.

Boise, Idaho USA

Ngày 1 tháng 11 năm 2015

---

**theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1**

---

Chỉ dành cho các Chủ đề về tuân thủ quy định, liên hệ với:

---

Địa chỉ      HP Deutschland GmbH, HQ-TRE, 71025 Boeblingen, Đức [www.hp.eu/certificates](http://www.hp.eu/certificates)  
Liên hệ  
tại Châu  
Âu

---

Địa chỉ      HP Inc., 1501 Page Mill Road, Palo Alto, CA 94304 650-857-1501  
liên hệ tại  
Hoa Kỳ


---



# Tuyên bố về an toàn

## Quy định FCC

Thiết bị này đã được kiểm tra và tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại A, theo Phần 15 của quy định FCC. Những giới hạn này được thiết kế để tạo bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu sóng có hại khi thiết bị hoạt động trong môi trường thương mại. Thiết bị này tạo, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số sóng vô tuyến và nếu không được cài đặt và sử dụng phù hợp với hướng dẫn sử dụng, có thể gây nhiễu sóng có hại cho các cuộc liên lạc qua sóng vô tuyến. Hoạt động của thiết bị này trong khu dân cư có thể gây nhiễu sóng có hại, mà trong trường hợp này người sử dụng phải tự chịu phí để khắc phục nhiễu sóng.

 **GHI CHÚ:** Bất kỳ thay đổi hay điều chỉnh máy in không được sự chuẩn nhận của HP có thể làm người sử dụng mất quyền sử dụng thiết bị này.

Hãy sử dụng một cáp có bề mặt được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn Class A của Phần 15 của quy định FCC.

## Canada - Tuyên bố Tuân thủ ICES-003 Công nghiệp Canada

CAN ICES-3(A)/NMB-3(A)

## Tuyên bố VCCI (Nhật)

この装置は、情報処理装置等電波障害自主規制協議会（VCCI）の基準に基づくクラスB情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、この装置がラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。  
取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

## Tuyên bố EMC (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 방송통신기기)	이 기기는 가정용(B급)으로 전자파적합등록을 한 기기로서 주로 가정에서 사용하는 것을 목적으로 하며, 모든 지역에서 사용할 수 있습니다.
-----------------------	--

## Tuyên bố EMC (Trung Quốc)

此为 A 级产品，在生活环境中，该产品可能会造成无线电干扰。在这种情况下，可能需要用户对其干扰采取切实可行的措施。

## Tuyên bố EMI (Đài Loan)

### 警告使用者：

這是甲類的資訊產品，在居住的環境中使用時，可能會造成射頻干擾，在這種情況下，使用者會被要求採取某些適當的對策。

## Hướng dẫn sử dụng dây điện

Đảm bảo rằng nguồn điện của bạn đầy đủ đối với định mức điện áp của sản phẩm. Định mức điện áp được ghi trên nhãn sản phẩm. Sản phẩm sử dụng 100-127 Vac hoặc 220-240 Vac và 50/60 Hz.

Cắm dây điện vào giữa sản phẩm và dây nối đất AC.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hỏng sản phẩm, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng sản phẩm.

## Tuyên bố về dây dẫn (Nhật)

製品には、同梱された電源コードをお使い下さい。  
同梱された電源コードは、他の製品では使用出来ません。

## An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

**⚠ CẢNH BÁO!** Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

## Tuyên bố về laser cho Phần Lan

### Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP Color LaserJet Professional CP5225 Series, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisessa käytössä kirjoittimen suojakoteloointi estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (2007) mukaisesti.

### VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

### WARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

## **HUOLTO**

HP Color LaserJet Professional CP5225 Series - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

## **VARO !**

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

## **VARNING !**

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsättas användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen.

Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 mW Luokan 3B laser.

## **Tuyên bố GS (Đức)**

Das Gerät ist nicht für die Benutzung im unmittelbaren Gesichtsfeld am Bildschirmarbeitsplatz vorgesehen. Um störende Reflexionen am Bildschirmarbeitsplatz zu vermeiden, darf dieses Produkt nicht im unmittelbaren Gesichtsfeld platziert werden.

Das Gerät ist kein Bildschirmarbeitsplatz gemäß BildscharbV. Bei ungünstigen Lichtverhältnissen (z. B. direkte Sonneneinstrahlung) kann es zu Reflexionen auf dem Display und damit zu Einschränkungen der Lesbarkeit der dargestellten Zeichen kommen.

## **Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á (Belarus, Kazakhstan, Nga)**





# Bảng chú dẫn

## Biểu tượng/Số

<Color> trong thông báo lỗi sai vị trí 95

## A

auto continue (tự động tiếp tục) sử dụng 82

## B

bảng điều khiển

vị trí 5

trình đơn bản đồ, in 9

cài đặt 19

hiển thị địa chỉ IP, cài đặt 41

tự động vượt, cài đặt 41

bảng điều khiển

các đèn và nút 8

các menu 9

Menu báo cáo 9

Menu Cài đặt Hệ thống 11

ngôn ngữ 11

Menu dịch vụ 14

Menu Cấu hình Mạng 15

dịch vụ mạng, cài đặt, IPv4, IPv6 41

khôi phục mặc định, cài đặt mạng 42

thông báo, xử lý sự cố 95

khôi phục mặc định, cài đặt sản phẩm 102

báo cáo, sản phẩm

báo cáo tóm tắt thông tin mạng 37

báo cáo, sản phẩm

trang cấu hình 37

báo cáo tóm tắt thông tin mạng 37

bảo hành

cấp phép 148

hộp mực in 144

khách hàng tự sửa chữa 153

sản phẩm 132

bảo quản

hộp mực 81

bẫy 60

bộ mực

có vết bẩn, xử lý sự cố 116

không bám dính chặt, xử lý sự cố 116

phân tán, xử lý sự cố 118

vết, xử lý sự cố 115

bộ mực bị vết bẩn, xử lý sự cố 116

bộ mực không báo dính chặt, xử lý sự cố 116

bộ nhiệt áp

lỗi 99

bộ nhớ

được bao gồm 2

thông báo lỗi 100

bộ nhớ

cài đặt 86

kích hoạt 90

thêm 86

thông số kỹ thuật 4

xác minh cài đặt 90

Bảng màu Microsoft Office Basic

Colors, in 62

BOOTP 38

## C

các đặc điểm kỹ thuật về hình thể 156

các đặc điểm kỹ thuật về điện 156

các bộ phận dự phòng 130

các bộ phận thay thế, và nguồn cung cấp 130

các chế độ in mở rộng

cài đặt HP ToolboxFX 75

các chế độ in, mở rộng

cài đặt HP ToolboxFX 75

các cổng giao diện

các loại được bao gồm 4

các dịch vụ mạng

các cài đặt, IPv4 và IPv6 41

các hệ điều hành được hỗ trợ 4, 26

các hình mờ 30

các loại, giấy

cài đặt HP ToolboxFX 75

các menu, bảng điều khiển

sử dụng 9

Reports (Báo cáo) 9

System Setup (Cài đặt Hệ thống) 11

các menu, bảng điều khiển

Service (Dịch vụ) 14

cấu hình Mạng 15

các thông số kỹ thuật về kích

thước, sản phẩm 156

các tính năng 4

các tính năng môi trường 3

các trang bìa 29

các trang không thẳng 118

các trang web

đặt hàng cung cấp 129

các vật liệu đặc biệt

các nguyên tắc 49

cài đặt

báo cáo mạng 9

Menu Cài đặt Hệ thống 11

khôi phục, mặc định 14

ưu tiên 19, 26

trình điều khiển 19, 27

cài đặt sẵn trình điều khiển (Macintosh) 29

- báo cáo tóm tắt thông tin mạng 37
- trang cấu hình 37
- HP ToolboxFX 73, 76
- cài đặt mặc định, khôi phục 14
- cài đặt lưu trữ 14
- cài đặt sẵn (Macintosh) 29
- cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh Macintosh 29
- cài đặt trình điều khiển Macintosh giấy kích thước tùy chỉnh 29
- cài đặt trình điều khiển Macintosh thẻ dịch vụ 31
- cài đặt RGB 61
- cài đặt sRGB 61, 64
- cài đặt RGB 64
- cài đặt mật độ 75
- cài đặt mật độ in 75
- cài đặt PCL, HP ToolboxFX 76
- cài đặt PostScript, HP ToolboxFX 76
- cài đặt hình in, xử lý sự cố 114
- cảnh báo đang xem với HP ToolboxFX 71
- cảnh báo, cài đặt 70
- cảnh báo e-mail, cài đặt 70
- cáp
  - đang kết nối USB 33
  - kết nối mạng 33
  - USB, xử lý sự cố 123
- cấp cao màu 64
- cấp phép, phần mềm 148
- cấp sửa đổi 6
- cất giữ sản phẩm 156
- cấu hình sản phẩm, Macintosh 27
- color HP ImageREt 3600 64
- cong, giấy cài đặt 14
- co dẫn tài liệu Macintosh 29
- co giãn tài liệu Windows 56
- công tắc bật/tắt 5
- cổng
  - các loại được bao gồm 4
  - xử lý sự cố Macintosh 127
- cổng mạng
  - định vị 6
  - đang kết nối 33
  - loại được bao gồm 4
- cổng nối 39
- cổng USB
  - định vị 6
  - các cài đặt tốc độ 14
  - kết nối 33
  - loại được bao gồm 4
  - xử lý sự cố 123
  - xử lý sự cố Macintosh 127
- cuộn sấy
  - kẹt giấy 104
- cửa bên phải
  - kẹt giấy 104
- cửa bên phải phía dưới
  - kẹt giấy 112
- cửa sau, định vị 6
- cửa trước, định vị 5
- Cài đặt trình điều khiển Macintosh các hình mờ 30
- Chăm sóc Khách hàng HP 154
- CH**
- chấm, xử lý sự cố 115
- chất lượng
  - cài đặt lưu trữ 14
  - cài đặt HP ToolboxFX 75
  - in, xử lý sự cố 114
  - in, xử lý sự cố 114
  - HP ImageREt 3600 64
- chất lượng bản in
  - cài đặt HP ToolboxFX 75
  - in, xử lý sự cố 114
  - HP ImageREt 3600 64
- chất lượng giấy ra
  - in, xử lý sự cố 114
- chất lượng hình
  - cài đặt lưu trữ 14
- chất lượng hình ảnh
  - cài đặt HP ToolboxFX 75
  - in, xử lý sự cố 114
  - HP ImageREt 3600 64
- chất lượng in
  - trang xử lý sự cố 121
  - xử lý sự cố 114
- xử lý sự cố 114
- HP ImageREt 3600 64
- chất lượng in ra
  - cài đặt lưu trữ 14
- chất lượng In
  - cài đặt HP ToolboxFX 75
- chế độ in sẵn đầu đề khác 57
- chip bộ nhớ, hộp mực in mô tả 147
- chỉnh lại kích thước tài liệu Macintosh 29
- chống giả mạo nguồn cung cấp 81, 146
- chương trình quản lý bảo vệ môi trường 158
- chủ đề màu 61
- chữ màu in đen trắng 57
- D**
- dải, xử lý sự cố 116
- dots per inch (dpi) thông số kỹ thuật 4
- dòng, xử lý sự cố 116
  - các trang được in 116
- dòng dọc, xử lý sự cố 116
- dpi (điểm trên mỗi inch) HP ImageREt 3600 64
- dpi (dots per inch) thông số kỹ thuật 4
- Danh sách kiểu chữ PCL 9
- Danh sách kiểu chữ PS 9
- DHCP 38
- DIMM cài đặt 86
- DIMMs xác minh cài đặt 90
- Đ**
- độ phân giải
  - thông số kỹ thuật 4
  - các tính năng 4
  - HP ImageREt 3600 64
- đèn, bảng điều khiển 8
- đang hiệu chỉnh màu 12
- địa chỉ IP BOOTP 38
- Macintosh, xử lý sự cố 126
- đang nạp giấy 50

- định hướng
  - cài đặt, Windows 56
- định hướng dọc
  - cài đặt, Windows 56
- định hướng ngang
  - cài đặt, Windows 56
- điểm trên mỗi inch (dpi)
  - HP ImageREt 3600 64
- đăng ký sản phẩm 77
- đăng ký, sản phẩm 77
- đường dây nóng về gian lận 81
- động cơ, lau dọn 90
- đang nạp giấy
  - thông báo lỗi 100
- độ sáng
  - in không rõ, xử lý sự cố 115
  - điểm, xử lý sự cố 115
- đặt hàng cung cấp
  - các trang web 129
- đặt hàng
  - cung cấp 129
  - nguồn cung cấp và phụ kiện 130
- đặc điểm
  - môi trường 156
- đặc điểm môi trường hoạt động 156
- đặc điểm môi trường 156
- đặc điểm độ ẩm 156
- đặc điểm nhiệt độ 156
- đặc điểm độ cao 156
- Địa chỉ IP
  - giao thức được hỗ trợ 36
  - tổng quan 38
- Độ Xám Trung Tính 60
- Đường dây nóng về gian lận của HP 81

## E

- Event log (Nhật ký sự kiện) 70

## F

- font
  - DIMM, cài đặt 86

## G

- gấp, xử lý sự cố 118
- gỡ cài đặt phần mềm Macintosh 26

## GI

- giao thức, mạng 35
- giấy
  - bìa, sử dụng giấy khác nhau 55
  - các cài đặt mặc định 11, 74
  - cài đặt cong 14
  - cài đặt HP ToolboxFX 73
  - khổ giấy, chọn 55
  - trang đầu và trang cuối, sử dụng giấy khác nhau 55
- giấy
  - bị nhăn 118
  - cài đặt HP ToolboxFX 75
  - cong, xử lý sự cố 117
  - hướng dẫn về thông số kỹ thuật 130
  - kích thước, chọn 55
  - kích thước được hỗ trợ 45
  - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Macintosh 29
  - loại, chọn 55
  - nhều trang trên một bản 30
  - trang đầu tiên 29
- giấy, đặt mua 130
- giấy được hỗ trợ 45
- giấy đặc biệt
  - các nguyên tắc 49
- giấy bị cong 117
- giấy bị kẹt. *Xem* giấy kẹt
- giấy bị lệch 118
- giấy in
  - được hỗ trợ 45
- giấy kẹt
  - số theo dõi 9
  - vị trí 103
- giấy lượn sóng, xử lý sự cố 117

## H

- hạn chế về nguyên liệu 159
- hệ điều hành được hỗ trợ 18
- hệ điều hành, mạng 34
- hiệu chỉnh màu 75, 122
- hình mờ
  - Windows 56
- hộp mực
  - bảo hành 144
  - không phải của HP 81
  - lưu giữ 81
  - sử dụng khi hết bột mực 82
- tái chế 159
- thay 83
- thấp hoặc hết, cài đặt 13
- thông báo lỗi 100
- thông báo thay 100
- tình trạng, đang xem với HP ToolboxFX 70
- tình trạng Macintosh 31
- trang tình trạng nguồn cung cấp 9
- hộp mực
  - không phải của HP 145
- hộp mực, in
  - tình trạng Macintosh 31
- hộp mực, truy cập 5
- hộp mực in
  - bảo hành 144
  - chip bộ nhớ 147
  - không phải của HP 81
  - lưu giữ 81
  - tái chế 159
  - trang tình trạng nguồn cung cấp 9
- hỗ trợ
  - trực tuyến 57, 77, 154
- hỗ trợ khách hàng
  - trực tuyến 154
- hỗ trợ kỹ thuật
  - trực tuyến 154
- hỗ trợ trực tuyến 154
- hủy công việc in 54
- Hiện thị địa chỉ IP
  - cài đặt 41
- HP ImageREt 3600 64
- HP ToolboxFX
  - đang tải về 23
  - đang mở 69
  - các hệ điều hành được hỗ trợ 23
  - các trình duyệt được hỗ trợ 23
  - cài đặt mật độ 75
  - giới thiệu 69
  - mô tả 23
  - tab cảnh báo 71
  - tab e-mail cảnh báo 71
  - tab thông tin sản phẩm 71
  - tab tình trạng 70
  - tab trợ giúp 72
  - tab Cài đặt Hệ thống 73, 75
  - tab Cài đặt In 76

tab Cài đặt Mạng 76  
trang Xử lý sự cố Chất lượng  
In 121  
Bảng màu Microsoft Office  
Basic Colors, in 62  
HP Universal Print Driver (Trình  
Điều khiển In Chung HP) 18  
HP Web Jetadmin 22

## I

in  
xử lý sự cố 123  
in đen trắng  
xử lý sự cố 119  
in hai mặt 31  
Windows 56  
in không rõ 115  
in mờ, xử lý sự cố 115  
in n-up 30  
Windows 56  
in ở sắc độ xám 60  
in trên cả hai mặt  
Windows 56  
ImageREt 3600 4

## J

Jetadmin, HP Web 22

## K

kẹt  
ngăn giấy ra 108  
Khay 1 109  
kẹt giấy. Xem giấy kẹt  
kẹt giấy  
cuộn sấy 104  
cửa bên phải 104  
cửa bên phải phía dưới 112  
nguyên nhân thường gặp 103  
tray 2 110  
tray 3 112  
kẹt giấy khay #  
thông báo lỗi 97  
kết nối  
mạng 33  
USB 33  
kiểu chữ  
danh sách, in 9  
tập tin EPS files, xử lý sự cố  
127  
ký tự, xử lý sự cố 117

Khay 1  
định vị 5  
đang nạp 50  
cài đặt 11  
kẹt giấy 109  
Khay 2  
định vị 5  
đang nạp 50  
cài đặt 11  
kẹt giấy 110  
khả năng chứa giấy 5

Khay 3  
định vị 5  
kẹt giấy 112  
khả năng chứa giấy 5  
Kiểm Soát Cảnh 60

## KH

khay  
được bao gồm 2  
định vị 5  
cài đặt 11, 74  
công suất 47  
in hai mặt 31  
khả năng chứa giấy 4  
loại giấy được hỗ trợ 47  
tải thông báo lỗi 100  
trọng lượng giấy 47  
khay 1 31  
khả năng chứa giấy  
ngăn giấy ra 4  
khôi phục mặc định  
cài đặt sản phẩm 14, 102  
các cài đặt mạng 42  
khổ, giấy  
mặc định, cài đặt 11  
khớp màu 62

## L

lau dọn 90  
lỗi  
phần mềm 124  
lỗi lặp lại, xử lý sự cố 118  
lỗi tắt 55  
Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE  
125  
Lỗi Spool32 125  
Lỗi Thao tác Không hợp lệ 125

## M

mạng  
đang cấu hình 37  
báo cáo cài đặt 9  
các kiểu máy hỗ trợ 2  
cài đặt 15  
cổng nối 39  
giao thức 35  
hệ điều hành được hỗ trợ 34  
mạng phụ 38  
mật khẩu, đặt 71  
máy chủ Web nhúng, đang truy  
cập 78  
phát hiện sản phẩm 35  
trang cấu hình 9  
DHCP 38  
Địa chỉ IP 38, 39  
TCP/IP 38  
mạng phụ 38  
màu  
đang hiệu chỉnh 12  
giới hạn 12  
màu  
điều chỉnh 60  
được in so với màn hình 62  
cài đặt Macintosh 31  
hiệu chỉnh 75, 122  
in ở sắc độ xám 60  
khớp 62  
quản lý 60  
sRGB 61, 64  
xử lý sự cố 118  
Bảng màu Microsoft Office  
Basic Colors 62  
Độ Xám Trung tính 60  
Kiểm soát Cảnh 60  
mặc định gốc, khôi phục 14  
mã sản xuất 6  
mật khẩu, mạng 71  
mặt nạ mạng phụ 39  
máy chủ web nhúng  
tab hoạt động mạng 80  
máy chủ Web nhúng 22  
tab tình trạng 79  
máy chủ Web nhúng  
đang xử lý 78  
tab hệ thống 80  
tab in 80



- mực in
  - không phải của HP 145
  - tái chế 159
- mực in không phải của HP 145
- Macintosh 25
  - các hệ điều hành được hỗ trợ 26
  - cài đặt trình điều khiển 27, 29
  - chỉnh lại kích thước tài liệu 29
  - phần mềm 26
  - phần mềm cấu hình sản phẩm 27
  - thẻ USB, xử lý sự cố 127
  - trình điều khiển, xử lý sự cố 126
  - xóa phần mềm 26
  - xử lý sự cố 126
- Menu báo cáo 9
- Menu dịch vụ 14
- Menu Cài đặt Hệ thống 11
- Menu Cấu hình Mạng 15
  
- N**
  - nâng cấp phần sụn về việc 91
  - nâng cấp phần sụn ở xa về việc 91
  - nap giấy in sẵn đầu đề 57
  - nền, xám 116
  - nền xám, xử lý sự cố 116
  - nối điện nguồn, vị trí 6
  - nước/vùng xuất xứ 6
  - nút, bảng điều khiển 8
  - nút nguồn 5
  
- NG**
  - ngăn, giấy ra định vị 5
  - ngăn, ra khả năng chứa giấy 4
  - ngăn giấy ra kẹt giấy 108
  - khả năng chứa giấy 4
  - ngăn giấy ra định vị 5
  - ngôn ngữ, bảng điều khiển 11
  - nguồn cung cấp
    - đặt hàng 76, 77, 130
    - giả mạo 146
    - hàng lậu 81
  - không phải của HP 81
  - thấp hoặc hết, cài đặt 13
  - thông báo lỗi 100
  - thông báo lỗi chốt giữ vận chuyển 100
  - thông báo lỗi sai vị trí 95
  - thông báo thay 100
  - tình trạng, đang xem với HP ToolboxFX 70
  - nguồn cung cấp giả 146
  - nguồn cung cấp không phải của HP 81
  - nguồn cung cấp lậu 81
  - ngừng một công việc in 54
  
- NH**
  - nhãn, xử lý sự cố 118
  - nhật ký sử dụng màu 9
  - nhều trang trên một bản 30
  - nhều trang trên một tờ Windows 56
  
- P**
  - panen điều khiển cài đặt 26
  - print quality (chất lượng in) cài đặt lưu trữ 14
  - Pin bao gồm 159
  
- PH**
  - phân tán, xử lý sự cố 118
  - phát hiện sản phẩm qua mạng 35
  - phần mềm
    - các hệ điều hành được hỗ trợ 26
    - cài đặt 19, 26
    - gỡ cài đặt Macintosh 26
    - hệ điều hành được hỗ trợ 18
    - máy chủ Web nhúng 22
    - thỏa thuận cấp phép phần mềm 148
    - vấn đề 124
    - HP ToolboxFX 23
    - HP Web Jetadmin 22
    - Macintosh 26
    - Windows 17, 23
  - phần mềm HP ToolboxFX 69
  - phần sụn về việc nâng cấp 91
  - phục hồi giấy kẹt 104
  - phương tiện
    - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Macintosh 29
    - nhều trang trên một bản 30
    - trang đầu tiên 29
  - phụ kiện
    - đặt hàng 130
  - phụ tùng
    - đặt hàng 129
  
- Q**
  - Quick Sets (Thiết lập Nhanh) 55
  - Quy định FCC 165
  
- S**
  - sản phẩm không chứa thủy ngân 159
  - sắc độ xám
    - xử lý sự cố 119
  - số của bộ phận 130
  - số lượng bản sao chép Windows 57
  - số model 6
  - số sê-ri 6
  - số trang 9
  
- T**
  - tab cảnh báo, HP ToolboxFX 71
  - tab e-mail cảnh báo, HP ToolboxFX 71
  - tab hệ thống, máy chủ Web nhúng 80
  - tab hoạt động mạng, máy chủ Web nhúng 80
  - tab in, máy chủ Web nhúng 80
  - tab thông tin sản phẩm, HP ToolboxFX 71
  - tab tình trạng, máy chủ Web nhúng 79
  - tab tình trạng, HP Toolbox FX 70
  - tab trợ giúp, HP ToolboxFX 72
  - tab Cài đặt Hệ thống, HP ToolboxFX 73
  - tab Cài đặt Hệ thống, HP ToolboxFX 75
  - tab Cài đặt In, HP ToolboxFX 76
  - tab Cài đặt Mạng, HP ToolboxFX 76
  - tái chế 3, 159

- tái chế
  - phần cứng điện tử 159
- tái chế phần cứng, Brazil 160
- tái chế phần cứng điện tử 159
- tài liệu 130
- tạm dừng công việc in 54
- tập tin EPS, xử lý sự cố 127
- tiêu thụ
  - điện năng 156
- tính năng tiện dụng 4
- tình trạng
  - nguồn cung cấp, in báo cáo 9
- tình trạng
  - đang xem với HP ToolboxFX 70
  - cảnh báo, HP Toolbox FX 70
  - thẻ dịch vụ Macintosh 31
- tình trạng nguồn cung cấp, thẻ Dịch vụ
  - Macintosh 31
- tình trạng sản phẩm
  - thẻ Dịch vụ Macintosh 31
- tốc độ
  - thông số kỹ thuật in 4
- tuân thủ Energy Star 4
- tuyên bố tuân thủ 163
- tuyên bố về an toàn 166
- tuyên bố về an toàn laser 166
- tuyên bố về an toàn laser của Phần Lan 166
- tương phản
  - mật độ in 75
- tự động vượt, cài đặt 15
- tự động vượt
  - cài đặt 41
- tùy chọn in nâng cao
  - Windows 57
- Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) 162
- Trang web
  - báo cáo gian lận 81
  - báo cáo giả mạo 146
  - Tờ Thông tin An toàn Vật Liệu (MSDS) 162
- Trang web giả mạo 146
- Trang web về vấn đề giả mạo
  - HP Trang web giả mạo 146
- Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á 167
- Tuyên bố EMC cho Hàn Quốc 165
- Tuyên bố VCCI ở Nhật 165
- Tuyn bố EMI ở Đài Loan 166
- TCP/IP
  - đang cấu hình 38
  - các hệ điều hành được hỗ trợ 34
  - cài đặt 15
  - giao thức được hỗ trợ 35
  - tổng quan 38
- TH**
- thay đổi kích thước tài liệu
  - Windows 56
- thay đổi thứ tự giấy 57
- thẻ dịch vụ
  - Macintosh 31
- thông báo, bảng điều khiển 95
- thông báo lắp nguồn cung cấp 98
- thông báo lỗi, bảng điều khiển 95
- thông báo lỗi chốt giữ vận chuyển 100
- thông báo lỗi dịch vụ 96
- thông báo lỗi in không thể in được 97
- thông báo lỗi in nhầm 97
- thông báo lỗi quạt 95
- thông báo lỗi thiết bị 100
- thông báo lỗi trang quá phức tạp 97
- thông báo lỗi trình điều khiển không hợp lệ 101
- thông báo thay nguồn cung cấp 100
- thông số kỹ thuật
  - điện và độ ồn 156
  - tài liệu 130
  - tính năng 4
  - vật lư 156
- thông số kỹ thuật
  - số model sê-ri 6
- thông số kỹ thuật về độ ồn 156
- TR**
- trang
  - bị lệch 118
  - in chậm 123
  - không in 123
  - kích thước được hỗ trợ 45
  - trắng 123
- trang đã dùng 9
- trang đầu tiên
  - sử dụng giấy khác nhau 29
- trang bìa 55
- trang cấu hình 9
- trang cấu hình 37
- trang dịch vụ 10
- trang mỗi phút 2
- trang thông tin 68
  - báo cáo tóm tắt thông tin mạng 37
  - cấu hình 37
- trang thử nghiệm 9
- trang tình trạng nguồn cung cấp 9
- trang trắng, xử lý sự cố 123
- trang trên một tờ
  - Windows 56
- trang trên phút 4
- trang web
  - hỗ trợ khách hàng 154
  - trình điều khiển in chung 18
- trạng thái nguồn cung cấp, tab Services (Dịch vụ)
  - Windows 57
- trình điều khiển
  - đi kèm 4
- trang đã dùng 9
- được hỗ trợ 18
- cài đặt 19, 26, 27
- cài đặt sẵn (Macintosh) 29
- cài đặt Macintosh 29
- lỗi tắt (Windows) 55
- Macintosh, xử lý sự cố 126
- trình đơn, bảng điều khiển
  - bản đồ, in 9
- trình điều khiển PCL 18
- trình điều khiển Mô phỏng PS 18
- trình điều khiển
  - chung 18
- trình điều khiển in chung 18
- trình điều khiển PCL
  - chung 18
- trình điều khiển
  - Windows, mở 55
- U**
- ưu tiên, cài đặt 19, 26

## V

văn bản, xử lý sự cố  
    các ký tự bị lỗi 117  
vết, xử lý sự cố 115  
vệt, xử lý sự cố 116  
vị trí <kẹt giấy>  
    thông báo lỗi 97  
vút bỏ phế phẩm 159  
Vút bỏ khi hết tuổi thọ 159

## W

### Windows

    các thành phần phần mềm 23  
    cài đặt trình điều khiển 19  
    hệ điều hành được hỗ trợ 18  
    trình điều khiển được hỗ trợ  
        18  
    trình điều khiển in chung 18  
    vấn đề xử lý sự cố 125

## X

xóa phần mềm Macintosh 26  
xử lý sự cố  
    báo cáo tóm tắt thông tin mạng,  
        đang in 37  
    các thông báo trên bảng điều  
        khiển 95  
    các trang in chậm 123  
    các vấn đề với Macintosh 126  
    chất lượng in 114  
    giấy kẹt 103  
    tập tin EPS 127  
    trang cấu hình, in 37  
    trang không in 123  
    trang trắng 123  
    vấn đề Windows 125  
    USB cáp 123  
xử lý sự cố  
    bột mực không báo dính chặt  
        116  
    các trang bị lệnh 118  
    chất lượng in 121  
    danh sách kiểm tra 94  
    dòng, các trang được in 116  
    giấy bị cong 117  
    hiệu chỉnh 122  
    in không rõ 115  
    lỗi lặp lại 118  
    màu 118  
    nhấn 118

phân tán bột mực 118  
văn bản 117  
vết bẩn bột mực 116  
vết bột mực 115

